BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

---------- ๑๒๑ 🕮 ๑๒๑ ----------

PHẠM THỊ KHÁNH LIÊM

# BIỂU TƯỢNG TRONG BỘ BA TÁC PHẨM XỨ TUYẾT, NGÀN CÁNH HẠC, CỐ ĐÔ CỦA YASUNARI KAWABATA

Chuyên ngành: **Văn học nước ngoài**
Mã số: **60 22 30**

## LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**PGS. LƯU ĐỨC TRUNG**

**Thành phố Hồ Chí Minh - 2009**

# LỜI CẢM ƠN

*Tôi xin chân thành gởi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy hướng dẫn, PGS. Lưu Đức Trung đã tận tình giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài này.*

*Xin cảm cơn thầy cô, bạn bè, gia đình và người thân đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi thực hiện tốt Luận văn.*

*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2009*

**Người thực hiện**

**Phạm Thị Khánh Liêm**

# MỞ ĐẦU

## 1. Lí do - mục đích chọn đề tài:

1.1. Trong huyền thoại của đất nước Phù Tang, có những chiếc gương soi rọi bóng hình người đã khuất, có bà Chúa Tuyết hóa thân thành thiếu nữ hết kiếp này đến kiếp khác rong ruổi tìm kiếm sự chân thành, thủy chung. Cùng những câu haiku hóa cái khoảnh khắc trong vĩnh hằng, dẫn lối lên miền Oku sâu thẳm của Basho,… thoáng hiện một nền văn hóa.

Đó là quần đảo mộ chuộng cái Đẹp như định mệnh, *"Bất cứ người nông dân Nhật bình thường nào cũng là nhà mỹ học, nhà nghệ sĩ của tâm hồn, biết cảm thụ trực tiếp cái đẹp từ trong thiên nhiên… Nghệ thuật Nhật Bản nảy sinh chính là từ lòng tôn thờ cái vẻ toát ra từ tổng thể hoà diệu của thế giới xung quanh ấy!"* [51;1026].

Các bậc hiền giả chỉ để tâm vào việc suy nghĩ về từng cọng cỏ và kiệm lời, thậm chí vô ngôn trong sự diễn đạt cái bao la của vạn vật, vô tận của cuộc đời. Và nơi ấy, những thi phẩm như hát, xướng lên lời tán tụng cái đẹp, cuộc đời.

1.2. Một tâm hồn phương Đông sẽ mãi còn bí ẩn với thế giới nếu giải Nobel năm 1968 không trao vào tay người Nhật Bản chuyển lưu cái Đẹp Phù Tang mang tên Yasunari Kawabata bởi bộ ba văn phẩm tuyệt đẹp : ***Xứ Tuyết*** (Yukiguni), ***Ngàn cánh hạc*** (Senbazuru), ***Cố Đô*** ( Kyoto): *" Vì nghệ thuật viết văn tuyệt vời và tình cảm lớn lao thể hiện được bản chất của cách tư duy Nhật Bản".*

Những nghiên cứu về văn chương Kawabata rộng mở một cánh cửa cho nhân loại tìm đến với văn hoá và tâm hồn một quần đảo hoa anh đào xa lạ kia. Hấp lực của làn sóng phương Tây và khát khao mang lại cảm giác mới cho văn đàn Nhật Bản không thể cuốn Kawabata đi xa quá tinh hoa mỹ học Thiền đạo cũng như tinh thần Phật học truyền thống. Mối tương giao phức tạp giữa hiện đại và truyền thống đó đã tạo ra Kawabata của những dòng văn phẩm mượt mà như lụa tinh tế, giản dị mà thâm sâu, rất cá nhân, nhưng rất thời đại.

Sự tiếp nối và ngợi ca cái đẹp của thế gian là đóng góp không nhỏ mà Kawabata dành cho nền văn học nghệ thuật Phù Tang. Đề cập đến quan niệm cái đẹp

của Kawabata, Fedorenko nhận xét: *" Kawabata thường hay nói đến vẻ đẹp Nhật. Nhà văn muốn nhấn mạnh không phải cái cảm giác bình thường mà là cảm giác đặc biệt về cái đẹp. Thậm chí không phải đi tìm mà nhìn vào, nhìn một cách tò mò chăm chú, để phát hiện ra cái đẹp bên trong.*

*Kinh nghiệm nghệ thuật của Kawabata chịu ảnh hưởng rõ rệt của mỹ học thiền luận dựa vào suy nghiệm bên trong".* [51;1051-1052]. Văn chương Kawabata có sự mới mẻ của một cây bút hiện đại, của một khát vọng chấn hưng cái đẹp truyền thống. Khát vọng này làm nảy sinh những hoài nghi, luyến tiếc trong tâm lí các nhân vật cùng các vật thể biết phục sinh quá khứ trong bút pháp nghệ thuật của Kawabata.

Ý thức trau chuốt ngòi bút được Kawabata xác định trong cuộc bút đàm thầm lặng với Fedorenko*: " Mục đích của nhà nghệ sĩ không phải ở chỗ tìm cách làm cho mọi người kinh ngạc bằng cái li kì quái dị mà ở chỗ biết dùng cái chỉ vài phương tiện ít ỏi mà nói lên được nhiều nhất, biết dùng ngôn từ và màu sắc để truyền đạt cái cảm xúc và kinh nghiệm nhìn đời của mình"*[51;1034]. Vì vậy, Kawabata đã nhấn mạnh đến việc kiếm tìm những biểu tượng nghệ thuật đặc biệt nhằm mang lại chiều sâu cảm xúc và ngữ nghĩa vô hạn cho đối tượng miêu tả, đồng thời là một trong những phương thức biểu hiện cái Đẹp.

1.3. "*Nói là chúng ta sống trong một thế giới biểu tượng thì vẫn chưa đủ, phải nói một thế giới biểu tượng đang sống trong chúng ta"* [32; 14]. Với tư cách là một kí hiệu của thời gian, biểu tượng thẩm thấu truyền thống văn hóa của một dân tộc, nối kết với nhân loại, và gắn liền với phong cách nhà văn. Trong lòng văn học, biểu tượng xuất hiện như một tất yếu của tư duy sáng tạo, một thủ pháp nghệ thuật khơi gợi những ẩn nghĩa sâu xa.

Với người Nhật biểu tượng dường như là những "mật tự" dành cho trí tưởng tượng vốn có sẵn trong truyền thống ở từng chiếc gương, cánh hoa, phiến đá, thanh kiếm, chiếc áo *kimono*…Chúng tồn tại phổ biến mà không cần một lời giải thích tỉ mỉ nào, phần sâu nặng của ý nghĩa nằm ở tâm thức người Nhật vốn thâm trầm, sâu sắc. Trí tưởng tượng cùng tư duy phong phú ấy chan hoà từ cơ sở của mỹ học Thiền luận, của Thần học và những nguyên lí triết học lâu đời ở đảo quốc Hoa anh đào này. Bước vào văn học nghệ thuật, những biểu tượng khơi gợi chiều sâu của tâm tưởng, của suy

tư. Vì *"Người Nhật đã đưa ngôn ngữ của họ lên đến mức trừu trượng nghệ thuật"* [51; 1035] .

Dễ dàng nhận thấy, xuyên suốt những văn phẩm tao nhã của Yasunari Kawabata là những hình ảnh, hiện tượng, vật thể lên men từ nền văn hoá Phù Tang đầy tín ngưỡng, có khả năng biểu hiện tinh tế những ý niệm của con người về cuộc sống. Chúng cô đọng, hoàn hảo, tầng nghĩa vô cùng … khi mỗi sự vật, hay hiện tượng thiên nhiên kia là tiêu chuẩn ban đầu của mỹ học và tư tưởng Nhật Bản được Kawabata nâng chất, điểm tô, sáng tạo.

Thâm nhập vào vẻ đẹp gợi tình của thiên nhiên, của tâm hồn xứ sở hoa anh đào qua những trang văn rực cảm, đẹp như thơ, vốn đã đắm say từ những trang văn thời trung học, người viết muốn tiếp tục cuộc hành trình tìm sự bí ẩn trong thi pháp tiểu thuyết Kawabata từ lâu đã được nhiều ưu ái của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Biểu tượng ***tuyết, gương*** và ***kimono*** là ba trong rất nhiều hình ảnh tượng trưng được Kawabata sử dụng trong bộ ba tác phẩm đã đưa ông vào danh sách người đoạt giải Nobel văn học.

Vì thế, người viết thực hiện đề tài ***" Biểu tượng trong bộ ba tác phẩm: Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Cố đô của Yasunari Kawabata"*** với mong muốn bước đầu khám phá bản sắc văn hoá và đặc trưng tư duy cùng tầng sâu thẳm tâm hồn con người đảo quốc Phù Tang dựa trên tiêu thức biểu hiện tín ngưỡng cái Đẹp của người lữ hành Kawabata.

## 2. <u>Phạm vi nghiên cứu</u>

Về văn bản, các tác phẩm của Y. Kawabata trích dẫn trong nghiên cứu này đều được lấy ra từ quyển: *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, Trung tâm văn hóa Đông Tây, NXB Lao động, Hà Nội. (2005)

Trong quá trình nghiên cứu, để cho cở sở lập luận của mình thêm thuyết phục, chúng tôi sử dụng thêm những tài liệu trên báo chí, sách và internet về lịch sử, văn hoá, văn học nghệ thuật, … có liên quan.

## 3. <u>Ý nghĩa của đề tài</u>

Về mặt khoa học, luận văn góp phần bổ sung vào quá trình tìm hiểu và xác định thi pháp tiểu thuyết của Kawabata .

Đồng thời, luận văn sẽ đưa ra một cách phân tích mới mẻ, góp phần vào chất lượng giảng dạy tác phẩm của Kawabata trong nhà trường phổ thông trung học và đại học.

Đề tài này sẽ giúp người viết bổ sung kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, làm cơ sở cho phương hướng phát triển đề tài trong tương lai.

**4. <u>Phương pháp nghiên cứu:</u>**

- Phương pháp nghiên cứu văn học dưới góc nhìn văn hóa
- Phương pháp loại hình
- Phương pháp liệt kê
- Phương pháp so sánh
- …

**5. <u>Lịch sử vấn đề:</u>**

5.1. Giải Nobel Văn học năm 1968 trao cho Kawabata Yasunari đã chứng tỏ văn chương Kawabata mang tầm vóc bậc thầy thế giới với tài năng và phong cách nghệ thuật độc đáo.

***Bách khoa toàn thư Nhật Bản (Encyclopedia of Japan)*** đã đánh giá cao các tác phẩm của Kawabata. Mục Kawabata Yasunari đã khẳng định thái độ coi trọng giá trị truyền thống , *"cũng có nghĩa ông coi trọng cái chết, sự suy tàn bằng cách thương xót hơn là chấp nhận"*[72; 177]. Như vậy, chủ nghĩa duy mỹ không hề phai mờ trong Kawabata, ông hướng tới cái đẹp bằng một niềm tin gần như tuyệt đối. Bằng cách chú trọng vào vẻ đẹp của *hình ảnh chiếu gương mặt trong tấm kính, giọng nói đẹp não lòng*, và nhìn vào *bề mặt màu xám sáng của men Iga biidoro* là nhìn vào vẻ đẹp vô song.

Cũng là đề cao nghệ thuật của Kawabata. Trong ***Hướng dẫn người đọc đến với văn học Nhật Bản***, J. Thomas Rimer cũng đã viết: *"Mặc dù có những gợi ý về một triết lí thẩm mỹ phức tạp phía sau văn bản, tiểu thuyết vẫn có một sự lôi cuốn tức thời, cả trong màu sắc hình ảnh, lẫn trong sự nhạy bén tâm lí thể hiện những đoạn đối thoại khác nhau tạo nên nhịp điệu cho câu chuyện. Ngôn ngữ của Kawabata*

*kiệm lời nhưng lại rất gợi cảm…"* [73;115]. Kawabata được đánh giá cao về nghệ thuật viết truyện, nhất là khả năng gợi cảm của ngôn từ " có thể làm lu mờ khả năng của bất kì camera nào".

Một công trình khá nổi bật nghiên cứu về Kawabata nhưng lại chủ yếu lí giải phương pháp sáng tác của nhà văn, đó là : ***Kawabata Yasunari: Sự giao hoà giữa bài ca cổ điển phương Đông với những kĩ thuật tiên tiến***. Tác giả là Setsuko Tsutsumi đã tập trung lí giải, tìm hiểu tác phẩm tác giả ở phương diện phương pháp sáng tác dựa trên sự kết hợp của văn hoá, mỹ học, triết học... Nhật Bản. Là một luận án Tiến sĩ của người Nhật về văn hoá văn học Phù Tang tại trường Đại học Washington, nên cách tiếp cận và thể hiện cội nguồn dân tộc lẫn văn hoá truyền thống Phù Tang của người viết rất tường tận, tỉ mỉ rất đáng quan tâm.

Tôn vinh Y. Kawabata tại lễ trao giải Nobel văn học năm 1968, Anders Usterling đã ca tụng nghệ thuật viết văn của Kawabata: *"Tác phẩm của Kawabata làm ta nhớ đến hội hoạ Nhật Bản; ông là kẻ tôn thờ cái đẹp mong manh và ngôn ngữ hình ảnh u buồn của hiện hữu trong cuộc sống của thiên nhiên và thân phận con người"* [1; 958]. Rõ ràng, với Kawabata cái đẹp luôn gắn bó với nỗi buồn trong quan hệ tương hỗ, điều này cũng xuất phát từ ý niệm mỹ học truyền thống Nhật Bản, cái đẹp sẽ không đầy đủ nếu thiếu nỗi buồn.

Tuy niềm bi cảm aware là một phẩm chất thẩm mỹ đặc biệt của nhà văn để ông được mệnh danh là ***"Người lữ khách ưu sầu đi tìm cái đẹp***" nhưng văn phong trong trẻo, tinh tế của Kawabata vẫn là điểm dừng của biết bao nhà nghiên cứu. Nhà văn vô sản Aono Xuetuti trong cuốn ***Các nhà văn Nhật hiện đại*** tâm sự: *"Mỗi lần đọc tác phẩm của Kawabata tôi lại cảm thấy các âm thanh xung quanh tựa hồ như lắng đi, không khí bỗng trở nên trong trẻo, còn tôi thì hoà tan vào trong đó."* [61; 21]

Yukio Mishima trong *Lời giới thiệu* cuốn ***Ngôi nhà của những người đẹp say ngủ và những truyện khác (House of the Sleeping Beauties anh other stories)***, (Edward Seidensticker dịch ra tiếng Anh xuất bản ở NewYork ) cũng đã đưa ra những nhận xét sâu sắc về văn phong cũng như đề tài tư tưởng của tác giả: Sự bất tử, cái chết, dục tính lại được đặt cạnh nhau một cách hoàn hảo trong câu chuyện có nhiều ẩn dụ, biểu tượng, và văn phong dòng ý thức.

Bài viết ***Kawabata – con mắt nhìn thấu cái đẹp*** của nhà nghiên cứu người Nga N. Fedorenko được Thái Hà dịch ra tiếng Việt như một bức tranh cuộn Nhật Bản thu gọn thiên nhiên con người vùng Kamakura, cùng Kawabata với các hoạt động đời thường cùng sinh hoạt nghệ thuật đồng thời chấm phá vài quan niệm nghệ thuật. Fedorenko khẳng định:*"Chất thơ trong văn xuôi, ngoài ngôn từ điêu luyện, suy nghĩ giàu chất nhân đạo, thái độ trân trọng đối với con người và thiên nhiên đối với các truyền thống nghệ thuật dân tộc tất cả những cái đó làm cho sáng tác của Kawabata trở thành hiện tượng xuất sắc trong văn học Nhật và văn học thế giới"* [51; 1052]

Nhìn tổng thể, cái đẹp, nỗi buồn, chất thơ là những vấn đề được đánh giá cao trong sáng tác của Kawabata. Người Việt tập trung nghiên cứu vào những mảng như phong cách, cái nhìn, nhịp điệu, ngôn ngữ… trong cái nhìn vốn có sẵn đó.

5.2. Một năm sau khi Kawabata đặt tay lên giải Nobel văn học, ở Việt Nam đã xuất hiện một số bài nghiên cứu, giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của Yasunari Kawabata.

Đáng kể là công trình nghiên cứu ***Yasunari Kawabata, cuộc đời và tác phẩm*** của Phó giáo sư Lưu Đức Trung. Tác phẩm đi sâu phân tích tư tưởng, cuộc đời, tác phẩm cùng những yếu tố thời đại ảnh hưởng đến con đường nghệ thuật của Kawabata. *" Chất trữ tình sâu lắng, nỗi buồn êm dịu"* [61;18] được kế thừa từ dòng văn Nữ lưu thời Heian là phong cách nổi bật của Kawabata. Và khẳng định *" Kawabata là nhà văn rất coi trọng ngôn ngữ. Ngôn ngữ của ông mẫu mực về phong cách Nhật : ngắn gọn, súc tích, sâu sắc. Câu văn mang nhiều biểu tượng và ẩn dụ kì diệu như thơ nhạc".*[61; 20]

Phó giáo sư Lưu Đức Trung vẫn tiếp tục viết về phong cách của Kawabata trong bài viết ***Thi pháp tiểu thuyết Yasunar Kawabata, nhà văn lớn của Nhật Bản*** trên tạp chí Văn học khẳng định, thi pháp tiểu thuyết Kawabata là thi pháp chân không, vốn là đặc trưng của thơ haiku. Hầu hết các bài nghiên cứu của Phó giáo sư đã thâu tóm được đặc trưng nghệ thuật của Kawabata, gần với thế giới biểu tượng trong sáng tác của Kawabata hơn cả!

Các bài viết khác về Kawabata cũng có ý nghĩa không nhỏ trong việc hoàn chỉnh chân dung văn học của nhà văn này tại Việt Nam. Năm 1991 ***Nhật Chiêu có***

***bài Kawabata, người cứu rỗi cái đẹp.*** Sau khi đi tìm cái đẹp mà Kawabata kế thừa từ truyền thống, nhà nghiên cứu khẳng định: *"Đối với Kawabata, người thuộc văn hoá Thiền tông, thì nghệ thuật vô ngôn và dư tình thuộc về truyền thống. Ông vận dụng nghệ thuật ấy một cách tuyệt vời vào tiểu thuyết hiện đại*" [11; 1074].

Cũng nghiên cứu về thế giới cái đẹp của Kawabata, bài viết ***Thế giới Yasunari Kawabata (hay cái đẹp hình và bóng)*** của Nhật Chiêu đi sâu vào cái đẹp hiện hữu (bi no sonzai), thông qua thẩm mỹ của chiếc gương soi. *"Thẩm mỹ quan của Kawabata từ ánh nhìn đầu tiên đến cuối cùng vẫn là soi chiếu thế giới vào một tấm gương kì diệu và sự vật được phản chiếu sẽ đẹp hơn bản thân sự vật".* [13; 89]. Đây là một bài viết đi khá sâu vào hình ảnh chiếc gương và khai thác chúng trên bình diện một biểu tượng của cái đẹp.

Tiếp đó là nghiên cứu về Kawabata với tiêu đề ***Yasunari Kawabata - Lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp*** của Nguyễn Thị Mai Liên, khai thác cái đẹp trong sáng tác của Kawabata dựa trên các tiêu chí : khiêm nhường, thanh tao, trong sáng, thanh xuân, hài hoà, u buồn, và hư ảo…

Khương Việt Hà đã tìm đến ***Mỹ học Kawabata Yasunari*** với những giới thiệu và dẫn chứng dày đặc cho các phương thức biểu hiện cái đẹp của Kawabata. Trong đó, tác giả có đề cập đến nghệ thuật sử dụng biểu tượng như là một phương thức biểu hiện cái đẹp. *" Ở đây Kawabata đã nhấn mạnh đến việc tìm kiếm những biểu tượng nghệ thuật đặc biệt nhằm mang lại chiều sâu cảm xúc và ngữ nghĩa vô hạn cho đối tượng miêu tả".* [25; 72]. Đồng thời tác giả cũng liệt kê khá nhiều những biểu tượng và đi sâu vào biểu tượng gương soi.

Tác phẩm ***Văn hoá Nhật Bản và Yasunari Kawabata*** của Đào Thị Thu Hằng nghiên cứu nghệ thuật kể chuyện trong sáng tác của Kawabata có đi vào không gian trong những tấm gương . Từ đó, ***"thủ pháp tấm gương"*** được tiến sĩ đề cập, như thể là *" một công cụ đắc lực trong việc khai thác thế giới nội tâm con người. Tấm gương của Kawabata được khoác một tấm áo rất hiện đại, mới mẻ với những quan niệm, triết lí về tình yêu, cuộc sống".* [28; 188].

Trên các trang web văn học vẫn có nhiều bài nghiên cứu về văn phong của Kawabata, nhưng đi sâu vào vấn đề biểu tượng thì hầu như không có. Dễ dàng nhận

thấy Phan Nhật Chiêu và Lưu Đức Trung là những người có đóng góp nổi bật cho việc nghiên cứu và giới thiệu Yasunari Kawabata ở Việt Nam. Mảng tác phẩm được khảo sát phổ biến nhất vẫn là ba văn phẩm : ***Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Cố đô***, đa số là tập trung nghiên cứu vào thi pháp, phong cách tiểu thuyết Kawabata. Một số bài nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề nghệ thuật trong sáng tác của Kawabata nhưng chưa khai thác sâu, dù vậy vẫn là những kiến thức quý giá cho bài nghiên cứu này.

# CHƯƠNG 1

# TUYẾT ( YUKI)

Trong cuốn *Thiên nhiên Nhật Bản*, J. Smith đã nhận ra: *"Bất cứ người nông dân Nhật bình thường nào cũng là nhà mỹ học, nhà nghệ sĩ trong tâm hồn biết cảm thụ trực tiếp cái đẹp từ trong thiên nhiên"* [51; 1026]. Tình yêu thiên nhiên là một vẻ đẹp tinh thần của người dân Nhật. Ngắm hoa, thưởng ngoạn tự nhiên, con người Phù Tang được dịp giao cảm với cuộc đời, bước vào chân không và phủ định tự kỉ (jiko hitei).

Đồng thời, với tín ngưỡng Thần đạo, người Nhật tìm thấy sự linh thiêng trong mọi hiện tượng thiên nhiên. Tuyết, trăng, hoa đều ẩn chứa linh hồn và dung chứa một ý nghĩa thẳm sâu huyền bí. Kami (thần thánh) có trong vạn vật, là sức mạnh bên trong của toàn bộ tự nhiên, nó hun đúc mối quan hệ thâm giao, chân thành, bình đẳng giữa người với người và với chính nó.

Theo triết gia Nhishi Kitaro (1870 - 1945), đối với người Nhật, cái đẹp là hiện thân vĩnh cửu của trần gian và người Nhật Bản chọn thiên nhiên làm tiêu chuẩn của cái đẹp.

Được mệnh danh là *người lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp*, như một duyên nghiệp, vẻ đẹp Nhật trong văn chương Kawabata trước hết vẫn là hoa, là cây cỏ, là khu vườn đầy ánh sáng…Trong đó, ba hình ảnh vốn dĩ rất quen thuộc với người Nhật là tuyết, trăng, hoa mang ý nghĩa hàm súc của *"bốn mùa thiên nhiên thay nhau nối tiếp, theo truyền thống Nhật Bản là tượng trưng cho vẻ đẹp nói chung: của núi sông cỏ cây của vô vàn những hiện tượng tự nhiên và cảm xúc con người*" [68;964] tràn ngập trong tác phẩm của ông. Chúng chuyển tải được bản chất tâm hồn Nhật Bản – đằm thắm, sâu lắng với thiên nhiên và con người.

Mang hơi thở gấp của thời đại văn chương mới, nhưng tác phẩm của Kawabata vẫn bàng bạc sắc màu của truyền thống cùng những âm thanh xưa cũ. Do vậy, Kawabata cứu rỗi cái đẹp trong khát vọng xây dựng một quan niệm mới về cái đẹp.

Yếu tính của nghệ thuật là cảm nghiệm cái vĩnh cửu trong khoảnh khắc, cảm nghiệm trong không gian bé nhỏ cả vũ trụ, một vũ trụ mà trong đó vạn vật hiển lộ.

Cho nên, khoảnh khắc tuyết rơi kéo theo cả chiều dài của vũ trụ, một bông tuyết có thể ngụ ý cả nhân gian. Tuyết trước hết với Kawabata, đó là tự nhiên (shizen), là thế giới vô thần, nhưng nó cũng chính là thần thánh (kami), nó tạo ra được một cõi an lạc vô biên, dù là khoảnh khắc rơi cũng hiện thân được cho vĩnh hằng. Và tượng trưng cho vẻ tinh khiết của người con gái.

### 1.1. Một thế giới trắng trong tinh khiết:

Cùng với hoa - nguyệt (setsu – getsu – ka ) tuyết vốn là biểu tượng truyền thống của thiên nhiên Nhật Bản, tượng trưng cho bốn mùa thay đổi và thời gian trôi qua, luôn hiện diện và quấn quýt bên cạnh người Nhật. Cùng với trăng gợi lên vũ trụ và pháp giới bao la, hoa hiện hữu của từng mùa từng thời, ba biểu tượng mỹ cảm của thiên nhiên Nhật Bản này đưa đẩy con người vào niềm giao cảm thâm sâu với tự nhiên và tạo nên cái đẹp của cõi trần ai. Đứng trên bệ đá của tư duy thẩm mỹ truyền thống, Kawabata thổi luồng gió mới vào các yếu tố mỹ cảm Phù Tang, hạt rượu được chưng cất đón nhận chất men say của tài năng, nên toả hương ngào ngạt.

Tuyết không chỉ là biểu tượng của thiên nhiên, mà khơi gợi được những tầng nghĩa mới về không gian và thời gian. Dù ở trạng thái nào, tuyết vẫn toả ra sự tinh khiết, thanh sạch.

#### *1.1.1. Không gian thanh sạch, tinh khiết*

Tuyết tự khởi thuỷ không phai màu, không đổi sắc, vẫn sắc trắng tinh nhuộm đầy không gian bằng khí lạnh toát ra từ bản chất. Sự trong suốt được tạo ra bởi bằng chuỗi kết hợp những tinh thể là một thí dụ đẹp về sự thống nhất các mặt đối lập, nó là vật chất nhưng y như nó không phải là vật chất. Nó là trung gian giữa cái vô hình và hữu hình. Ngưng tụ, lạnh giá và biến đổi, tuyết như một vũ khúc nàng tiên nào đó đánh rơi xuống trần thế.

Đối với Kawabata màu trắng của tuyết là *" màu thanh sạch nhất mà cũng hàm súc nhất"* [68; 971]. Bởi màu trắng tạo ra sự tinh khiết và ánh sáng (hikari). Vậy nên, ***Xứ tuyết*** đầy chất thơ. *" Trước mắt độc giả hiện lên phong cảnh giàu chất trữ tình của miền Bắc nước Nhật với không gian bao la phủ đầy tuyết, tràn ngập ánh nắng mặt trời, một khung cảnh nên thơ quyến rũ lòng người"*. [51; 1049]

Vùng suối nước nóng ở phía Bắc biển Nhật Bản, là bối cảnh của ***Xứ tuyết,*** hay nói khác hơn, tuyết làm nền cho Xứ mộng. Sau khi qua một đường hầm dài ngăn cách cách giữa hai vùng đất, một không gian tinh khiết của tuyết trắng bừng sáng. Với *"Những đỉnh núi lấp đầy tuyết lấp loá dịu dáng trong ánh sáng… và những que băng sáng bóng viền quanh các mái chìa, như những hình thêu tinh tế lóng lánh*".[ Xứ tuyết; 253], ***Xứ tuyết*** trở nên lộng lẫy, tràn ngập ánh sáng. Mỗi hạt tuyết luôn biết phát sáng. Ánh sáng ở ngay trong tuyết, trong không gian thưởng ngoạn lúc nào cũng bao trùm ánh sáng, khí trời khoáng đãng của người Nhật. Ánh sáng ở ngay trong người thưởng lãm Shimamura đang say mê bất tận với cái hữu hình nhưng thực chất vô hình kia. Vạn vật xung quanh đang hồi âm, cùng nhập thể với tuyết, cùng đạt đến trạng thái hoà điệu tuyệt vời.

Thiên nhiên luôn biết cách tìm ra mối nối để giao hoà, hoà trộn, chuyển hoá cùng vũ trụ và điểm tô cho nhau. Ở đây, một sự trong trẻo, tĩnh lặng đến trống vắng, thường có của không gian núi non vĩ mô với xu hướng biểu hiện cái đại ngã, đang hoà trộn với sợi tuyết mỏng manh nhỏ bé. Tựa như một bài haiku có con ốc nhỏ bình thản từ từ bò lên ngọn Fuji hùng vĩ của Issa. Mỗi vật thể bé bỏng này dung chứa một tiểu vũ trụ với tinh thần của một đại vũ trụ. Một tinh thể tuyết bé bỏng cũng là một đại vũ trụ. Tuyết có thể tan chảy thành nước, hoặc vượt qua ngưỡng nhiệt độ kia để thành hơi. Như hình tượng bất khả hồi của bao hiện tượng thiên nhiên *" hoa rụng không trở về cành được".* Nhưng trong quá trình ấy, ở các thể rắn, lỏng, khí, tuyết đã tạo nên được biết bao diện mạo và kiến tạo cho trần gian này biết bao vẻ đẹp mới. Như thể tuyết là một thế giới riêng tư của sự tinh khiết, và nó giao tiếp với cuộc đời bằng vạn vạn cuộc viễn du với nhiều gương mặt khác nhau. Bởi: " *Cái vĩnh hằng của vũ trụ được nhận thức thông qua tính biến dị vô cùng vô tận và qua những biến đổi của nó".* [51;1035]. Cho nên, đa dạng, ngẫu hứng, gần gũi là hình hài của tuyết. Mỗi bông tuyết rơi là một vũ điệu. Một bản giao hưởng sẽ được hoà điệu, trong sự hoà nhập giữa núi con, khí trời, cây cỏ: Tuyết trên đỉnh núi là lớp kem mềm được bao phủ bởi làn khói nhẹ, hay những hình thêu tinh tế trên những mái nhà, hay những đoá mẫu đơn trắng…

Khi tuyết biến đổi liên tục trong "thanh âm im lặng", nó sáng tạo theo nghệ thuật thư pháp. Có hàng vạn cách để nhìn tuyết trên tờ giấy lụa. " *Lúc thì rắn rỏi, dứt khoát, sắc cạnh, gẫy khúc, lúc lại mềm mại, tròn trịa, uốn lượn uyển chuyển. Đó là thứ đường nét có nhịp điệu và nhịp điệu trong bút hoạ Nhật Bản cũng là nhịp điệu của cuộc sống vậy !"* [ 51; 1033]. Cho nên, muôn hình vạn trạng thế giới đang được sinh ra phía sau những ngẫu hứng phiêu linh mà Kawabata khám phá từ tuyết. Đó có thể là Mỹ học của đá do tuyết tạo nên mang chiều sâu triết học:*"... Những hòn đá to tròn nhẵn, trắng xoá những tuyết ở phía bóng râm và sáng loáng ở phía có nắng, đen như mực, chúng bóng loáng không phải vì ướt mà chủ yếu vì chúng được bào nhẵn bởi băng giá, gió mưa*".[ Xứ tuyết; 254]. Hay một hiện tượng thiên nhiên được cảm nhận ở chiều sâu tầng bậc như một sinh thể sống động có linh hồn. *" Những đám tuyết từ trên những cánh bá hương rơi xuống mái nhà tắm tạo thành những khối bẹt chẳng ra hình thù gì, gần như di động, gần như ấm áp"* [Xứ tuyết ; 253].

Tuyết ngưng đọng, nên che chở thiên nhiên. Là bài ca, nốt nhạc, bông hoa, rơi xuống từ trên cao. Mang theo sự thanh bình. Sự mỏng manh, dễ tan vỡ trong từng lọn tuyết lớn, ở từng mảng băng tuyết sáng ngời, là biểu tượng của sự vô thường, phù du, mỏng manh. Điều mà người Nhật cũng tìm thấy trong từng những cánh hoa anh đào tung tán rời cành ngay lúc rực rỡ nhất từ niềm bi cảm aware. Lẽ phù du của nó làm nên cái đẹp, cái cao quý của trần gian này. Cho nên Otrinicop nhận thấy:*"Những cánh hoa sacura không hề biết đến sự tàn héo"*. [65;61]. Tuyết cũng là hoa không hề biết sự tàn héo:

*"Cửa sổ khuôn vào màu bầu trời xám quánh những búi tuyết rơi thẳng xuống như những đoá hoa đơn trắng trong sự yên tĩnh hài hoà và êm đềm có chút gì siêu nhiên."* [Xứ tuyết; 321]. Vẻ đẹp của những bức tranh này, không nằm ở sự kì vĩ của cái bát ngát, hoành tráng, như thơ Đường, nó ẩn mình trong sự hài hoà giữa đường nét và ánh sáng. Sức gợi cảm, ấn tượng của sự tao nhã là điểm đến của nó. Cùng một khung cảnh tuyết bay, ngòi bút lẩy của mỗi tao nhân sao rất khác. Đây là tuyết của Pauxtopxki trong tác phẩm cùng tên:

*" Thành phố Trung Á đón Petrop với tuyết trắng và vừng mặt trời lồ lộ trên bầu trời trong vắt. Tuyết phủ đầy trên các cành cây cổ thụ, trên hàng rào và trên cả*

*đường dây điện thoại. Đường phố to rộng sáng chói như được xé ra từ những đống tuyết lấp lánh muôn màu hình sao tuyết. Dãy núi Alatao toả sáng về thành phố qua lớp băng xanh lam thanh khiết. Đôi khi đất lở trên triền núi và bụi trắng bốc mùi lên".*[34;148]

Thế giới tuyết của Pauxtopxki ăm ắp, tràn ngập trong từng câu chữ, trên cành cây cổ thụ, hàng rào, dây điện thoại…như bức tranh sơn dầu đậm chất phương Tây, nặng, đủ đầy…Tuyết hiện diện trong mối quan hệ với vạn vật ở lời văn với phần liệt kê dày đặt, mô tả sống động, tinh tế, uyển chuyển. Riêng Kawabata, ông "*đã chọn được một đề tài thích hợp cho cuộc tao phùng giữa thơ haiku vì tiểu thuyết có thể tựu thành"* Do vậy, tuyết của Kawabata nhẹ nhàng, chỉ là những khoảng chừa trống vắng được tạo nên bằng vài nét phẩy thanh thoát của một bức tranh thuỷ mặc. Lời được thong dong tuôn ra từ những khoảng trống mênh mông đó. Trong ***Cố đô***, tại rừng thông liễu, Naeko đón nhận tuyết đến rất nhẹ nhàng, qua lời văn trống vắng của Kawabata: *"Cứ đang làm việc, cắm cúi trên các súc gỗ, thì tuyết đã đọng trên lá thông liễu thành một lớp trắng tinh lúc nào không biết. Nhìn lên thì dường như những bông hoa trắng đã thình lình nở rộ".* [Cố đô; 735]

Những bức tranh về tuyết của Kawabata như biểu tượng cho nghệ thuật của thị giác! Màu sắc thanh tao, đường nét thanh khiết, giản dị gợi mỹ cảm. Sự giản khiết của hội hoạ, lối ví von tinh tế, mở ra một thế giới lưng chừng. Thanh bình và tĩnh lặng. Cảm giác thiếu vắng này tạo ra sức gợi mạnh mẽ và thu hút.

*" Đó chính là tinh thần của hội hoạ phương Đông, Ý nghĩa của tranh thuỷ mặc phương Đông là ở trong Khoảng trống, ở giữa cùng không gian để ngỏ không chứa đựng gì của bức tranh trong những nét chấm phá khó nhận thấy".* [68; 970].

***1.1.2. <u>Thanh lọc và hiền lương:</u>***

Xâu chuỗi tác phẩm của Kawabata chợt nhận thấy có màu sắc hư ảo của chủ nghĩa siêu nhiên, của kinh nhà Phật, của chất phương Đông. Màu sắc, cõi niết bàn, … là dư vị không hẳn chỉ có trong ***Xứ tuyết.*** Đây đó là màu sắc trong đôi mắt khép lấy màu sắc hư vô làm điểm tựa cho cõi ảo trong truyện ngắn trong lòng bàn tay tên ***Tuyết*** :*" Màu đen của đôi mắt khép, một hạt ánh sáng nhỏ như hạt đậu bắt đầu nhảy múa. Những hạt ánh sáng màu vàng nhạt như trong suốt. Màu vàng ấy chìm sâu vào*

*làn ánh sáng bạc, thì tốc độ và phương hướng cũng thay đổi theo, thành những hạt tuyết… Trong màn đêm của đôi mắt khép, tuyết rơi gần hơn. Và trong khi rơi nhanh xuống tuyết trở thành những đoá hoa… Yên lặng và không âm vang, những bông hoa tuyết cuốn lấy Sankichi"* [Tuyết; 209]. Hay ở màu sắc hư không trong truyện ngắn của cảm giác - ***Cánh tay***. *"Anh thấy gì? / Một màu sắc. Một vệt tím. Và trong đó là những vòng tròn nhỏ đỏ và vàng, xoay thành vòng xoáy…"* [Cánh tay; 97].

Ở giai phẩm ***Xứ tuyết***, màu trắng cũng là vẻ đẹp. Với sắc trắng, người ta nghĩ ngay đến giá trị tột cùng. Đó là màu của các màu. Là vô sắc – nên dường như vô hình. Có chăng là hiệu ứng của thị giác. Màu trắng của tuyết là nốt nhạc của thị giác! Tuyết không có tốc độ rơi dữ dội, cuồng nhiệt, chỉ nhẹ nhàng buông xuống trần thế màu trắng tao nhã từ những diện mạo thanh tao, nhưng khơi gợi được cảm thức thẩm mỹ ở người thưởng lãm. Riêng bản thân Kawabata: *"Dường như màu trắng có một ý nghĩ đặc biệt đối với ông, không nghĩ về màu trắng như sự thiếu hụt màu sắc, ông còn tin rằng, đó là màu khởi điểm, chứa đựng tất cả các màu sắc khác"*[27; 1102 ]. Vì vậy mà, màu trắng trong tác phẩm của Kawabata có được sức mạnh diệu kì. Nó không siêu thực, không là ảo giác, nhưng nó hướng tâm hồn con người tới thế giới vô thức, dẫn dụ vào cảm thức liên tưởng mênh mông. Từ đó, bừng dậy một thế giới của vẻ đẹp và sức sống nhuốm màu trầm tư, biểu cảm của màu sắc và đậm đà Phật tính.

Hoạ sĩ W. Kandinsky, một con người có nhận thức về màu sắc vượt trên vấn đề thẩm mỹ thuần tuý đã nghĩ về màu trắng:*"Màu trắng mà người ta thường coi là vô sắc… giống như một biểu tượng về một thế giới, trong đó mọi màu sắc là thuộc tính của những thực thể vật chất đều tan biến cả. Màu trắng, nó động đến tâm hồn chúng ta… như là trạng thái yên lặng tuyệt đối"* [32; 943].

Những màu sắc và hình ảnh rất đỗi Phật tính kia tựa tình yêu với thiên nhiên với sự trong sáng đậm đà chất Nhật Bản phải chăng cũng chỉ là hướng tới sự an tịnh trong tâm hồn mỗi con người. Cái đẹp trong mỗi bông tuyết rơi chính là cái đẹp của bản tâm thanh tịnh được đạt tới trạng thái *satori* (đạt ngộ). Bởi khơi dậy được cái đẹp là khơi gợi được thế giới tâm linh con người. ***Xứ tuyết*** tràn đầy màu trắng, nên có khả năng khơi gợi tính nhân bản, lòng nhân hậu và những suy tư về thân phận con người.

Đó là thiên nhiên diệu kì của Kawabata! Một món quà tự nhiên hào phóng ban tặng. Như khi nặn được quả cầu tuyết lớn, Basho hồ hởi bước vào lều.

*Cời lửa lên đi*

*Món quà của tôi rất tuyệt*

*Quả cầu tuyết đây!*

Cả thế giới đang trong lòng bàn tay ông, một quả cầu tuyết. Đó là lời ca ngợi thiên nhiên vô cùng nồng nàn, mà Kawabata say sưa theo tiếng gọi say đắm của Basho tiền nhân "trở về cùng thiên nhiên". Đó là lý tưởng fuga, lí tưởng phong nhã, đã từng hoạt hoá những bài tanka của Saigyo, những tranh thuỷ mặc của Sesshu, thẩm thấu qua nghệ thuật Trà đạo của Rikyu… *"Kẻ nào ấp ủ nó đều đón nhận thiên nhiên và trở nên người bạn của bốn mùa"(Basho)*

Cũng với lý tưởng đó, tuyết của Kawabata là cảm nghiệm về sự sống toàn bích ở nơi sâu thẳm (oku) mà Basho đã dấn thân, để không gian của ***Xứ tuyết*** là của chỉ một sự huyền diệu (myo), vô thường và vĩnh cửu. Một lọn tuyết, một con đường ngập tuyết, những que băng sáng bóng, tựa dải lụa trắng là cả một thế giới, là một thiên đàng mộng ảo giữa trần ai.

"*Các quả núi đen sẫm nhưng vẫn rực sáng ánh tuyết. Và đối với Shimamura, lúc này chúng có vẻ trong suốt một cách kì lạ và toát lên một nỗi buồn không tên: sự cân bằng hài hoà giữa bầu trời và đường tối sẫm của các đỉnh núi đã bị phá vỡ"* [ Xứ tuyết; 250]

Shimamura lãng tử dựa vào suy ngẫm bên trong bộc lộ sức mạnh tinh thần của mình đến độ vô ngã, dần dần hoà vào cái tổng thể thiên nhiên. Thiền tính của Nhật Bản là thế! Xoá bỏ ranh giới giữa các sự vật hay trong thế giới tinh khiết này, định tính của sự vật bị tẩy xoá, chỉ còn lại là hư không… để lại một niềm khinh thanh dịu nhẹ (karumi) mà Basho đã nhắc tới như một phong thái ung dung tự tại:

*Mưa mù sương*

*phù dung một đoá*

*làm mùa lên hương*

Chỉ một làn hương cũng đủ ngất ngây một tâm hồn, cũng dậy lên một không khí Niết bàn. Shimamura mộng trong đời thực, bởi vẻ trong suốt đến kì lạ của những

ngọn núi tuyết phủ nhuốm vào không gian cuốn anh vào cõi mộng. Không có sai biệt giữa chính nó với màu đen của màn đêm. Bởi*" Bản ngã và phần còn lại của vũ trụ không phải là những thực thể tách biệt nhau mà cùng nhau thực hiện chức năng chung"* [53; 40]. Cũng như khi nàng geisha tài hoa Komako nhìn thấy *"...Bầu trời trong như pha lê. Xa xa trên các ngọn núi tuyết trông như một lớp kem mềm mại được bao phủ một làn khói nhẹ"* [Xứ tuyết; 265] thì cũng là lúc rơi vào cõi như như. Làn khói nhẹ như tơ, vô hình mà hữu hình, tựa hồ nắm bắt được, tựa hồ hư không, như ánh sáng đom đóm trong lòng bàn tay của Issa. Không gian vẫn là như thế, vẫn là vậy, nhưng không là vậy, dưới lớp phủ của tuyết, dường như nó xa xôi, vô tận và biến đổi!

Nhưng giá trị vật chất tột cùng mà Thế giới tuyết mang lại cho con người Nhật Bản, có lẽ là những thớ vải chijimi có khả năng thanh lọc. Đây là những khuôn vải được tuyết sinh ra. *" Tuyết kéo ra từng sợi và cũng như chính tuyết đã dệt những sợi ấy thành tấm vải… rồi chính tuyết lại giặt tẩy cho nó sạch bong ra. Tất cả được tạo thành, bắt đầu và kết thúc trong tuyết"* [ Xứ tuyết; 322]. Rất tự nhiên, tuyết mang lại giá trị vật chất vô giá. Được nâng niu suốt sáu tháng ròng rã, tuyết hoá thân vào từng thớ vải mát lạnh, đầy tâm linh bằng bao công sức và tinh thần của những thiếu nữ sơn cước. Chính vì thế, sức mạnh thanh lọc mà sợi vải chijimi mang lại là bất diệt.

Sự hoà điệu tuyệt vời của những sợi gai trắng trải dài trên tuyết, hoà dưới tuyết để hồng lên dưới ánh mặt trời mọc, chỉ nghĩ đến thôi *" Shimamura đã có cảm giác được thanh lọc mạnh mẽ đến nhường nào"* [Xứ tuyết; 323]. Kết quả lao động trong giá lạnh tinh khiết mà tuyết mang lại thanh tẩy mọi nỗi niềm, đưa con người phút chốc về chốn hiền lương. Cho nên chỉ nghĩ đến những sợi gai ánh lên dưới nắng hồng, anh tin chắc là những bộ *kimono* của anh được tuyết tẩy trắng, trút được vết cáu, vết dơ của mùa hè mà chính anh cũng như được tắm gội sạch sẽ.

Không những vết dơ mà cả những phồn hoa, những mảnh vụn trong tinh thần hỗn tạp của Shimamura cũng được cuốn trôi dưới ánh sáng nguyên sơ, giản dị của một đời sống chất phác, điền viên nơi mảnh đất này. Tuyết đẩy con người vào trạng thái vô tư trong sáng, bằng sắc trắng và tính chất giá lạnh của nó! Mọi bụi bặm trần ai tan biến trước tác dụng diệu kì của tuyết. Bởi thế mà tâm hồn bén nhạy đầy vướng

bận của Shimamura chợt được gột rửa khi đặt chân xuống vùng tuyết trắng. Làn không khí buốt lạnh đã đánh thức lương tâm Shimamura và anh chợt thấy hổ thẹn về cách xử sự bất nhã của mình lúc trên tàu.

Cũng là một cái nhìn toàn cảnh về cuộc sống, về thế giới cách biệt thế giới âm thầm và im lìm tồn tại. ***Xứ tuyết*** của Kawabata và của Joso đều chìm trong sắc trắng của tuyết, những con suối, bụi cây, tảng đá, nhà cửa, cả dấu vết của con người, bị vùi hẳn ngay dưới lớp tuyết ấy.

*Núi đồi và những cánh đồng*
*chìm trong tuyết*
*tất cả đều tan biến đi*

Để lại là một sự trống không, hư vô. Sự hư vô trong từng sinh vật, là mầm mống sự sống, sự sinh tồn. Nơi im lìm, sâu thẳm kia ngự trị sức sống mãnh liệt, những con người nơi đây cũng vậy, sống trong khung cảnh rất đỗi yên tĩnh mà tràn ngập năng lượng. và được thanh tẩy đến mức trắng ngần, tinh khiết.

Để lại là hư vô, là không không ! *"Đó là khoảng không, nơi vạn vật tồn tại ngoài mọi rào cản, mọi giới hạn trở nên tự thân, chính mình. Đó là vũ trụ của tâm hồn"*.[68; 968]. Trong khoảnh khắc ấy, con người tìm thấy niềm an lạc vô biên. Tuyết giăng giăng một thế giới thanh sạch, hoài thai đời sống thanh bình, thuần hậu, chất phác. Đó có lẽ là trạng thái nhập chân không mà người Nhật hướng tới. *"Một chân không đầy ắp thiên nhiên, nơi ta tìm lại mình trong chiều kích sâu thẳm, cái chân không đầy an lạc mà người Nhật gọi là sung thực không hư (jujitsu kukyo).* [15; 430]

Có một quá trình, đang tồn tại dưới sự yên tĩnh, có một sự vận động, đang duy trì và phát triển giữa vẻ đẹp diệu kì kia.

Đó là những con người của tuyết.

### 1.2. Những con người thuần khiết của tuyết

Con đường sâu thẳm của Basho và ***Xứ tuyết*** của Kawabata đều *" tìm kiếm cái đẹp trong sâu thẳm thiên nhiên ở tận phương Bắc, và đều " tìm kiếm cái "tố phác" chưa bị những hội chợ phù hoa làm vẩn đục!"* [13; 88] . Không hàm ý sâu xa về một biểu tượng mang nội dung giáo lí, hay một nhục thể từ hình hài một thiếu nữ, tuyết đơn giản là dáng dấp của người thiếu nữ trong trắng. Đó là Komako. Nàng là tuyết. Với đặc tính lưng chừng: *"Tuyết là nước trong thể đặc biệt không lỏng mà cũng chưa đặc. Tuyết ở địa vị trung gian, trắng ngần băng lạnh dung hòa nhiệt độ những thiêu đốt, làm sáng những đòi hỏi, giảm tính cực đoan trong tình yêu tuyệt đối".* [36; 1006]

#### *1.2.1. <u>Vẻ ngoài tinh khiết:</u>*

Quần đảo hoa anh đào theo huyền thoại từ tập huyền sử Nihongi (Nhật Bản kỉ) là con cháu của Nữ thần mặt trời Amaterasu đẹp rực rỡ và chói lọi ánh sáng. Truyện cổ Nhật Bản cũng lưu truyền câu chuyện về Bà chúa tuyết khát khao hạnh phúc, phải thay hình đổi lốt nhiều lần chỉ hầu mong kiếm tìm được một hạnh phúc đích thực.

Hình bóng phụ nữ thấp thoáng trong văn chương Phù Tang từ thuở trời đất mới tụ thành huyền thoại. Và ngàn năm trôi qua, phụ nữ ở quần đảo này vẫn mang trong mình nét đẹp Nữ tính - yasashi chuyển lưu từ Murasaki, Sei Shonaga, Komachi, Izumi đến Highuchi Ichiyo… Đến Kawabata, thừa nhận bản thân chịu ảnh hưởng sâu sắc của truyện Genji và ông say mê tác phẩm giàu tính nữ ở *Tiểu thư sâu bọ* vì đó là *" một sự tôn thờ cái trinh bạch của phụ nữ và lời ca ngợi nữ tính vĩnh cửu"* [14; 88], đồng thời cũng không ngần ngại khẳng định: *" Tôi thuộc về vẻ đẹp Nhật Bản".* Từ đó, Kawabata làm một *Eien no tabibito* (Vĩnh viễn lữ nhân) theo cách gọi của MishimaYukio đi về phía tâm hồn trinh bạch, sáng ngời của thiếu nữ Nhật dưới ánh nhìn yugen của từng bông tuyết trắng.

Này là Yoko, Komako, những thiếu nữ dệt chijimi… tuy gần gụi, giản dị, nhưng huyễn hoặc, xa xôi. Họ sinh ra giữa không khí thanh sạch và sắc trắng trinh bạch của tuyết nên cũng sáng trong và tinh khiết. Nhưng hiện thân đầy đủ nhất của biểu tượng tuyết có lẽ chỉ là Komako của ***Xứ tuyết.***

Ngay cái nhìn đầu tiên, Shimamura đã thấy người con gái Komako có cái gì đó quá tinh khiết. Vẻ sạch sẽ và tươi mát của cô *"gợi trong anh những tình cảm bạn bè trong sạch"* [ Xứ tuyết; 232] và anh *"ngây ngất ngắm làn da mát rượi lành mạnh trắng đến tinh khiết gợi đến sự sạch bóng của những đồ phơi giặt ngoài trời"* [Xứ tuyết ;321]

Dường như có sự tương đồng giữa tuyết và thiếu nữ sơn cước này từ hơi thở, làn da đến giọng nói, hành vi… Bởi làn da, bởi sự tinh khiết toát lên từ mọi biểu hiện của cơ thể nàng, *" Nước da hồng hào mịn màng với cái cổ trinh bạch và đôi vai mảnh dẻ còn sắp đầy lên chút nữa, cô gợi một ấn tượng tươi mát, trong sạch đến nỗi cô có tất cả vẻ đẹp quyến rũ của một sắc đẹp cho dù cô không đẹp hoàn hảo"* [ Xứ tuyết; 241]

Hơi thở, làn da, mùi hương của con người là do bản chất tạo nên, khó mà kiến tạo lại được. Komako tựa như được tạo nên từ tuyết, thanh sạch từ cảm nhận của chính người đối diện. Nó giục gọi trong tâm thức Shimamura biết bao liên tưởng: *" Làn da cô khiến người ta nhớ tới vẻ cái nhẵn của một củ hành tươi bóc vỏ hoặc hơn thế nữa, của một củ huệ, nhưng với một chút ửng hồng toả xuống tận hõm ngực. Một hương thơm của sự sạch sẽ thoang thoảng quanh cô"*[Xứ tuyết; 270]. Khiến anh cảm nhận vẻ đẹp thanh khiết của Komako phô bày như một ảo mộng về sự trinh bạch. Nhưng nàng sống, sống tự nhiên như một quy luật tự nhiên của tuyết. Và Kawabata chỉ tinh tế đặt vào thế giới tâm hồn Shimamura phần nhận thức về giá trị, cái đúng đắn, cái đẹp và giá trị tồn tại ở con người Komako để người con gái của ông sáng bừng lên như ảnh ảo của nàng trong chiếc gương soi đầy tuyết trắng. Shimamura quyến luyến ***Xứ tuyết*** cũng phải thừa nhận bởi có Komako trong đó. Chàng say mê nét nữ tính ở làn da, dáng điệu hồn nhiên của cô, như người ta say mê những dòng ôn tuyền nơi xứ lạnh này vậy!

Làn da, cảm giác buốt giá của bàn tay Komako là nỗi ám ảnh đọng lại rất lâu trong Shimamura. Nên khi thiếu vắng nàng, anh chợt đắn đo: *"Phải chăng con người nhờ có làn da mịn dịu thơm mà con người biết yêu thương?"*[Xứ tuyết; 295]. Rồi như một thói quen vụng dại dành cho Komako, anh luôn nghĩ về cô với khao khát sự đụng chạm với làn da mịn màng, thanh khiết. *" Đúng ra đó là một giấc mơ hơn là sự*

*thèm muốn thân xác, trở thành nỗi niềm thương nhớ nảy ra trong anh, như nỗi niềm thương nhớ huyền bí về những đỉnh núi cao"* [Xứ tuyết; 294]. Một cảm giác *yugen* bất tận, thẳm sâu, huyền diệu của Komako phảng phất trong cõi lòng Shimamura. Tựa như gấp lại một bài thơ haiku nhỏ bé, không truy cầu triết lý, mà ẩn nghĩa loang ra một trường liên tưởng nên thơ vậy!

Chủ thể trữ tình Komako không bộc lộ đồng nhất trong khoảnh khắc được hạnh ngộ tình nhân. Rất ngẫu hứng. Những trang nhật kí dồi dào, nồng nàn, sống động và khát khao như đôi môi của nàng, để lại trong lòng Shimamura *"một cảm giác thanh thản, một sự thoải mái tột độ chẳng khác gì anh đã để cho tiếng tuyết rơi lặng lẽ nói thay anh".* [Xứ tuyết; 248]

Nàng có một vẻ ngây thơ trong sáng biểu lộ qua nếp nghĩ, sự thông minh, sự hồ hởi, ham muốn học hỏi, ở cái cách cô buông lơi theo tiếng đàn, ở nhịp điệu cơ thể duyên dáng *" căng lên giây lát để rồi lả lơi hơn đầy nữ tính… Ánh mắt cô ướt và sáng một cách ngây thơ lại càng non trẻ; đôi mắt cô vẫn là đội mắt của một thiếu nữ mới lớn, gần như của một đứa bé..."*[Xứ tuyết ; 269]

Komako chọn cách sống không từ bỏ chính mình, khước từ sự thờ ơ của thời gian vốn nghiệt ngã dành cho những thiếu nữ sơn cước hẻo lánh. Mạnh mẽ hơn, giẫm đạp lên số phận và dành cho cá nhân mình những ân sủng để thành một geisha không thể lẫn vào đâu ở vùng núi thu hút đàn ông này. Để đàn hát, yêu, sống, làm việc… đều nhiệt tình như một đứa trẻ. Tài ba và kiên trì, cuồng nhiệt. Như người lớn biết quý trọng cuộc đời mà tìm cách lưu dấu lại, Komako lưu lại cuộc đời mình dưới bóng dáng trẻ thơ. Không như vũ nữ Itzu vẫn còn quá ít thời gian lưu trên cơ thể mảnh mai, *"với đôi chân dài trắng mịn duỗi ra giống như cây liễu nhỏ",* riêng ở Komako nét từng trải của cuộc đời, sự bất hợp tác của cuộc sống, trôi nổi của tình yêu dường như bị đào thải trong dáng dấp của nàng. Khi bất chợt ngắm một bên má đỏ ửng của Komako, hay trong cái vồn vã mê say của tình yêu, Shimamura đều đối diện với một tư cách ngay thẳng, hồn nhiên, đầy tình cảm trực tiếp của đứa trẻ thơ vô tư trước vần xoay tạo hoá. Gần gũi. Đa dạng. Nàng là tuyết.

Tất cả Komako, khiến người ta sửng sốt. Tài năng, dồi dào nội tâm, kiên trì, ở cô luôn đọng lại một nét gì đó thanh khiết. Vẻ thanh khiết kia có hiệu ứng phát sáng,

khơi gợi thế giới nội tâm người đối diện, để tâm hồn họ không thể yên lặng, mà như có ba đào cuộn trào, những giả dối, hồ nghi giãy dụa. Và cả cuộc đời cô nữa, nhờ vậy cũng được rọi sáng. Ánh sáng thoát ra từ con người cô, tưới tắm tâm hồn cô và khắp người cô tiết ra hương thơm của sự trong  sạch. Vẻ đẹp của nàng chính là sự trong sáng, sạch sẽ, cái bản tính nguyên sơ được duy trì và thấm đẫm tinh thần matoko (chân thành). Đó là tinh thần của Thần đạo, thanh sạch và giản dị!

Tinh thần ấy, bắt rễ vào sự trong sạch đến từ dáng vẻ trẻ thơ của các nhân nữ của Kawabata. Kiểu phụ nữ trong  trắng này loại bỏ hoàn toàn hoàn cảnh sống và công việc bên ngoài sự trẻ trung và nhan sắc . Một Kaoru non trẻ, một Yoko thanh cao, Komako nồng nàn, thanh khiết, Chieko rất thanh nhã và gia giáo, Naeko khoẻ khoắn, chất phác…Tất cả họ, đều gợi sức sống, và một cảm giác thanh khiết trước cuộc đời. Đó là một phần không nhỏ, tạo nên thứ văn chương mượt mà giàu nữ tính.

Đó là cái dáng vẻ non tơ đã dẫn dắt chàng trai trẻ mười chín tuổi Kawabata say mê đi từ ***Vũ nữ Izu*** nơi suối nước nóng:*“ Tôi nhìn nàng, nhìn đôi chân non trẻ, nhìn thân hình trắng muốt như tạc và bỗng nhiên như thể có một suối nước tinh khiết rửa sạch tim tôi”*.[Vũ nữ Izu; 29] Sự trong sạch của cô bé như một phép lạ khiến chàng lãng tử tôi cười vang, hạnh phúc. Đó là câu chuyện mở đầu cho cuộc hành trình mê mải đi tìm *“ niềm trinh bạch của Cái Đẹp và tình yêu*” (Nhật Chiêu) của Kawabata.

Đó là cô con dâu Kikuco trong ***Tiếng rền của núi*** khi bước vào nhà chồng vẫn còn nét nũng nịu của con gái út.*“ Trong điệu bộ ngúng ngẩy đôi vai của Kikuco, Singo nhận thấy có vẻ gì đó rất đáng yêu, thoáng một nét đỏm dáng ngây thơ, trong trắng.”* Sự khổ hạnh mà nàng có xa lạ với vẻ thánh thiện kia.

Đó là giọng nói cao vút của Yoko, *“ Giọng nàng sao mà tuyệt diệu đến thế, nó cao vang và rung lên lướt như một tiếng vọng trên tuyết và trong  màn đêm; nó có một vẻ quyến rũ cảm động đến nỗi làm cho trái tim người ta man mác buồn”….* Âm thanh giọng nói của Yoko có một sự trong trẻo kỳ diệu giữa khí trời giá buốt. Từ con người Yoko toát ra nét dịu dàng quyến rũ, mỏng manh và ý tứ, như một loại men sứ quý giá được chưng cất từ tuyết chỉ sinh ra và chỉ tồn vong ở chính mảnh đất của tuyết này thôi. Lưu lạc theo Kawabata, đến ***Xứ tuyết***, thế giới thanh sạch kia ngưng tụ trong bông tuyết Komako. Mãnh liệt và toàn vẹn!

Cả Kikuco, Komako, hay Yoko có sự nhạy cảm tinh tế, tự nhiên đầy biểu cảm của thiếu nữ trong sáng xa lạ với cuộc đời mà các cô đang đeo đuổi. Cái dáng vẻ trinh bạch ấy là niềm mê say của Kawabata. Dẫn dắt ngòi bút ông qua bao hình dung thiếu nữ đều sáng ngời, trinh bạch. Lẽ vậy mà nhà văn vô sản Aono Xuetuti trong cuốn Các nhà văn hiện đại (1953), tâm sự:*"Mỗi lần đọc tác phẩm của Kawabata tôi lại cảm thấy xung quanh tựa hồ như lắng đi, không khí trở nên trong trẻo, còn tôi thì hoà tan vào trong đó."* [51; 1052]

Những người phụ nữ được sinh ra trong bầu không khí thanh sạch ấy cũng trong sáng và thuần khiết như tuyết, tiếng cười, làn da, ánh mắt … hoà quyện với nội tâm dồi dào, tân tuy hi sinh của vẻ đẹp nữ tính đằm thắm được chuyển lưu từ dòng văn hoá Heian.

Con người trong thế giới ấy, nơi Kawabata dệt mộng, được trở về với chính mình, sáng ngời bản tính hoà diệu nguyên khởi. Sự tuyệt đỉnh về cái đẹp trong tâm hồn là điểm dừng vô giá trong hành trình tìm kiếm cái Đẹp của Kawabata.

### *1.2.2. <u>Tâm hồn trong sáng:</u>*

Cái đẹp nữ tính yasashi là chất men say đắm lòng người trong truyền thống văn học Nhật, từ ***Vạn diệp tập***, đến ***Genji monogatari***, cả những tập thơ ***Ngày kỉ niệm Xalát*** của Tawara*, " vô số tâm hồn phụ nữ Phù Tang hiện ra với ta, trong hạnh phúc và đau khổ, trong ghen tuông và độ lượng, trong bình an và sóng gió".* [13; 82].

Nhật Bản trong Kawabata chính là phụ nữ. Gạt bỏ những cương thường, khí phách nam nhi của các samurai, trong văn phẩm của ông mềm mại *"trước những uyển chuyển thướt tha trong dáng vóc, réo rắt trong tiếng đàn, những khúc mắc trong ánh mắt, tâm hồn kĩ nữ geisha"* [36; 998]. Ông lấy tâm hồn ấy từ tinh thần Phù Tang, từ thiên nhiên Nhật Bản kì lạ, khắc nghiệt mà nồng hậu, một thiên nhiên mong manh mà mạnh mẽ vô cùng. Đặc tính đó của thiên nhiên hun đúc sự mạnh mẽ, bản lĩnh, nghị lực cho các thiếu nữ sinh ra vốn dĩ có những yếu đuối, thường tình nữ nhi. Nhưng dù có mạnh đến đâu, vòng xoáy tình yêu vẫn cuốn lấy họ.

Một tình yêu không đơn giản. Nó như tuyết. Đa dạng, nhưng vẫn là tuyết. Say mê, đắm đuối, và cũng rất tỉnh táo, e dè… dù vậy, vẫn là một tâm linh tận hiến. Đó là tình yêu của geisha. Tình yêu của Komako có sức mạnh kì lạ dù hoàn cảnh có bi đát

đến đâu. Niềm vui, nỗi buồn cứ hoà trộn, nhập nhằng. Điều này đúng với con tim biết yêu của Rabindranath Tagore: *"Cái giàu cái nghèo của nó là vô biên, niềm vui nỗi buồn của nó là trường cửu"*.

Shimamura gặp Komako, mong mỏi ở cô nàng có nét trinh bạch này một *"tình cảm bạn bè trong sạch"* để *"chia sẻ những hứng khởi cao quý và sự thanh thản mà anh có được ở vùng núi cao này"*. Nhưng Komako lại yêu anh và tận tuỵ yêu bằng thứ tình cao quý nhất, thuần khiết nhất, say đắm và mê mải. Không hề có đòi hỏi, không hề có vụ lợi ở mối tình tạm bợ tất nhiên của một lãng tử và geisha vùng sơn cước xa xôi. Nhưng ánh lên trong tình yêu ấy, như một lẽ tất nhiên của một cô gái đầy nhục cảm trinh bạch là một tình yêu tuyệt đối tự nguyện. *" Với em, em sẽ không hối tiếc, không bao giờ em hối tiếc cả* [Xứ tuyết; 314.]

Chợt thấy ở ***Linh Sơn,*** Cao Hành Kiện cũng đặt để nhân vật trong thế giới huyền thoại ấy, nơi con người sống và sinh tồn bằng tình cảm nguyên sơ, như chính Cao Hành Kiện nhận xét: *" Thế giới ấy, như một truyền kì cổ xưa, quá là xa với với thế giới chúng ta"*. Tình yêu của Komako cũng thế, nó được gọi ra từ thế giới huyền thoại, hoang sơ, đắm đuối. Khi cô gọi : Shimamura! Shimamura! Thì *" Đó là tiếng gọi lột bỏ hết sự giả tạo, là một tiếng kêu thực sự của trái tim, là lời cầu cứu của một người đàn bà với một người đàn ông của mình hoàn toàn tự nhiên, mộc mạc, rõ ràng"*. [ Xứ tuyết; 242]. Thế mới chính là Komako, một tấm lòng trinh còn sót lại, mà Thuỵ Khê nhận xét: *" Nàng mang tâm hồn thuần tuý của một geisha, nàng là Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách, trong không gian quạnh hơi thu lau lách đìu hiu. Nàng là chút dư hương cuối cùng của một ngành nghệ thuật sắp tàn phai, chập chờn trong buổi giao thời"*[36; 1005]

Những nỗ lực đáng thương chống cự lại tình yêu, đều vô vọng. Kawabata để tâm hồn nàng thuần khiết quá khi yêu, nên như có lửa cháy mãnh liệt tự trong tuyết, Komako dường như mê đi giữa niềm đau đớn tuyệt vọng. Nàng bị giằng xé dữ dội giữa tình cảm bản năng, và một lí trí dành cho mối quan hệ tạm bợ, thoáng chốc. Nàng cắn vào tay áo mình một cách dữ dội, như điên cuồng cưỡng lại cảm giác hạnh phúc tuyệt vời bằng cách cố gắng huy động mọi giác quan còn tỉnh táo.

Tuy nhiên, ngày lại ngày Komako vẫn âm thầm đợi chờ người lữ khách, vẫn cuồng nhiệt hướng về phía Shimamura một trái tim thuần khiết. Rồi cũng bình tĩnh thản nhiên thú nhận chờ đợi chàng một trăm chín mươi chín ngày. Và "*bây giờ cô lại say sưa nói và toàn bộ cơ thể lại rừng rực lên trong niềm say sưa ấy*". [ Xứ tuyết; 249].

Tất cả Komako là sự đam mê. Vẫn biết đam mê sẽ mang đến cho con người bao khổ luỵ, nhưng vứt bỏ đam mê, sợi dây nối liền cuộc sống với con người không còn nữa, sống liệu có ích gì? Dưới bức hoạ chiếc thuyền ***Thất thánh tài*** của danh họa người Nhật Yamaoka Tesshu có viết rằng: *"Nếu ai hỏi bằng cách nào để vượt qua thế giới phiền toái này, nên bảo với họ rằng: Hãy đi xuyên qua những chỗ nông cạn của đam mê"*. **[**33; 25**]**. Đam mê khiến con người ta cuồng dại, có khi ngu muội đánh mất lí trí, trái tim không có mắt, sẽ gây nên biết bao muộn phiền, nhưng đam mê như dòng nước ngọt tưới tắm tâm hồn, nuôi dưỡng niềm vui sống của con người.

Komako đam mê nghệ thuật, cộng với nội tâm dồi dào, nàng như chú chim non khát khao vùng vẫy mà bị giam hãm. Thiếu bầu trời như thiếu tri âm để cùng hoà chung tiếng hót. Nên tìm thấy ở Shimamura niềm thấu cảm với những gì Komako đã đeo đuổi và biết lắng nghe cách nàng cảm thụ cuộc đời, nàng như chiếc cung căng mình tột độ, rồi từ từ thả lòng, nhắm mắt, lao về hướng đã định như cánh hoa anh đào vô tư lự thả rơi sự mỏng manh trong trạng thái an nhiên tuyệt đối. Bởi thế, trách chi Shimamura ngự trong tim nàng như dải ngân hà rực sáng và nàng tận tuỵ dâng hiến niềm vui đang có cho Shimamura.

Ngược lại, Komako như một tia sáng ấm áp rơi trong đêm tối đến tâm hồn chàng, thậm chí, nuôi dưỡng đời sống nội tâm của chàng. Nhưng Shimamura dù ý thức được điều đó, anh vẫn để nàng ở khoảng trống rỗng không điểm tựa. Mong muốn đụng chạm vào làn da thanh khiết của Komako, thực chất xuất phát từ ham muốn thể xác của anh. Cách đối đãi của anh dành cho nàng vẫn là cung cách của một khách làng chơi dành cho kĩ nữ. Cho nên, dù cố ý hay không ít nhiều gì, Shimamura vẫn làm Komako đau lòng.

Một lần, vô tình, anh đã với tay tì lên vết thương trên trái tim nàng. Đó là lúc chìm sâu vào cảm giác khoan khoái của hơi ấm Komako, Shimamura nhận thấy một

*“ sự hiện diện sống động của đàn bà”,* anh mơ màng đánh giá : *Em là người đàn bà tuyệt hảo!* [Xứ tuyết; 309]. Câu nói được lặp lại hai lần, như thanh gương chém sâu vào trái tim một geisha có ý thức.

Trong nguyên tác, Shimamura đã thốt lên: *Kimi ii musume dane.* Nghĩa là: em là một cô gái tuyệt vời. Rồi bất giác chàng đổi lại: *Kimi ii onna dane*. Chính sự thay đổi đột ngột này khiến Komako cảm thấy bị tổn thương nặng nề. Do: ***onna*:** là danh từ, chỉ người đàn bà thường mang nghĩa coi thường, vì nó ám chỉ một người phụ nữ hấp dẫn về thể xác trong khi từ ***musume*** dành để chỉ người con gái, chưa chồng, ngây thơ trong trắng. [35; 551/ 561]

Bản dịch đã bỏ qua sắc thái tinh tế này. Mà dù vậy, phản ứng của Komako vẫn vô cùng gay gắt và đau đớn: *“ mắt cô rực lửa, vai run lên vì giận, mặt đỏ nhừ,… và nước mắt ràn rụa trên gương mặt tái ngắt!”* [Xứ tuyết; 309]. Đó là khi tình yêu trong sáng, vô vụ lợi bị xúc phạm, bị khinh ghẻ, xem thường! Tuyết bị giẫm đạp!

Komako đã yêu Shimamura, yêu chân thành, bằng bản ngã, vượt lên trên nhục dục đơn thuần của một geisha biến chất thời ấy! Yêu bằng sự hồn nhiên giàu có, tràn đầy, thuần khiết, thẳm sâu riêng mình. Khát vọng yêu và được yêu hoà vào nhục cảm thể xác như một lẽ tất yếu. Làm geisha, chẳng phải để kiếm tiền, mà để chờ đợi, bởi, nếu: *“Anh đi khỏi, em sẽ sống lương thiện”* [Xứ tuyết;334]. Làm sao cô có thể quên chính mình để dâng hiến tự nguyện cho Shimamura , mà không nhận được một thứ gì trao lại ?

Một đời sống tinh thần đầy bất trắc, dồi dào nội tâm ở một geisha là một điều cần thiết nhưng là một nhược điểm. G.Vostokos (Nga) đã khẳng định rằng: *“Geisha hoàn toàn không phải là người phụ nữ bán mình, điều hoàn toàn phụ thuộc về nghĩa vụ của cô ta; đó chỉ là những nữ nghệ sĩ được mời đến với một số tiền thù lao cho việc giải trí và thú vui của nghệ thuật”*.[67; 88]. Lẽ vậy, Komako lưu trú lại trong lòng Shimamura cảm thức nghịch dị, sự mê đắm thể xác và cả sự trân trọng tâm hồn tài hoa rồi để lại một niềm khinh thanh dịu nhẹ (karumi).

Geisha Komako là hiện thân của tuyết, của vùng đất cô đang tận tụy tìm thấy sự siêu thoát tinh thần khi sống giữa bùn nhơ. Phái đồ Thần đạo thường quan niệm: *“ Mặt ta có thể thấy điều dơ bẩn, nhưng tâm ta vẫn trong sạch; tai ta có thể nghe điều*

*dơ bẩn, nhưng tâm ta vẫn trong sạch"*. Và *" bao giờ tâm trí mình hợp lẽ với chính lí, thời dẫu mình không khấn vái, thần thánh cũng phù hộ mình"* [16; 177]. Thái độ ứng xử tuyệt với của người Nhật nảy sinh từ những triết lý thấm đẫm lòng nhân từ của Phật giáo lẫn Thần đạo. Bất chấp những bất hạnh trong cuộc đời, nhân vật của Kawabata vẫn lưu giữ tâm hồn trong sáng và bản tính thiện quý giá. Sống yêu thương và tận tụy trong lặng lẽ là tôn chỉ và mục đích của những nhân vật truyền thống của Kawabata. Như Kawabata đã nói cho chúng ta, qua dòng suy tưởng của Shimamura : *"Tự đáy lòng anh, đang nghe từ phía Komako như một tiếng động lặng thầm, như tuyết rơi lặng câm trên thảm tuyết, như thứ tiếng vọng lịm dần sau sự bươn chải qua những bức tường trống rỗng"* [Xứ tuyết ; 325]. Từ nàng Komako, ta thấy thấp thoáng bồ tát trọc đầu O-Nobu (một truyện ngắn của Kawabata), với tiếng động rất khẽ rơi ra từ hạt dẻ " *da dẻ người con gái, đã nhuộm màu ẩm ướt của thanh lâu, thân người kĩ nữ được phong "bồ tát", cũng phong sương vô thừa nhận như bức tượng đầu trọc, có lẽ đã lượm từ nghĩa địa*". [36; 998]

***Cành Sakura*** đã nhận ra rằng: Người Nhật Bản từ thuở xa xưa đã quen chia người phụ nữ ra thành ba loại: để cho ngôi nhà của mình có người nối dõi tông đường là vợ; để cho tâm hồn là geisha với trình độ học vấn của cô ta, để cho thể xác là các cô ôiran. Kawabata đã gởi gắm một nét đẹp lưng chừng giữa đời sống tinh thần Nhật Bản đang chao nghiêng khi một cô ôiran và một geisha gần như là một.

Một geisha không thuần nhất thanh khiết, chỉ để cho tâm hồn, và tài hoa; một geisha biết dùng thể xác ở các trà thất, nhà trọ, nhưng vượt lên trên là cách cô đối xử với chính tâm hồn mình, geisha Komako ở suối nước nóng xa xôi hẻo lánh là một geisha tuyệt vời! Khiến cho ai cũng có giấc mơ về một thế giới tinh khiết.

Cũng được kết tinh từ tuyết, một vẻ đẹp lí tưởng chừng như hư vô mà Kawabata tiếp bước thế hệ trước bày phơi trên những trang văn mộng mơ của mình, đó là ***thiếu nữ dệt vải chijimi.***

Từ lâu, Thiền Tông Nhật Bản xác định: *"Con người được tạo ra từ tự nhiên, và chỉ có thể phát triển tốt nhất khi sống hợp tác với tự nhiên, thay vì cố gắng nắm giữ và cải tạo tự nhiên"* [ 69; 47]. Câu chuyện về các thiếu nữ dệt vài chijimi gần như là huyền thoại, khi các nàng đều là những trinh nữ miền núi, gần như hiến thân xác

tâm hồn vào thế giới Tuyết. Họ tự nguyện giam hãm mình suốt sáu tháng ròng trong tuyết lạnh mùa đông, kéo những sợi tơ gai ẩm ướt buốt giá dệt nên những tấm vải mỏng manh. Những bụi bặm phù hoa không len vào được vẻ đẹp cùng đời sống điền viên của các cô. Giao tiếp với thiên nhiên và hoà hợp cùng thiên nhiên để lưu giữ cái tinh tuý nhất của nó đã mang đến cho họ vẻ đẹp khác lạ. Như lời Marx nói: Con người đẹp nhất trong  lao động sáng tạo. Cái đẹp đó rất thực tế. Nó định tính cho sự phát triển về vật chất lẫn tinh thần của con người.

Nhưng vẫn có đời sống khá nghiệt ngã, những tấm vải chijimi là cơ hội để các nàng chạm vào thế giới phù hoa, chờ một cơ hội để kén chồng. Lúc tuyết tan, mùa xuân về, những ngôi nhà mùa đông mở cửa, những khách buôn giàu có từ các độ thị Edo, Nagoya, hay Osaka kéo về, cũng là lúc các cô trẩy hội. Những thiếu nữ học dệt từ tấm bé thường hoàn thành những sản phẩm tuyệt tác ở tuổi mười bốn đến hai mươi bốn. Hoa tay và tài năng của mỗi nàng sẽ sáng tạo ra những sản phẩm khác nhau. Mỗi tấm vải là tài hoa, là tâm hồn, là thể xác của các trinh nữ. Cuộc sống điền viên, thanh sạch, miệt mài lao động của các thiếu nữ dệt chijimi vẫn là hướng tới một thế giới khác, đầy ảo mộng, nơi các đô thị phù hoa thông qua chính sản phẩm lao động của mình.

Kì thực vẻ đẹp của của sợi vải chijimi cơ hồ chỉ là hư ảo, các cô núp phía sau những khuôn vải nổi tiếng ấy. Dường như vô hình trong thiên nhiên, nhưng Kawabata cho họ sống một đời sống vĩnh cửu, trong liên tưởng của lãng tử trí thức Shimamura: *“ Khi anh nhe giọng Yoko, làm sống lại bài hát thời thơ ấu, trong  lúc tắm, anh vụt có ý nghĩ các cô gái thời xa xưa ấy cùng một lúc cất tiếng hát trong  lúc chăm chú vào công việc, khom mình trên khung dệt, đưa thoi chạy vun vút qua giữa hai làn sợi…”* [Xứ tuyết; 324]. Giam mình trong giá lạnh và ẩm ướt của ***Xứ tuyết***, tuyết không chỉ thấm vào từng sợi tơ gai mà còn thấm sâu vào tâm hồn thanh khiết của các cô. Các nàng trinh nữ ấy có thật không? Hay chỉ là trong  thế giới đắm say của Shimamura về một hiện thân của cái đẹp. Tài hoa và vẻ đẹp của nàng trong ảo tưởng của Shimamura vẫn cứ sáng ngời .

Nhưng *“ một công việc mà trái tim đã đặt cả tình yêu vào đó, liệu nó có truyền đi được lời thông báo về lòng dũng cảm của một nỗ lực thuần nhất và lòng nhiệt*

*thành của một cảm hứng thuần nhất"?* [Xứ tuyết;327] Hay dù vải chijimi có lưu lại dấu vết ở cõi đời này, thì tất cả tình yêu của người đàn bà ***Xứ tuyết*** đã tiêu tan cùng các cô, không lưu dấu lại!

Chàng day dứt đi tìm câu trả lời trong sự rong ruổi quay về một nghề truyền thống đã mai một. Dầu vậy, hình bóng của các nàng thiếu nữ dệt vải Chijimi vẫn trinh bạch, vẫn thấp thoáng trong văn hoá Phù tang, và phản phất đâu đó trong gương mặt của Komako, Yoko, Chieko, … Và tinh thần lao động miệt mài của nàng vẫn là một dấu son đáng trân trọng trên vùng sắc xoá tuyết giăng kia.

Như lời Hữu Ngọc viết : *" Nhà văn Mishima đề cao truyền thống nam nhi quyết liệt còn nhà văn Kawabata lại tìm bản chất văn hoá dân tộc trong nghệ thuật tế nhị nữ tính"*. [ 52;116].Quá nhiều đóng góp của Kawabata cho sự tạo dựng hình ảnh người phụ nữ Phù Tang. Dù hướng tới một vẻ ngoài trong trắng, nhưng điểm đến của Kawabata vẫn là đời sống nội tâm phong phú và chiều sâu tâm hồn nhân vật. Âm vang trong trang văn giàu nữ tính này là tâm hồn phụ nữ Nhật Bản sâu sắc và chân thành. Chính những tâm hồn đó là bảo tàng vĩnh cửu cho cái đẹp truyền thống Nhật Bản.

### 1.3. Thời gian vô thường:

#### *1.3.1 Trong sự luân chuyển của bốn mùa*

Từ trong truyền thống, người Nhật Bản đã đắm say mùa và vận chuyển mùa vào văn chương nghệ thuật.

Đó là ngàn chiếc lá thơ ca ***Manyoshu*** (Vạn diệp tập) phát tiết niềm vui, sự sống được xếp theo từng mùa, như vòng sống, và màu của nó vậy – màu thời gian. Lẽ vậy mà ***Manyoshu*** còn có ý nghĩa là màu thời gian, tập thơ của ngàn đời ( mandainoshu - Vạn đại tập). Đó là khu vườn Bốn mùa Rokujo en ( Lục điền viện) của chàng hoàng tử ánh sáng, trong kiệt tác Genji. Ở đó, Murasaki cai quản vườn xuân, vườn hạ thu đông lần lượt được các người đẹp khác cai quản. Còn Genji là người chủ tuyệt với của thiên nhiên, thời gian và tình yêu. Tinh tế như lời của Lưu Đức Trung nhận xét*: " Phong cảnh Nhật với sắc trời thay đổi theo bốn mùa xuân, hạ , thu, đông, hình ảnh những người đàn ông và phụ nữ Nhật được miêu tả rõ ràng sinh động đến mức tưởng như trông thấy những con người bằng xương bằng thịt"*. [63]

Nhịp diệu thời gian được nhắc đến cô đọng bằng những biểu tượng mùa thực chất là một truyền thống của văn chương cổ điển phương Đông. Với người Trung Quốc, đó là những biểu tượng, với Nhật Bản , đó là quý ngữ (kigo). Những biểu hiện về mùa như hoa mùa xuân, ve mùa hạ, trăng thu, tuyết đông… là những quy ước bất di bất dịch để nhận diện tín hiệu thời gian trong tác phẩm.

Luân chuyển của bốn mùa ở quốc đảo hoa anh đào được hiển thị giản dị trong một bài haiku 17 âm tiết với một bông hoa, một con ve, một vầng trăng hay tuyết… Không dụng công theo tinh thần "trực chỉ nhân tâm", *kigo* trở thành một yếu tố cần thiết để một bài haiku hàm súc, phong nhã, tinh luyện. Sự tinh giản điêu luyện trong 17 âm tiết của thơ haiku có sự góp nhặt của cách sử dụng từ ngữ. Đó là *" một sự chế ước cao độ về từ ngữ - sao cho đạt đến độ chắt lọc, tinh tuý nhất"* [ 29; 38], tưởng như rời rạc, kì thực sâu chuỗi bằng một cảm nghiệm thâm sâu, vừa nằm trong vòng của suy tưởng, vừa thoát ly thực tế để chiêm nghiệm.

Khi Basho viết:

*Một đám mây hoa*
*chuông đền Ueno vang vọng*
*hay đền Asakusa*

thì không cần phải suy tư cũng dễ dàng nhận diện được hơi thở của mùa xuân đang váng vất trong lòng tác giả, bởi đám mây hoa kia chính là rừng hoa anh đào tưng bừng khoe sắc quyện cùng âm thanh lễ hội.

Cảm nhận sâu sắc những giá trị truyền thống, Kawabata sử dụng những hình ảnh rất đặc trưng để định tính thời gian. Mưa thu, trăng thu trong ngày mùa thu trong veo của xứ Izu, những đám cỏ kaya trắng xóa, thếp bạc lên núi non của ***Xứ tuyết***, tiếng ve kêu, đàn muỗi khổng lồ trong ***Tiếng rền của núi***, những loài hoa tháng sáu của ***Về chim và thú***. Mùa xuân rực rỡ hoa anh đào của ***Cố đô***… Ngay cả cách đặt tên chương cho tác phẩm, cũng ẩn ý tuyến thời gian trong sự định dạng các biểu tượng. *Hoa mùa xuân, Lễ Bon (Cố đô), Tiếng ve kêu, Quả hạt dẻ, Anh đào mùa động, Tiếng chuông mùa xuân, Cá mùa thu (Tiếng rền của núi)*… Nhà nghiên cứu Nhật Chiêu đã phát hiện : *" Đọc lướt qua chúng, nghe như có ai đó đang nói về các đề tài của thơ*

*haiku. Chúng chẳng chỉ định một điều gì cả. Chúng chỉ giới thiệu cho chúng ta tiếp xúc với thiên nhiên vạn vật"*. [11;1062]

Mang dáng dấp của những câu thơ haiku, một quý ngữ vốn dùng để chỉ mùa đông lạnh được Kawabata vận dụng tinh vi, hài hoà trong chuỗi văn xuôi bất tận của ông, tuyết. Vượt lên trên, tuyết của Kawabata khơi gợi ấn tượng và kêu gọi sự hoà nhập của người đọc vào ẩn ý của ông. Từ hoặc ngữ chỉ mùa (kigo) tự nó nổi bật và tự nó định tính cho các điểm xuyến khác. Là một yếu tố mỹ cảm của thiên nhiên Nhật Bản, với cách diễn đạt mượt mà như lụa, tuyết là một biểu tượng sáng chói. Với cách đó, ông giao cảm với thế giới bằng những sợi nước ngưng tụ thành hoa, thành bông, tĩnh lặng, im lìm mà cũng rất dữ dội và mãnh liệt.

***Xứ tuyết*** của Kawabata đưa bước chuyển của mùa tinh tế, và dịu dàng đến thế. Mỗi mùa lại thấy một hình dung khác của tuyết tung rơi.Vẫn là tuyết, là tuyết, tồn tại suốt bốn mùa tưởng chừng như vùng núi non với những dòng ôn tuyền ấm nóng này im lìm ngủ trong mùa đông. Kì thực, thiên nhiên và con người nơi đây sinh sôi bất tận trong bốn mùa rạch ròi, mà đường kẻ giữa chúng mỏng mang hơn hẳn các vùng đất khác. Tuyết cũng là một sợi tơ mảnh cho lằn ranh thời gian ấy. Mùa xuân cũng là của tuyết. Bừng lên cho không gian vẻ đẹp của rừng núi và *"yên tĩnh thanh bình tựa một bài thánh ca"*. Shimamura đến với với xứ sở của tuyết lần đầu, mà mê đắm vùng núi non của cô gái thanh sạch tinh khiết. Rồi mùa đông lạnh giá giăng mắc ở lòng anh một vẻ đẹp hư ảo, mới mẻ và đầy hứng khởi, với giá rét từ những *"bộ áo lóng lánh của sương giá tuyết băng*". Để cuối mùa thu, sự ảm đạm của khí trời, sắc lá phong nhuốm màu bi thương lên trên cuộc tình đang dần ngả vào sự hiu quạnh.

Ba lần đến ***Xứ tuyết*** của Shimamura đều chứa sự dụng công tinh tế của Kawabata cho tuyết trắng tựa như ba dòng rơi của một câu thơ 17 âm tiết. Lần một là khởi, nhịp điệu nhẹ nhàng, thanh thản của cảm xúc đầu tiên. Làn tơ cảm giác tuyệt vời sạch sẽ tươi mát, cùng sự am tường nghệ thuật của  một cô gái ở vùng hẻo lánh đã làm nền và tạo sự bắt cầu. Lần hai cũng là dòng hai chuyển, nhịp chân sóng bước của đôi tình nhân trong mùa của tuyết khi cô gái đã thành một geisha thực tài hoa, tâm hồn đạt độ chín muồi, cùng lúc có sự đan xen và ám thị bởi một bóng hình con gái khác. Một sự luân chuyển chừng như không chủ đích sang lần ba, độ sâu tinh tế của

lần ba từ cuối thu sang sớm đông và sự bùng phát dữ dội nhiều cảm xúc của những trang cuối chẳng khác nào như câu kết của bài haiku, đột ngột, bất ngờ và tạo trường dư ba.

Theo nhận xét của Osawa thì văn chương Nhật là thế. *"Đó là sự rung cảm, sự phập phồng nhịp nhàng theo vận tiết của vũ trụ"* [54;84]. Nhịp rung của vũ trụ vô hình trong văn hoá Nhật Bản thiên về thiên nhiên và tình cảm.

Tuyết hiện diện không tràn ngập trang văn, chỉ đủ để thấy sự đa dạng trong sắc vóc. Không cô lập, lẻ loi, mà luôn tương xứng, đôi khi đồng nhất với con người. Bản ngã và phần còn lại của vũ trụ không là thực thể tách biệt nhau. Tuyết bốn mùa không phải tạo nền cho nhân vật của Kawabata vốn thường thấy trong các bức sơn dầu phương Tây. Chiêm ngưỡng bức tranh tuyết mùa đông của Kawabata: *"Đằng trước nhà có lẽ là một vườn cảnh, và trong cái ao sen nhỏ trên bờ xếp những mảnh băng bị đập vỡ có những con cá to màu đỏ tung tăng bơi lội. Ngôi nhà trông cũng cũ kĩ và nứt nẻ, như cái thân rỗng của một cây dâu già. Tuyết nằm từng mảng trên mái nhà bị gồ lên bởi những thanh xà cong queo khiến phần mái che như được trang trí"*.[ Xứ tuyết;256]. Ngôi nhà cũ kĩ và những đường viền bằng tuyết khiêm nhường tựa như chúng đang thuộc về ngôi nhà và hoà nhịp cùng nhau. Quả vậy, sự sống của con người ở đây không tách rời khỏi tuyết.

Biểu tượng tuyết tạo lập một kích cỡ đa chiều trong ***Xứ tuyết***. Chiều kích vĩ mô thuần khiết của ***Xứ tuyết*** được giãn nở từ những tinh thể bé nhỏ bay tung tán vô tư lự và giăng mắc vào lòng của lữ khách, của vô vàn nỗi niềm trong một geisha. Tuyết không chỉ còn là một quý ngữ của thời gian, mà của cả không gian. Tuyết giúp Kawabata chuyển tải thời gian vào tác phẩm, vốn dĩ rất mơ hồ và bồi dày thêm nghệ thuật viết văn tinh tế của ông, những tác phẩm phi cốt truyện.

Nên có thể lấy nhận xét về thơ haiku dưới đây dành cho văn chương của Kawabata khi tuyết là một quý ngữ dành cho không gian và cả thời gian: *"Tính chất khó nắm bắt vốn là một trong những hấp lực của haiku không hình thành từ sự mơ hồ, nhưng do sự kiện có quá nhiều gợi ý được diễn tả bằng quá ít lời"*. [23; 30]

### *1.3.2. <u>Lẽ phù du của thế gian</u>:*

Kigo của Kawabata giản dị thanh mảnh, dịu dàng, sáng trong hài hoà cùng thiên nhiên của bốn mùa, rồi bỏ ngỏ lửng lơ trong lửa đỏ của vùng tuyết trắng. Thời gian trống không chừng như ngưng đọng. Từ đó, mùa của ***Xứ tuyết*** trở nên vĩnh cửu. Biểu tượng của Kawabata xoáy sâu vào cái đẹp vĩnh cửu mà người Nhật tìm thấy trong khoảnh khắc đốn ngộ.

Cái Đẹp – mơ hồ đa nghĩa là những đặc trưng thể thơ nhỏ bé haiku đã góp phần cho một Kawabata. *" Thơ Nhật Bản hiện đại vẫn giữ truyền thống của thơ haiku là qua sự tả một cảnh, câu chữ diễn tả cái tinh diệu của thiên nhiên, tiết chế sự bày tỏ của cảm xúc, đạt tới sự tinh giản của tâm hồn"* [3; 405]

Đó là điều kiện để một tác phẩm văn xuôi như thơ kia chắp cánh. Cùng với những thủ pháp nghệ thuật khác được dụng công, biểu tượng tuyết góp phần *"thể hiện chân lí, niềm vui, ý nghĩa ẩn kín và thiêng liêng của mọi điều trên mặt đất quyến rũ và kinh khủng này"* [32; 7]. Kawabata lẩy một khoảnh khắc mong manh của tuyết rơi khi giao hội giữa các mùa rồi kéo giãn ra theo sự vô tận của thời gian. Vĩnh cửu của từng khoảnh khắc là đây, khi tuyết rơi lúc chớm đông mà mùa thu ở ***Xứ tuyết*** còn dùng dằng.

Khi *"hết mùa lá phong. Komako đọc trong đêm những câu thơ rút ra từ một vở kịch Kabuki:*

*Chúng mình hoà với núi non*

*Tuyết rơi*

*Những lá phong còn dây dưa."*

Và lòng hân hoan trước cảnh chuyển mùa: *"Núi non vừa lúc trước có vẻ như bị đẩy dần xa bởi sắc màu ảm đạm của mùa thu, đã sống động và ngời sáng lên trong tuyết"*. [Xứ tuyết; 321]

Kawabata đẩy thiên nhiên vào tình huống đồng loã với đôi tình nhân, ngắm lá phong mờ dần trong sắc trắng và lòng bừng lên sự rung động mạnh mẽ trước cái đẹp. Đó là cảm thức aware của người Nhật, say đắm với vô thường. Thời khắc giao mùa quá mỏng manh. Khoảnh khắc ấy hiện lên đầy màu sắc và ánh sáng của tự nhiên nên mang một vẻ đẹp phong nhã, một vẻ đẹp lí tưởng của thời Heian. Con người được sống trọn vẹn trong giây phút ấy dễ dàng cảm nhận mình hạnh phúc nhất thế gian,

lòng nhân đạo, vị tha che lấp cái ham muốn tầm thường. Shimamura đã im lặng trong phút giấy ấy. Đầu óc anh hoạt hoá những ảo ảnh cũ kĩ và pha trộn chúng vào hiện tại. Cây cỏ và làn da của Komako sáng bừng lên như ảo giác. Toàn bộ sức mạnh nội tâm của Shimamura dồn lại một cách tự nhiên, vô thức. Anh đang sống hết mình nhất!

Lúc đó Shimamura, thật sự hiện diện. Trong khi cả cuộc đời anh ta, chỉ là bọt, là phù du. Sự phù du của sự vật, kiếp người … là tinh tuý của nghệ thuật Nhật Bản mà cũng là của văn xuôi Kawabata. Và biết rung động thành thực trước vẻ đẹp dịu dàng cùng số phận như chớp bóng vô thường của kiếp người phù du là cảm xúc aware của người Nhật. Dù diễn tả vẻ đẹp tao nhã, nỗi buồn của sự vật, nhưng bản chất của aware vẫn hướng vào cảm thức vô thường. Kawabata cũng chú trọng đến màu sắc lãng mạn, và cái khoảnh khắc, nỗi vô thường và cả cái bóng vô tận ở bên trong vạn vật. Tiến sĩ Anders Sterling đã tán tụng Kawabata trong lễ trao giải Nobel thế này: *"Ông tôn thờ cái đẹp mong manh và ngôn ngữ hình ảnh u buồn của hiện hữu trong cuộc sống của thiên nhiên và thân phận con người"* [1; 958].

Chất vô thường phảng phất trong niềm bi cảm về dòng thời gian. Dòng thời gian hiện thực và dòng thời gian phi thực có phải cùng đồng hiện lúc hoa đào tung tán bay đầy trời khi hương khi sắc đang độ viên mãn nhất, hay khi một lọn tuyết rơi lơ lửng trong khoảnh khắc chia li chị em trong ***Cố đô***.

Tuyết chỉ rơi khi ấy, cả một tác phẩm dành cho thành trì văn hoá Nhật Bản kiên cố hé lộ một khoảnh khắc vô thường vào trang cuối. Và mở ra một cảm giác bất tận về tình thân. Một đêm trở rét, cái lạnh lùa vào trong chăn của tiểu thư Chieko và thôn nữ Naeko vốn hoài thai chung một bào nhưng lại cách xa nhau về số phận. Trong đêm trắng tinh khôi ấy của hai chị em, tuyết đã rơi. Nhẹ nhàng, lặng lẽ, tuyết rơi những bông trắng đầu tiên, tinh khôi trong giờ khắc chuyển mùa. *"Tuyết đấy, nhưng chưa hẳn. Nó rơi hầu như không có tiếng động"* [Cố đô;735]. Đêm ấy, có thể là duy nhất trong cuộc đời của chị em song sinh, nhưng sẽ là mãi mãi. Những ảo mộng, ước mơ gia đình đoàn tụ trong cùng một mái nhà đã có sự cản trở của thời gian, dù vậy, giờ khắc ấy sẽ kéo dài mãi mãi. *"Bụi tuyết sẽ trút xuống, rồi ngừng, rồi lại lần nữa… Đêm nay…"* [Cố đô; 736].

Khoảnh khắc giao mùa, biến chuyển của không gian, tính nghiệt ngã của khí trời xui con người vào cảm thức cô đơn, đẩy đưa tâm tưởng vào vào cái tịch lặng vô biên. Nhưng riêng với Kawabata, hay cảm thức *wabi* của Nhật Bản *"Mỗi khi ta chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tuyết hay vẻ đẹp của trăng, khi ta mê đắm vẻ đẹp của bốn mùa, khi nhận thức được khơi dậy, và ta cảm thấy hạnh phúc được tiếp xúc với cái đẹp lúc đó ta đặc biệt nhớ tới bạn bè khao khát được chia sẻ niềm vui với bạn "*[68; 963]

Mỗi biểu hiện của cái đẹp là vô thường khi chính bản thân nó là vĩnh cửu. Giống như điều nói ra được thì hữu hạn, ý lại vô cùng… và do đó khoảng chừa trống vô cùng ấy dành cho chúng ta. Để dành cho trí tưởng tượng, cùng nội tâm người tiếp nhận. Chẳng thể nói hết được điều mà Chieko và Naeko muốn bày tỏ cùng nhau. Cái lạnh từ hơi tuyết nhẹ rơi làm chất xúc tác cho tình quyến luyến chị em, thời gian được giải thoát, chạy ào về phía niềm an lạc vô hạn. Để buổi sớm mai chia li, *"những bông tuyết rơi xuống tóc Chieko và tức khắc tan ra"* dư tình (joyo) đọng lại nơi khoảnh khắc ấy.

Hay như đời sống của những khuôn vải chijimi, loại vải đặc biệt dùng để may trang phục *kimono* trong các tuồng Noh ở Nhật Bản. Giữa tuyết buốt giá, những trinh nữ miền sơn cước giao hoà với thiên nhiên, lưu giữ tinh tuý mùa của trần gian trong từng khuôn vải Chijimi.

Vải Chijimi là dấu hiệu của đời sống bất diệt, khi nó bắt đầu và kết thúc trong tuyết bằng sự chuyển hoá giữa ánh sáng và bóng tối của mùa đông. Chất liệu hư ảo đã hoài thai sản phẩm hiện hữu. *" Dù thứ vải rất đỗi mỏng manh, sản phẩm của mỹ nghệ, như vải chijimi ấy cũng giữ bằng được chất vải, màu sắc sống động có tới nửa thế kỉ, còn lâu mới rách sờn, nếu được giữ gìn cẩn thận"* [Xứ tuyết;324]. Khuông vải chijimi mang dấu ấn của những bàn tay thiếu nữ sơn cước, dù đã mai một, không còn lưu dấu, nhưng họ tồn tại mãi mãi nhờ sản phẩm tinh thần kia. Chỉ là dấu vết mỏng manh.

Đi từ vật thể nhỏ nhoi tầm thường để dẫn dắt người đọc vào cõi mênh mông bát ngát không hình tượng ấy là nét khí chất của nghệ thuật Nhật bản. Với cắm hoa, giáo sư Kimiko Isukunda nhận thấy: *"Ikebana không chỉ là nghệ thuật cắm hoa mà*

*nó còn được gọi là Shunkan geijitsu- nghệ thuật của sự cô đọng thời gian, tức là nghệ thuật ghi lại cái khoảnh khắc vụt qua của thời gian".*

Với văn chương, Kawabata biến nó thành vĩnh cửu cái khoảnh khắc tuyết rơi trong đáy gương soi của Komako. Tuyết trắng ngần lạnh giá được lửa soi chiếu trong khoảnh khắc dưới đáy gương phát lộ tận cùng vẻ đẹp của tự nhiên và con người. Như một tất yếu dẫn dắt tới đám cháy khốc liệt trên tuyết ở cuối tác phẩm.

Nhưng tư tưởng Shimamura lại bị vướn mắc vào chính tiềm thức của mình. Mỗi một người đều bị giam cầm trong thời gian, sự chuyển dịch vô tận từ quá khứ về phía tương lai và lẽ dĩ nhiên ghé ngang qua hiện tại. Và rồi liệu khoảnh khắc ám ảnh kia có còn đeo bám Shimamura bao lần khi gấp quyển sách lại, hay cứ tiếp tục thôi thúc tâm hồn anh và cả chúng ta ? Cái đẹp vừa huyền ảo vừa siêu phàm kia phút chốc trở thành ám ảnh vĩnh viễn trong kí ức Shimamura. Thời gian không có phận sự trong quá trình lưu trữ này. Cái đẹp vô tình với thời gian. Chúng ta chỉ nhận ra cái đẹp, khi tâm trí ta lĩnh lặng toàn triệt. Như lời Krishnamurti: *"Một tâm trí tĩnh lặng là một tâm trí phi thời… Nó là một tâm trí tĩnh lặng bởi vì nó không có thời gian"*[48; 145]. Sự tĩnh lặng sẽ đến một cách trọn vẹn, sâu thẳm, tuyệt đẹp và sống động chỉ khi sự phân mảnh của cuộc sống chấm dứt ngay trong đầu. Ta hiểu, biết và cảm cái đẹp trong sự thinh lặng tuyệt đối. Ở đó, vô danh, phi lượng, vô thời. Và cấu trúc thời gian lên tâm trí con người mới bị phá vỡ. Khoảnh khắc tồn tại vĩnh cửu.

Tuyết với bản thể lưng chừng khơi gợi đến vô cùng những tầng ý nghĩa trong văn chương Kawabata bằng sự lĩnh hội từ văn hoá nghệ thuật Nhật Bản và với một thiên tài.

**<u>Tiểu kết:</u>**

Tuyết vốn là biểu tượng truyền thống của Nhật Bản. Tuyết - Một hiện tượng thiên nhiên không thể thiếu cho tinh thần fuga ở quần đảo sống bằng thiên nhiên. Tuyết - một quý ngữ thông dụng cho mùa đông trong những bài thơ của tiền nhân… đã bước vào trang văn mượt mà như lụa của Kawabata Yasunari với trường ý nghĩa mới. Nó thấm đẫm hơi thở Phật tính và Thiền tông. Từ đó, một thiên đàng của trần thế được cấu thành với không gian thanh khiết, phảng phất niềm an lạc. Người con gái có vẻ ngoài trong sạch, thuần khiết cùng thế giới nội tâm dồi dào, là một hoá thân

của tuyết để tiếp xúc với cuộc đời bằng tình yêu dành cho con người và trần thế *"hết sức nồng ấm sâu sắc và sự âu yếm nhuần nhị"*. [Xứ tuyết; 329]

Ở trạng thái lưng chừng khó nắm bắt, tuyết vẫn cố định sắc trắng. Biến đổi, nên rất đa dạng và sinh động ! Ngưng tụ nên chở che thiên nhiên ! Tính chất giá lạnh tự nhiên của tuyết mang lại cảm giác thanh sạch, sảng khoái tuyệt vời. Tuyết của Kawabata tạo ra vô vàn điều kì diệu. Chỉ hạt tuyết, hay những sợi tuyết nhỏ bé rơi, đã tạo ra cái đẹp. Cái đẹp của khoảnh khắc. Niềm bi cảm aware đọng lại trong những phút giây đốn ngộ thanh tao ấy, rồi lưu trữ đến vô cùng vô tận.

Tựa như một hạt cát của William Blake, "a world in a grain of sand" cả vũ trụ đã trong một bông tuyết trắng mà Kawabata đã *"gom góp tất cả lời nói để thành một câu, vò cả đại thiên thế giới thành một hạt bụi"*.

# CHƯƠNG 2

# GƯƠNG - KAGAMI

Trong văn hóa Nhật Bản chiếc gương đại diện cho trí tuệ và tâm hồn, là một trong ba vật báu hoàng gia cùng với thanh kiếm tượng trưng cho sức mạnh, và ngọc tượng trưng cho vẻ đẹp.

Trí tuệ của trời phản chiếu trong gương được đồng nhất với mặt trời. Nữ thần Mặt trời (Amaterasu Omi Kami) được xem là tổ mẫu của dân tộc Nhật Bản và chiếc gương tượng trưng cho bản thể thần linh của bà. Rất nhiều đền Thần đạo có gương thiêng, đó là một trong những vật hiệu lớn của đế quyền. Trong hoàng cung Nhật Bản chiếc gương thiêng cũng được bảo quản trong một ngôi nhà riêng.

Vì vậy, gương thường là một biểu tượng của thái dương. Gương được biết đến nhiều nhất là cái gương trong huyền thoại Nhật Bản ***Amaterasu***: cái gương ấy đưa ánh sáng thần linh ra khỏi hang và phản chiếu nó xuống trần gian. Với tư cách là bề mặt phản chiếu, gương đã trở thành giá đỡ cho một hệ biểu tượng hết sức phong phú trong lĩnh vực nhận thức không chỉ ở đất nước Nhật Bản, mà cả thế giới.

Trong thế giới văn chương của Kawabata chiếc gương có đời sống riêng của nó, Kawabata sử dụng thường xuyên, phổ biến và linh động, dường như để bất tử hóa cái đẹp phù ảo trong tiết tấu của thời gian, hay để ảo hóa thực tại. Nhịp thở phập phồng của vũ trụ, tính bất xứng của con người và thiên nhiên gọn gẽ trong vòng tròn của chiếc gương. Qua tấm gương với nhiều hình dạng, được dụng công từ trong các huyền thoại, những câu chuyện cổ tích giàu tính nữ, ta có thể cảm nhận sâu sắc triết lí về con người, cuộc sống.

Khi ta đứng trên một chiếc cầu, ta không thể chạm tới được vẻ đẹp hoàn mỹ của chiếc cầu, và khi ta sống, ta cũng không thể cảm nhận được hết vẻ đẹp của cuộc sống ! Nhưng chiếc gương soi giúp được ta điều ấy!

## 2.1 . Vũ trụ hài hoà trong chiếc gương soi:

Cái đẹp hiện diện quanh ta, nó không hẳn là phù du để người đời đuổi bắt. Nó chỉ là khoảnh khắc. Đối với người Nhật: *“ yếu tính của nghệ thuật là cảm nghiệm*

*vĩnh cửu trong khoảnh khắc, cảm nghiệm trong một không gian nhỏ bé cả vũ trụ mà trong đó mọi sự vật đều hiển lộ…"* [74; 19]. Vạn vật tồn tại theo một quy luật biến dịch riêng, Đạo giáo dạy con người thích nghi với chính dòng biến dịch vô tận ấy, khi chính họ là một phần trong đó. Sống an nhiên và sống với thiên nhiên cũng là tư tưởng mà Thiền tông Nhật Bản dạy.

Cái đẹp hiển lộ trong gương soi không phải trong chính bản thân nó, mà qua sự phản chiếu có dấu ấn của tư tưởng phương Đông kia. Đó là cuộc trình diễn của hình và bóng. Hình và bóng mải miết cùng nhau tôn vinh cái đẹp của tạo hoá trong. Tựa như người ta thấy cả đại dương trong một hạt sương nhỏ bé, vũ trụ trong giọt sương hư ảo vô cùng, nhưng lại đẹp vô cùng. Cái đẹp chỉ tồn tại ở một nơi xa xôi, không trần tục, khó nắm bắt, không có chủ sở hữu. Người Nhật từ xa xưa đã quan niệm như thế, cái đẹp là cái hư ảo. Cho nên thế giới gương soi lung linh, huyền ảo, xa xôi, hài hoà cả vũ trụ là một bản thể của cái đẹp.

Chiếc gương là vật thiêng của người Nhật, được tôn vinh qua bản thể một vị thần tối cao. Dù hơi khô khan khi nó đại diện cho lí trí, nhưng thẩm mỹ phương Đông, cảm thức vạn vật hữu linh của Thần đạo và sự siêu nhiên của Thiền tông, đã dẫn dắt ngòi bút của Kawabata đi vào thế giới huyễn hoặc gương soi. Mỹ chi tồn tại ( Bi no sonzai) trong chiếc gương soi.

***2.1.1 <u>Điều kì ảo của cái đẹp</u>:***

Thẩm mỹ quan của Kawabata vẫn là vũ trụ soi chiếu trên một chiếc gương, được nâng lên như một thủ pháp. Trước hết, gương soi vô vi đón nhận tất cả những gì trong tầm soi chiếu của nó. Sự vô vi đó, có bóng dáng của Đạo giáo. Vật chất tồn tại trong gương là phi vật chất, không nắm bắt được nhưng nó đánh động vào mọi giác quan của ta. Tuy thụ động, và lệ thuộc nhưng không vì vậy mà tầm thường. Chiếc gương giúp ta nhận diện được chính ta: *" Hình như ai cũng chỉ có thể nhìn thấy mặt mũi của chính mình bằng cách ngắm nó trong gương. Vì lẽ gì mà con người do trời sinh ra lại bị tước đoạt mất cái bẩm năng thiết cốt là tự nhìn thấy lại gương mặt của chính mình ?*" [Thuỷ nguyệt; 61]. Soi gương, con người " biết" được chính mình, những hỉ, nộ, ái, ố thường tình trên gương mặt của chính ta mà ngay khi thể hiện cảm xúc đó, ta như thằng mù nhường ánh sáng cho người đối diện!

Nhưng để soi chiếu, không chỉ có sự vật được mệnh danh gương soi mới được khả năng ấy, chỉ cần có thêm ánh sáng. Sự hoà điệu của ánh sáng của thể tạo cho con người nhiều vẻ đẹp bất ngờ. Đó là trò chơi mà vũ trụ dành cho trần gian! Trò chơi tương chiếu của ánh sáng. Và Kawabata đã khám phá trên những vật dụng li tách sáng ngời dưới ánh sáng vẻ đẹp của sự soi chiếu này: *" Tôi khám phá nhờ ánh nắng ban mai, vẻ đẹp của li cốc dùng uống rượu, phơi ngoài hiên lữ quán. Tôi nhìn thấy vẻ đẹp này tận tường. Tôi bắt gặp vẻ đẹp này lần đầu tiên. Tôi cho rằng mình chưa từng nhìn thấy nó nơi đâu. Không phải loại gặp gỡ này chính là yếu tính của thơ văn cũng như đời sống con người hay sao?"* [13;85]

Vật dụng hằng ngày sáng ngời ánh ban mai, sự soi chiếu thường nhật của tạo hoá trong mắt Kawabata là một cảm nghiệm thẩm mỹ tinh khôi. Chiếc gương tham gia vào hành trình khám phá vũ trụ bằng trò chơi phản chiếu với rất nhiều biến thể của nó trở đi trở lại trong rất nhiều tác phẩm của ông. Có thể là cửa kính toa tàu, một giọt sương trên lá, đôi mắt, một chiếc bình hay lọn tuyết … Hay một vầng trăng trong cuộc dạo chơi vô tận của nó; mà Basho bất chợt bắt gặp:

*Trăng sáng tầng không*
*suốt đêm soi chiếu*
*quanh hồ nước trong*

Tương chiếu giữa trăng (meigetsu) và hồ nước trong (ike), ánh xạ vào câu thơ của Basho- Khoảnh khắc ấy lưu dấu vẻ đẹp của sự hài hoà và hư ảo dù mong manh, hữu hạn như ánh trăng.

Điều này gợi nhớ đến bức tranh ***" Khỉ chơi trăng"*** của Tohaku, thế kỷ XVI – XVII. Bức tranh vẽ một con khỉ tinh nghịch đang cố nhoài người với lấy bóng trăng dưới nước. Nếu chạm được mặt nước, điều gì sẽ xảy ra? Khỉ có chạm được mặt trăng hay tay khỉ ướt và ánh trăng sẽ tan tành? Để lại trong lòng chú khỉ nhỏ cảm giác hụt hẫng, hoang mang, bối rối. Có thể do cái đẹp trấn áp, chú khỉ không nhận thấy sự ngu ngốc của chính nó nữa. Và nó nhầm lẫn ánh trăng với mặt trăng, nó nghĩ nó đang cố lên một nơi mà nó nghĩ là mặt trăng, kì thực chỉ là ảo hoá. Con người hay có những nhầm tưởng cái có thật và cái không thật, cái hiện hữu và cái phi hiện hữu như vậy. Sự nhầm tưởng rất con người.

Chiếc gương hay bày ra trò chơi hình bóng thật - ảo kia nhất. Kawabata chọn ảnh ảo của gương để xây dựng một thủ pháp đặc sắc: *Thủ pháp tấm gương soi.*

***Xứ tuyết*** có lẽ là nơi phát huy nhiều nhất thủ pháp tấm gương. Phần đầu của ***Xứ tuyết*** được in mang tên là ***Tấm gương của đêm*** (Yugeshiki no Kamagi), ý nhắc đến cửa sổ toa tàu băng qua vùng đất mà Shimamura đã quan sát cảnh vào ban đêm. Nhưng trong tác phẩm vô số những ảnh ảo của chiếc gương.

Những bông tuyết rơi tràn ngập trong ***Xứ tuyết*** với những biến thể sinh động là chiếc gương vô thường của thời gian, phản chiếu khoảnh khắc mùa của trời đất, sự hiện sinh của vũ trụ.

Con tàu xuyên bóng đêm như xuyên qua tấm gương, đưa Shimamura từ giã cõi trần ai, vào thế giới huyễn hoặc, mơ hồ khiến anh cảm thấy mình đang tồn tại ở một thế giới khác. Trên chuyến tàu, Shimamura như thấy mình đang ngồi trên một cỗ xe siêu nhiên du hành trong cõi phi thực, nơi anh được đưa đến là một chốn hư vô, bên ngoài cả không gian và thời gian. Thế giới anh đang bước tới thuộc về cõi mộng. Thật vậy, hư ảo, vô thường là chất liệu chính đan dệt nên hầu hết các quan hệ của vùng suối nước nóng này.

Không như Gariel Marqer đưa huyền ảo thành một thứ tôn chỉ sáng tác, tạo thành một đặc trưng phong cách, Yasunari Kawabata chọn huyền ảo để làm một cách thức chuyển tải thông điệp về cái đẹp! Tạo hoá luôn có những cuộc hành trình thơ mộng, bất ngờ của cái đẹp. Trò chơi soi chiếu luôn có sự tham gia của ánh sáng. Đường nét trong gương phân chia hoặc nhập thể theo sự ngẫu hứng, xoay lướt của một vũ khúc, mà vũ công là một geisha tài năng nào đó đang mê mải theo nhịp điệu căng tràn của hình thể. Bất giác, sự soi chiếu là một nghệ thuật. Đó là thiên đàng của sự hoà điệu và toàn bích, nơi hội ngộ của những giấc mơ về vạn vạn thế giới khác nhau. Thế giới kia lung linh và mầu nhiệm hơn thực tế. Gương soi biểu tượng được một không gian mới, không gian siêu thực, hư ảo.

Đài gương của Kawabata là khung kính trên nền tối của trời đêm. Khi Shimamura vu vơ vạch một đường trên mặt kính cửa sổ toa tàu mờ hơi nước, tất cả bỗng hiện ra. Sững sờ. Sự xuất hiện của Yoko khiến Shimamura : *"Cảm thấy bàng hoàng khi một ánh lửa tít xa trên núi bỗng loé sáng ở giữa gương mặt đẹp của người*

*đàn bà trẻ, khiến cho vẻ đẹp không thể nào tả xiết ấy đạt tới đỉnh điểm"* [ Xứ tuyết; 225].

Hình ảnh được phản chiếu sống động, ngời sáng và đẹp hơn chính bản thân nó, mặc dù gương soi luôn phản chiếu : Sự thật, tính chân thực, nội dung của trái tim và ý thức. Nhưng in bóng lên những sự vật có khả năng phản chiếu, vũ trụ nhặt được phép luỹ thừa, nhân bội phần cái đẹp. Ở phút giây này, vẻ đẹp của Yoko được nhân lên nhờ sự lồng ghép vô tình của tự nhiên. *"Trong bầu trời đêm, phía trên những quả núi, hoàng hôn còn để lại vài vệt đỏ sậm, muộn màng và ở tít xa, trên đường chân trời, còn có thể nhận ra được mấy ngọn núi tách biệt"* [ Xứ tuyết; 225]

Từ trong gương soi góc nhìn thiên nhiên đã đổi khác. Ánh sáng rút lui, còn sót lại vài vệt tha thướt đủ để tạo một đáy gương không cố định. Chỉ có sự di chuyển của đoàn tàu, còn lại, tất cả là cố định. những con người của chuyến tàu cùng tất cả những gì thuộc về họ, tấm kính của đoàn tàu, núi rừng, bầu trời đêm…tất cả đều cố định. Nhưng phút giây này đây, tất cả đều sống trong chiều kích của sự xê dịch. Sự bất di, bất dịch của núi rừng, đường chân trời chỉ còn là tạm thời, cái thần của thiên nhiên vì thế mà xuất hiện. Những gì tưởng chừng như bất biến lại rất vô thường! Thiên nhiên sống dưới cái nhìn khác dẫn dắt vào thế giới khác. Cảm giác về thiên nhiên trong văn của Kawabata lúc nào cũng mới lạ như thế, chúng luôn vận động, biến đổi như thế.

Vốn dĩ kính toa tàu không là gương soi. Trộn lẫn với sương mù, màn đêm giăng giăng phía sau những dãy núi và phải có đường vạch nóng hổi từ ngón tay của Shimamura, tấm kính ấy đủ sức mạnh phát quang một cái đẹp! Đó là nhịp bước của con người và thiên nhiên trong cái nhìn thẩm mỹ của người Nhật. Hoà hợp và tương chiếu! Thiên nhiên với thần tính mà Thần đạo dẫn dắt, không chỉ tồn tại trong cảm thức mộ chuộng của người Nhật, núi rừng sắc trời hoá thân thành đáy gương, thế giới tự nhiên nhập thể vào vẻ đẹp con người!

Phong cảnh lướt qua phía sau tấm gương, cùng hình ảnh trên tàu, đan kết thành nền gương di động, chúng không là của nhau, nhưng là của nhau. Dù không có mối liên hệ nào, chúng cũng nhập vào nhau thành một thể thống nhất kì lạ. Vũ trụ trong không  gian nhỏ bé, thô mộc, vô tình, chuyển động!

### *2.1.2. <u>Trò chơi của những chiếc gương :</u>*

Đối tượng phản ánh được Kawabata khắc hoạ bằng nhiều thủ pháp nghệ thuật sinh động. Với thủ pháp tương phản, ông đan dệt ảo và thực, hội ngộ và chia li, sự sống và cái chết, tuổi già và sức trẻ… vào nhau. *" Thủ pháp tương phản cho phép các đối tượng soi chiếu vào nhau, song hành bên nhau, để cùng toát lộ đến tận cùng bản thể hàm chứa cái đẹp vĩnh cửu*" [92; 72].

Sự tương phản tinh tế của vũ trụ trong gương tô điểm sự nổi bật là một thủ pháp nghệ thuật đặc sắc của Kawabata. Vẻ đẹp của thiếu nữ toát lộ trong gương cũng ở trạng thái tương phản. Với Komako dưới màu trắng của tuyết, đôi má cô đỏ rực, đẹp như huyền thoại . *"Cái màu trắng tít sâu trong gương đó là màu tuyết, ở giữa đó rực đỏ đôi má người đàn bà trẻ. Vẻ đẹp của sự tương phản ấy cực kì trong sạch, nó vô cùng dữ dội vì nó sắc nhọn và sống động"* [Xứ tuyết, 252]. Komako tinh khiết là thế, vẻ thắm tươi của đôi gò má của một geisha, soi trên chiếc gương chợt rực rỡ lạ thường. Shimamura nghe rõ tiếng tim mình đập gấp gáp hơn trong đêm tối ấy, sáng nay nó hoà trộn thần kì trong tấm gương khi đôi má đỏ hồng của Komako rực lên trên nền tuyết trắng.

Nàng Komako là thế đấy, nàng vừa là tuyết vừa là lửa, ở trong chính con người nàng là sự nghịch dị một cách cuồng nộ. Vừa rực cháy hoang sơ những khát vọng vừa lạnh buốt với vẻ đẹp trong trẻo và tinh khiết của làn da. Vừa gắn bó với Shimamura khá mãnh liệt với vẻ tươi tắn của tâm hồn và bằng cả sự cuồng nhiệt gợi cảm của thể xác cô. Có thể, chỉ nhờ gương soi sáng hôm ấy, Shimamura mới thật sự thấy được hiện thể sinh động một cô nàng Komako: màu đỏ của gò má trong điểm của một geisha và màu trắng tinh khiết của vật chất đã tạo nên cô. Đó chính là *"Kết quả hài hoà của những luật trao đổi của ánh sáng và bóng đêm."* Và: *" Komako cũng được hình thành từ cái nguyên lí của tạo hoá ấy."*[Xứ tuyết; 324]. Do vậy, điều mà Komako có được, ít ai có được: mãnh liệt và toàn vẹn, được soi chiếu trên chiếc gương trang điểm bình dị.

Còn Yoko, cả con người nàng là hư ảo. Trên bề mặt tấm kính toa tàu đêm ấy, gương mặt xinh đẹp cảm động của Yoko hất tất cả ra ngoài vẻ siêu thực trong suốt của cô. Nàng rực sáng trên nền tối đen của vũ trụ. Nàng vượt ra ngoài phía tối của

thời gian, và sáng bừng lên phía ánh sáng. Do vậy, nàng không thực khi tất cả đều thực, nàng huyễn hoặc khi tất cả thực tế. Nhưng nàng đã ảo hoá hết thảy những gì xung quanh nàng:*" Cái phi vật chất trong suốt của hai hình người, dường như tương ứng và trộn lẫn vào bóng tối mờ ảo của phong cảnh trong màn đêm để tạo nên một vũ trụ duy nhất, một thứ thế giới siêu nhiên và tượng trưng không phải của thời gian này"*. [ Xứ tuyết; 225].

Khuôn mặt cô gái phản chiếu trên tấm kính trở nên siêu thực trong mắt Shimamura, tưởng chừng như có một khuôn mặt bên ngoài đang lướt bồng bềnh trên nền phong cảnh đêm. Ảnh ảo trong gương phi vật chất, không thực, nó ở ngoài sự tiên thị của con người, nó vô ngôn, nên không ồn ào. Hiện thân của cái đẹp bao giờ cũng vậy! Triết lí này xem ra gần gũi với quan niệm Phật giáo vốn khẳng định gương sáng là công cụ của hiền minh và giác ngộ. Gương soi đóng vai trò như hải đăng, soi cho ta con đường vào cõi bí mật của vô thức, trở thành động lực cho sáng tạo ở thế giới hữu thức!

Kawabata đã có nhiều cái nhìn ấy trong tác phẩm của mình. Nổi bật là truyện ngắn lừng danh ***Thuỷ nguyệt*** *( Suigetsu).* Giúp người chồng bệnh tật nhìn cuộc sống xung quanh bằng chiếc gương soi, nhưng không ngờ, chính nàng lần tìm ra được một thế giới mới của chiếc gương! *"Chính Kyoko cũng đâm ra sửng sốt với cái thế giới bao la và trù phú mà chiếc gương con ấy mở ra… Đối với nàng cả hai đều trở thành những thế giới tồn tại độc lập…* [Thuỷ nguyệt; 56]

Vô vàn thế giới con con được tạo ra trong chiếc gương cầm tay đó! Với Kyoko thế giới nhìn thấy trong gương, còn đẹp hơn thế giới thực! Trong gương bầu trời ánh lên sắc bạc, còn bầu trời ngoài cửa sổ xám ngoét như chì! Chiếc gương là đôi mắt sự sống của người chồng bệnh tật, ánh sáng của thế giới ấy phả vào cuộc đời vốn bệnh tật của anh những tia hi vọng tươi sáng. Điều đó khiến anh hoài nghi: " *Sắc trời trong gương là màu sắc mà đôi mắt của gương nhìn thấy hay sao*?" [Thuỷ nguyệt; 5]. Hai vợ chồng Kyoko cùng ngắm trăng trong gương. Chiếc gương này không soi bóng vầng trăng trên trời mà ở là vũng nước ở mặt đất. Bóng trăng trong gương là bóng của bóng. Tính phù ảo nhân đôi, cái đẹp ảo thuật cuộc đời!

Ảnh ảo này, Kawabata không kiếm tìm xa xôi, ông lấy trực tiếp từ cuộc sống, từ ảnh thực nhân lên trong đài gương.Cái đẹp hiện hữu mọi nơi, liệu ta có trái tim lãng mạn để đánh thức nó không, liệu có dành cho cái đẹp khoảng trống không nào trong tim ta không ? Thế giới trong gương hay trong nghệ thuật tuy ảo nhưng rất đẹp. Bởi nó là cuộc đời thực soi chiếu. Độ nhạy cảm bất thường đánh thức Shimamura, anh nắm bắt được vĩnh cửu trong khoảnh khắc trác tuyệt của đốm lửa lạnh lẽo thoáng xa, khi nó rơi đúng vào đồng tử Yoko. *"Khi ánh mắt và ánh lửa trùng khít nhau, thì đó là một vẻ đẹp huyền diệu lạ kì, con mắt rực sáng ấy như lênh đênh trên đại dương đêm tối, và trên những cơn sóng xô nhanh các núi non".* [Xứ tuyết; 226].

Đốm lửa nhỏ nhoi, yếu ớt giữa màn đêm đậm đặc, lạnh lẽo, Kawabata điêu luyện đặt trùng khít vào con mắt người con gái. Thực chất, có một ảo ảnh khác đang là gương soi trên tấm kính toa tàu. Đại dương đêm tối lại là hình ảnh phản chiếu trong mắt Yoko. Sự huyền ảo được đẩy lên đỉnh điểm, chỉ toàn là hình bóng, trong suốt và hư vô. Chiếc gương trên toa tàu, cùng hình ảnh trong suốt của con người, đốm lân tinh tuyệt diệu của con mắt và đốm lửa lần nữa hoá thân thành một ảnh ảo trong đôi mắt kẻ lữ thứ Shimamura.

Bức tranh không chủ ý do kính toa tàu vẽ quá siêu nhiên. Nó đánh đổ cảm giác chân thật, rõ ràng, thô sơ do một tấm gương mang lại. Shimamura bị quyến rũ, cuốn hút! Anh rơi vào trạng thái nửa tỉnh, nửa mê! Yoko đâu hề vận dụng tinh thần để xoá bỏ chính mình, cái tự kỉ (jiko hitei) vẫn trào lên trong những cử chỉ cô chân tình dành cho người con trai. Chỉ bản thân Shimamura, đánh mất chính anh trong niềm mê say vẻ đẹp kì lạ của khuôn mặt, *"anh hoàn toàn bị cuốn hút vào những điều thần diệu ấy và không biết mình mơ hay tỉnh nữa".* [Xứ tuyết; 226]. Do vậy, viết về ***Xứ tuyết*** của tấm gương soi, Donald Keene đã nhận thấy : *"Shimamura ở đoạn mở đầu cũng như ở phần kết của tiểu thuyết luôn ở trong trạng thái rời bỏ thế giới xung quanh".* [6; 1056] Cảm giác thanh mát của chén trà đọng lại lưng chừng trong huyết quản sau vị đắng chát nơi đầu lưỡi để rồi con người tìm được phút giây tĩnh tâm, thanh thản cũng là cảm giác của Shimamura phút giây này.

Khuôn mặt của Yoko chỉ quyến rũ trong  thế giới huyền thoại kia, mãi mãi nó quyến luyến Shimamura trong chiếc gương soi, dường như chỉ có chiếc gương mới trụ được trong  anh cái đẹp diệu kì ấy. Sau này, dù tường tận tình cảnh Yoko, cuốn lấy anh, dù là giọng nói và ánh mắt liếc xéo như có lửa vẫn nhắc anh đến cảm giác phi thực kia mà thôi.

Kì thực, điều mà Shimamura vẫn rất khát khao có lại được không phải là hình ảnh, mà chính là cảm giác, cảm giác phi thực trong  suốt kì lạ rất gần với chất thơ của một Yoko gợi cảm, đầy nữ tính, trẻ trung phản chiếu ở tấm kính cửa sổ toa tàu.

Khả năng soi chiếu của gương là vô tình,  nhưng sức mạnh vô hình của nó ám ảnh Shimamura, anh bị nhận chìm trong  cảm giác vô thức của ánh mắt ấy. Ánh mắt ma quái, rực rỡ nhập thể với đốm lửa thiên nhiên kia, không tái lập lại được nữa, nó trở thành một kí ức luôn nóng hổi, tì xiết lên tinh thần của Shimamura. Một tiềm thức vĩnh cửu của cái đẹp! Cái đẹp đọng trên đường thiên tế mỏng manh giữa ảo và thực! Cái đẹp hiện diện trong  những biến thể gương soi đa dạng mang triết lý về cái đẹp hư ảo. Ảo ảnh trong  gương đẹp hơn chính nó. Và thế giới gương soi tạo nên, vượt lên trên hiện thực, tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người. Như bông hoa rơi xuống mặt giếng tĩnh lặng của Buson:

*Một đoá hoa trà*
*rụng xuống mặt giếng tĩnh lặng*
*trong lòng giếng mịt mờ!*

Hoa như người con gái đánh rơi mình vào lòng gương soi im lìm. Trong khoảnh khắc lìa cành, hoa lay chuyển làn không khí, chuyển động cùng không gian và để lại dấu ấn. Đoá hoa trà soi mình, phân thân trong làn nước, đáp lại, mặt nước chao động theo hoa. Phút giây tịch lặng của sự giao hoà, con người nhận diện được sự biến hình của cuộc sống, nó đa dạng như chính đời sống của con người, và là một phần trong  đời sống của họ! Ấn tượng thẩm mỹ do cảm giác mang lại cực kì bén nhạy. Vật thể gương soi là vật thể có linh hồn, đa dạng như một nhân vật có vẻ mỹ cảm wabi giản dị trong chừng mực thông minh!

Donald Keene khẳng định: *"Tấm gương như một vật Kawabata thường xuyên sử dụng để biểu thị sự quan sát vô tư."* Nhờ đó con người giao cảm được với thế giới

ở chiều kích mới, giao cảm với cuộc đời bằng sự cảm thụ và chiêm nghiệm. Cái nhìn vào tấm gương của lãng tử Shimamura mở ra một con đường của sự tiên thị. Chấp nhận vô thường, ảo hoá như là một phần đời sống của con người, từ đó, tháo bỏ mọi động vọng, con người tìm về với bản tính hoà dịu, hồn nhiên, thuần khiết nguyên khởi!

**2.2 Nơi thời gian dừng lại:**

***2.2.1. Phục sinh nét đẹp tâm hồn:***

*Thủ pháp tấm gương* là một công cụ đắc lực trong việc khai thác khách quan thế giới nội tâm con người. Khi thờ chiếc gương soi, người Nhật Bản vẫn tin tưởng chắc chắn lí trí và tâm hồn của họ sẽ mãi mãi trường tồn. Dù ngắm hoa, thưởng nguyệt, nhấp trà…dù tự tại hay tiêu diêu, điều mà họ hướng tới vẫn rất gần gũi, nồng ấm, đó là phần ngự trị tâm hồn con người.

***Tự điển biểu tượng văn hoá thế giới*** khẳng định: trong truyền thống Nhật Bản, *"cái gương liên quan với sự phát lộ sự thật, và cũng không kém phần với đức trong sạch, trong sáng."* [32; 371]. Thu gọn vẻ đẹp tâm hồn vĩnh cửu của người nữ trong một chiếc gương, để những ảo ảnh của khoảnh khắc có thể trường tồn mãi mãi. Cái thần của ***Xứ tuyết*** ở chính trạng thái an nhiên thanh bình mà cử chỉ dịu dàng đôn hậu nàng Yoko vô tình đặt lên mặt gương.

Từ đó tâm hồn của Yoko phả lên trên tấm kính toa tàu. Trong chiếc gương vu vơ, Shimamura nhận được sự hài hoà nồng thắm của cặp đôi này, nên anh không hề cảm thấy trắc ẩn hoặc buồn rầu trước cảnh đau bệnh của người đàn ông mà anh cảm thấy *"như thể đó là trò diễn trong một giấc mơ"* [Xứ tuyết; 224]. Yoko sửa từng vành khăn, chăm từng cử động của Yukio, người đàn ông bệnh tật. Trái tim nàng chân thành, đẹp thuần khiết, như vẻ ngoài xinh đẹp quyến rũ, và tình yêu của nàng cũng thế, thiết tha, nồng thắm, tự nguyện gắn bó tuổi xuân của mình với một người đàn ông đang dần vào cõi không vô tận.

Gần gũi với bóng hình Yoko có lẽ là Kyoko của ***Thủy nguyệt***. Tấm gương trong tay người chồng bệnh tật soi chiếu tâm hồn một người vợ chu đáo, tận tụy, trong sáng, thuỷ chung. Vẻ đẹp tâm hồn của nàng mãi mãi in dấu trong chiếc gương con nàng hoả táng theo di hài người chồng quá cố. Hiệu ứng của một chiếc gương

vượt ra ngoài khuôn khổ của sự soi chiếu. Với ***Thuỷ nguyệt***, gương có số phận, có vai trò, y hệt nó là một tuyến nhân vật tồn tại độc lập trong mối quan hệ song song của vợ chồng Kyoko.

Nếu vẽ thành một mô hình, gương soi là đường ngang, nối hai đường thẳng song song, muôn đời cận kề nhau mà chẳng thể giao nhau. Đó cũng chính là cách mà chiếc gương trong ***Xứ tuyết*** đã làm được! Kết nối hai ảnh ảo vào trong cùng một chiếc gương soi, ảnh ảo của Yoko và của Komako!

Vẻ đẹp cao khiết, thánh thiện, giờ đây là đức hi sinh của Yoko, suốt đời Shimamura ngưỡng mộ, mơ tưởng như thể nàng mãi tồn tại trong bức tranh siêu nhiên đêm hôm ấy. Độ sàng lọc của gương soi cực kì vô giá, vẻ đẹp của Yoko gần như vĩnh viễn không phai, lẽ vậy tâm hồn nàng luôn sáng bừng trong kí ức của Shimamura! Bản chất sâu sắc của Komako chạm vào điểm nhạy cảm trong Shimamura, cùng với hình ảnh Komako trong gương, màu đỏ của má cô trên nền tuyết trắng làm anh nghĩ tới hình ảnh Yoko phản chiếu trên tấm kính toa tàu. Cả *"Cái liếc xéo của Yoko để lại vết bỏng giữa trán anh và khiến anh nhớ lại vẻ đẹp tinh khiết khó tả lên lời của đốm lửa lạnh lẽo ở xa kia, vẻ thần tiên của điểm sáng ấy khi nó chuyển dịch qua khuôn mặt người đàn bà trẻ…"* [Xứ tuyết; 258].

Không thể phủ nhận cả cơ thể Shimamura vận động theo đốm sáng rọi chiếu đầy vẻ siêu nhiên cái nhìn của Yoko. Ngay lúc ấy, tim anh đã đập gấp gáp hơn, và sự đắm say tuyệt diệu của cái nhìn kia hoà trộn trong sự thần kì của chiếc gương Komako soi sáng nay! Shimamura phân vân sống giữa hai cõi thực và mộng bởi hai bóng dáng phụ nữ trong gương không thể tách rời khỏi nhau. Sợi dây vô hình kết nối hai người con gái, tưởng chừng mỏng manh, nhưng kì thực vô cùng chắc chắn.

Trên chuyến tàu trở về thế giới thực, ảo ảnh của gương soi bừng dậy trong Shimamura, tươi trẻ và đầy sức sống: *"Khi đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh, một ánh phản chiếu hắt vào phòng đợi: khuôn mặt Komako chợt xuất hiện ở đó như một khoảng nhỏ để rồi biến mất ngay. Màu đỏ của má cô đã trở nên phi thực, cũng bừng lên như màu đỏ rực giữa nền tuyết chói mắt trong tấm gương buổi sáng hôm xưa"* [Xứ tuyết;278]

Một vòng tròn đã được kết nối, đưa anh đến ***Xứ tuyết*** bằng bóng hình Yoko với cảnh đêm và tiễn anh đi bằng Komako trên nền tuyết trắng. Yoko và Komako trong gương soi là những khoảnh khắc sống của biểu tượng, nơi Shimamura giao tiếp được với thế giới theo cách riêng của mình. Giao cảm bằng tâm linh, bằng sự chiêm nghiệm. Vì thế mà, hai người phụ nữ bằng chính vẻ đẹp và tâm hồn đã đánh thức độ nhạy cảm ở con người say mê truyền thống như anh dường như đã bị mất đi ở chốn phồn hoa. Nội tâm nhân vật được mở ra nhẹ nhàng như vừa nhấp một ngụm trà mà niềm thanh tịnh lan lan, đó là cách mà chiếc gương trong tác phẩm của Kawabata xuất hiện trong tình cờ mà đầy dụng ý! Nó biểu tượng tinh tế cho đời sống nội tâm phong phú mà người nữ của văn chương Phù Tang luôn lưu giữ. Đồng thời cũng hiển thị triết lý sâu thẳm về con người và sự sống!

***2.2.2. <u>Lưu giữ quá khứ :</u>***

Nhật Bản vẫn còn truyền lại câu chuyện cổ tích về người mẹ quá cố, lưu lại bóng hình trong chiếc gương soi. Mãi mãi về sau, người con gái Phù Tang, khi soi gương, ngoài chính mình, cô còn thấy một bóng hình người mà cô thừa hưởng nhan sắc lẫn linh hồn. Đó là người mẹ quá cố.

Phục sinh được hình ảnh của người quá cố thông qua một di vật không xa lạ gì mấy trong chuỗi sáng tác của Kawabata. Kawabata mang niềm bi cảm *mo no aware* từ nàng Murasaki nghìn năm trước đã thể hiện tài tình vào trang văn của mình. *" Murasaki thường quan tâm đến một tính chất khác của thời gian về sự quy hồi của ấn tượng xưa. Quá khứ vẫn thường in dấu lên hiện tại một cách nào đó".* [14;117]. Được Thiên hoàng yêu thương là vì nàng Fujisubo có nét tương tự với hoàng hậu quá cố. Và Genji yêu nàng Murasaki cũng tìm thấy ở tình yêu này đôi nét của Fijisubo. Thiên hoàng, Genji, Kaoru đều tìm thấy ở người phụ nữ này hình bóng của của người phụ nữ khác.

Đánh mất thời gian và phục sinh lại nó trong nỗi buồn niềm luyến tiếc ở hiện tại là biểu hiện của niềm bi cảm aware rất Nhật Bản! Do vậy, chiếc gương của Kawabata không chỉ phản ánh không gian mà còn lưu giữ cả thời gian bị đánh mất. Nét trẻ trung của Fumiko gọi về hình bóng nữ tính của bà Ota. Bà Ota tìm thấy người tình cũ trong bóng người con trai Kikuji. ***Ngàn cánh hạc*** tìm thấy trong đồ vật cổ

xưa chức năng soi chiếu quá khứ dường như để chứng minh cho tư tưởng vạn vật hữu linh của Thần đạo.

Chiếc chén oribe trong ***Ngàn cánh hạc*** ở buổi trà đạo nhắc nhớ nhiều đến những con người đã từng là chủ nhân của nó như một kí hiệu thẩm mỹ. Hay chiếc chén Shino còn in vết môi trên vành môi của bà Ota. Cái chén màu nâu nhạt, nhưng màu đỏ của vết môi cũ nhạt pha trong đó. Fumiko pha trà trong chiếc chén đầy ắp hình ảnh và Kikuji cảm thấy như nàng có thể trôi bềnh bồng đến bên chàng. Chén nước sóng sánh là cơn khát vọng " vô biên vô hạn", *" thả hồn mơ vào chỗ vô thường và lưu liên, tha thẩn trong cái vẻ cuồng dại mỹ miều của sự vật… Đối với nước và hơi nước của nó có một lối nói chuyện riêng của nó. Cái đẹp chân xác luôn luôn tồn tại ở chỗ đó".* [53;26- 27]. Mục đích cơ bản của trà đạo là tĩnh tâm, an tịnh, chứng ngộ Phật tính vốn có trong mỗi con người. Trong chén trà sóng sánh, ta soi lại bóng hình. Một chén trà không được đầy tràn quá, để như lòng người còn chốn mà lắng nghe thế gian; lòng đầy đủ quá, liệu ta còn nạp thu gì thêm nữa, ngoài chính ta? Một chén trà, như một chiếc gương. Và trong chén trà ấy, ta có thể đón nhận lại những phút giây cũ kĩ, soi lại chính mình, diện kiến được hình bóng của người thân. Cả Fumiko lẫn Kijuji đều có cảm giác gặp gỡ lại bóng hình người mẹ và người cha quá cố khi chạm phải hơi nóng và hương trà.

Như Kawabata đã nói trong diễn từ: "hoà – kính – thanh - tịnh" có sức lay động mạnh mẽ người thưởng lãm. Với ***Ngàn cánh hạc***, di chứng của nó là sức ám ảnh ghê gớm trong lòng người sống về quá khứ rối bời của người chết, cùng hiện tại u uẩn của người đang sống. Tất cả cũng chỉ xoay vòng quanh chén trà và thế giới vô biên của những trà thất. Bởi *"ý thức về thời gian là ý thức về sự tồn tại của con người, phát hiện về thời gian giúp người ta nhận thức sâu hơn về cuộc sống"*. [58; 243]. Hệ luỵ tất yếu là Fumiko đập vỡ chén trà Shino và Kujuji tìm nhặt những mảnh vỡ trong ánh sáng chập chờn. *"Chén trà có vết son môi của người mẹ giờ đây tan nát. Chỉ còn lại những mảnh vỡ của truyền thống thanh cao"*. [10; 1070]

Chén trà trong ***Ngàn cánh hạc*** nhiều vô kể, dù có nhiều lối đi tắt để được đến ngồi bên chén trà trong giai đoạn sa ngã của con đường hướng tới cái đẹp, nhưng bên

chén trà, thời gian đã được ngưng đọng! Con người được sống lại với chính thế giới của riêng mình!

Cũng là như thế, chiếc gương con của chồng Kyoko trong ***Thuỷ nguyệt*** mời gọi nàng hướng về chính mình, khi điều kiện khách quan lẫn chủ quan đã buột nàng bỏ rơi chính mình. Và khi anh ta mất đi, chiếc gương lại thôi thúc Kyoko tìm về kí ức xưa cũ, với những hoài niệm trong trẻo cùng người chồng cũ. Nàng Kyoko cũng luốn cố nén tình cảm ấy trong lòng, *" một tình cảm mà lúc nào cũng có thể bùng lên thành một nỗi khát khao mãnh liệt"* [ Thuỷ nguyệt; 60]. Không thể ngạc nhiên khi chiếc gương trong ***Thuỷ nguyệt*** chính là con mắt tình yêu của họ.

Ảnh ảo trong gương là phi vật chất, *"một nửa chúng thuộc về chính thiên nhiên, nửa kia thuộc về một thế giới xa xôi nào đó!"* [Xứ tuyết, 259]. Nơi đó không thuộc về thế giới của ta. Ta không chạm, không khuấy đảo, không giao tiếp được với vũ trụ đó. Điều đó không phải là một trở ngại tâm lí, ngược lại, thế giới diệu kì đó tác động mạnh vào tâm thức con người. Chiếc gương đã là một biểu tượng sinh động để người Nhật Bản tiếp xúc với thế giới bằng chính trái tim mình!

Tiếp xúc với bề mặt gương soi, con người tiếp xúc với thế giới bên ngoài ở hình dáng mới, nhưng đằng sau mặt bằng ấy, con người giao cảm được với thế giới nội tâm. Một thế giới đã biết gạt bỏ được tuyến tính thời gian, phi thời! Đó là niềm bi cảm thời gian của người Nhật Bản mà không khai thác cho biểu tượng của mình.

Đan chéo và lồng ghép những ảnh ảo trong cùng một thể tích biết soi chiếu như Marcel Proust trong ***Đi tìm thời gian đã mất*** là chủ ý nhằm tìm cách chiếm hữu lại khoảnh khắc tươi đẹp đã qua. Chiếc gương là một tác động vô ý thức nhắc nhở lại quá khứ ở thế giới hữu thức trong cảm nghiệm của Kawabata. Nàng Kyoko của ***Thuỷ nguyệt,*** mỗi khi soi gương lại nhớ đến kỉ niệm của với người chồng cũ, những giờ phút gần gũi, chăm sóc chồng cùng những khi nàng cuốc đất trồng rau.

Thời gian trong tác phẩm của Kawabata *"không theo một mạch thẳng mà có sự gấp khúc, những liên tưởng, ám ảnh từ quá khứ cứ luôn song hành với phút giây hiện tại ... quá khứ và hiện tại bị xóa nhoà trộn lẫn"*. [36; 1018]. Dõi theo dòng ý thức của nhân vật, một trong những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc của Kawabata sẽ khám phá cõi tâm của con người! Chất huyễn tưởng phương Đông trộn trong yếu tố

siêu thực của phương Tây, từ đó mà thế giới vô hình kia lung linh và diệu kì (myo). Trên tấm gương đêm tối của ***Xứ tuyết*** , hàng loạt điều kì diệu liên tiếp diễn ra, không có sự sắp xếp mà cực kì ngẫu hứng, như một trò chơi của thời gian dành cho cái đẹp. Từ cặp đôi dịu dàng bên nhau, rồi đốm sáng soi trên gương mặt thần tiên của cô gái, đến đỉnh điểm của đôi mắt rực cháy khi được nhập thể với đốm sáng của thiên nhiên. Không do sự tìm kiếm, không được suy tính trước, vẻ đẹp đến trong sự tĩnh lặng của tâm hồn Shimamura để rồi cất cánh bay thành cõi siêu thực. Cả thảy đều được Shimamura cố làm sống lại trong kí ức, anh nhớ nhung đến nó, như một khát khao tình cảm mãnh liệt về một thế giới xa xăm. Như lời căn dặn của Shimamura dành cho chính anh khi chưa thoát ra được sự thần diệu của tấm gương, anh chỉ nên coi nó là: *"Một biểu tượng sinh động của dòng thời gian!"* [Xứ tuyết ; 228]

Đó là niềm bi cảm thời gian của Nhật Bản. Bất tử hoá khoảnh khắc đẹp. Cô gái trẻ trong truyện ngắn ***Bất tử*** trầm mình để giữ mãi hình ảnh xinh tươi trong mắt người tình. Eguchi tìm lại tuổi trẻ trong bóng hình những ***Người đẹp say ngủ*** : *" Giấc ngủ say của các cô gái đẹp như cái bóng của sự chết, còn ông già đến đây tìm sự sống mà họ đã yêu như đi tìm sự bất tử"*. Vẻ đẹp ấy, trong gương, trong kí ức thuộc về một thế giới khác, con người chỉ có thể chiêm ngưỡng chứ không bao giờ có thể vượt qua giới hạn, không bao giờ chiếm hữu được. Đó là một thế giới siêu nhiên hữu thời!

Bàn về cái siêu nhiên hữu thời (uji), Đạo nguyên thiền sư - Dogen bàn trong ***Chánh pháp nhãn tàng***, như sau :*" Mỗi thời điểm bao gồm mọi hữu thể và mọi thế giới ... Hôm qua và hôm nay có nghĩa là thời của một người đi thẳng vào núi và thấy vạn đỉnh núi. Nó không bao giờ qua mất...nó dường như của quá khứ, nhưng nó là hiện tại"*. [14 ; 171 ]

Bằng nhiều cách Kawabata đã lưu lại khoảnh khắc hiện hữu của cái đẹp. Bất tử hoá sự sống trong cái chết, trong giấc ngủ, trong chiếc gương. Quá khứ còn sống động, đẹp và thực hơn hiện tại, dù rằng được tồn tại, nó không thể bỏ rơi dòng thời gian trôi chảy từ nơi nó được sinh ra, sang hiện tại và ào vào tương lai.

Thời gian có tính chất phản hồi, cuộc sống có tiếp diễn về phía trước nhưng cũng là những vòng tròn quy luật. Nói theo Thiền sư Dogen ***hữu*** là ***thời*** (u là ji). Con

người là thời gian, một tấm gương lưu dấu dòng đời. Và trong rất nhiều những biểu tượng của gương, con người tham gia vào đó, như một thiên chức mà thượng đế giao phó. Để cùng với nhân gian này lưu dấu vẻ đẹp.

**2.3. Chiếc gương soi vĩ đại:**

***2.3.1. <u>Chân không:</u>***

Tấm gương lớn nhất của tự nhiên, theo Kawabata, là chân không (kyomu)! *" Chân không là tấm gương trong suốt vô tận, ôm trùm cả vũ trụ dung chứa và vĩnh chiếu vạn vật trong một cảm thức tinh khôi vô hạn"* [25; 73].Trong khi đó, ***Tự điển biểu tượng văn hoá Thế giới*** ghi lại : *" Đại viện kính trí của Phật giáo Tây tạng dạy điều bí ẩn tối cao là: Thế giới của những hình thể phản chiếu vào gương chỉ là biểu hiện của cái rỗng không"* [ 32; 371].

Trong diễn từ nhận giải Nobel, Kawabata thừa nhận: Tác phẩm của tôi đã từng được mô tả như tác phẩm của chân không (Works of emptiness), và ông đã giải thích cặn kẽ chân không của phương Đông: *"Không phải như cái Hư vô (nihilisme), như người phương Tây thường hiểu. Đúng hơn là ngược lại."* Chúng khác nhau về tận gốc rễ tinh thần. Chân không phương Đông, đúng hơn là ở Nhật Bản, *"đó là khoảng không, nơi vạn vật tồn tại ngoài mọi rào cản, mọi giới hạn, trở nên tự thân, chính mình (jiriki). Đó là vũ trụ vô tận của tâm hồn"* [68; 969].

Biểu hiện sinh động ở những hoạ phẩm. Đó là những bức thiên - thư - hoạ kết hợp ở mức độ tối cao, vượt ra ngoài khuôn khổ của ngôn từ, dưới sự hỗ trợ của trầm tư thiền mặc để đạt tới sự trống không bởi cây cọ và mực nước. Ví dụ như bức tranh **"*Thác nước*"** của hoạ sĩ Nhật, Zeshin Shibata. Không thấy thác trong tranh, chỉ là vài tảng đá được độ dậm nhạt của nét cọ. Không thể nhìn thấy nước nhưng nhờ độ nhấn của cọ cho đá và những khoảng trống trong bố cục mà ta cảm nhận có một thác nước đang trút xuống, bọt tung trắng xoá rồi len lỏi qua khẽ đá. Quá trình thưởng ngoạn bức tranh là quá trình dấn thân truy tìm những gì phi hiện hữu dựa trên những gì hiện hữu.

Quá trình tìm kiếm này cũng được diễn ra khi ta thưởng thức một vở tuồng Noh, với những khoảng lặng khá lâu để khán giả tìm kiếm những ý nghĩa ngoài lời thoại đã hiện hữu. Đặc sắc nhất là những bài haiku với 17 âm tiết gói gém không

gian, thời gian, và sự kiện. Khoảng trống trong thơ haiku dành cho trạng thái "vô tưởng vô niệm" của người thưởng thức. Chân không mà Kawabata nhắc tới trong Diễn từ Nobel chính là trạng thái "vô tưởng vô niệm". *"Khi ấy, cái " ngã" (tôi) biến mất và bắt đầu cái "vô"."* [68; 969]. Các sự kiện trong haiku vừa như rời rạc vừa nhưng liên kết nhau theo một linh cảm nào đó. Người đọc như vừa nằm trong dòng suy tưởng, như vừa đứng ngoài chiêm nghiệm**.** Con người gạt bỏ hết mọi kinh nghiệm, hiểu biết của thời quá khứ, gạt bỏ mọt tạp niệm và đạt tới trạng thái satori (thao tác tự giác ngộ bên trong ). Như của thiền sư Dogen được Kawabata dẫn trong Diễn từ của mình: *" Phải chăng con đường giác ngộ ở trong tiếng trúc reo, sự toả sáng tâm hồn ở trong hoa anh đào nở?"* [68; 970]. Cho nên, những nét trống không của một bức tranh chất chứa ý nghĩa trọn vẹn. *" Ý nghĩa của tranh thuỷ mặc phương Đông là ở trong khoảng trống, ở giữa vùng không gian bỏ ngỏ không chứa đựng gì của bức tranh, trong những nét chấm phá khó nhận thấy"* [68; 970]

Như vậy, chân không chính là gương soi của của vũ trụ, nơi con người tìm thấy thế giới mà thượng đế tạo dựng và thế giới của chính mình. Nơi không có gì hết lại là nơi đầy đủ nhất, nơi người tiếp nhận có thể lấp đầy khoảng trống của vũ trụ bằng cách diễn tả chính bản thân mình một cách chân thật nhất. Để bản chất thiền trong bất cứ ai được đột sáng, dù phút giây ấy có ngắn ngủi, vô thường như cuộc sống.

Kawabata chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện đại phương Tây, song đồng thời, *" với một lòng chung thuỷ còn lớn hơn thế, ông vẫn đứng vững trên nền văn chương cổ điển Nhật Bản và do đó tiêu biểu cho một khuynh hướng rõ rệt nhằm nâng niu, gìn giữ một phong cách dân tộc truyền thống thuần khiết".* [1; 958]. Tiếp nối thi pháp chân không được nuôi dưỡng trong mạch sống của phương Đông, Kawabata tạo ra những chiếc gương soi đầy sức ám gợi mà người đọc phải lưu tâm ở những gợi ý mỏng manh, những khoảng trống lưng chừng. Kawabata vận dụng khoảng trống trong cách kể chuyện, trong đoạn miêu tả, và cả những cuộc tương thoại, nhất là trong truyện ngắn trong lòng bàn tay. Khoảng trống có nghĩa, thậm chí đa tầng và nhiều lớp chất đầy trong văn phẩm của ông. Dùng những biểu tượng đầy chất gợi hình, những khoảng chừa trống nên thơ, "*có sức hút thôi miên như một vực thẳm*

*không đáy*" [36; 994] để gọi dậy một khả năng bẩm sinh nơi người đọc – khả năng sáng tác.

Basho vốn rất kiệm lời cho thiên nhiên trong ***Lối lên miền Oku.*** Cảnh đẹp Matsuchima nổi tiếng được ông thu gọn trong câu : *" Matsushima có nét đẹp sâu lắng tựa như khuôn mặt của một mĩ nhân*". [44; 67]. Còn lại là dành cho sự chiêm nghiệm nét nữ tính của thiên nhiên ở người đọc. Văn phẩm của Kawabata tinh tế hơn ở những ước lệ và biểu tượng cổ điển, nên cái trống vắng có phần nghệ thuật và mỹ lệ vượt lên trên truyền thống.

Kawabata chỉ đưa ra những tín hiệu gợi ý vừa đủ để người đọc tự xâu chuỗi. Tư duy của mỗi người sẽ khoả lấp chỗ trống tế vi đó. Giữa trang văn kín chữ, ta vẫn cảm nhận được khoảng không, như một dấu lặng của một bản nhạc. Nếu dấu lặng của bản nhạc là nơi đong đầy của cảm xúc nhằm chuyển tải ý tưởng của tác giả, thì Khoảng lặng giữa ngôn từ của Kawabata là lúc nói được nhiều nhất, diễn tả ý tưởng sâu sắc nhất.

Những chiếc gương chân không của Kawabata soi chiếu vũ trụ theo cách riêng của người đón nhận. Thiên chức đó là khả năng đồng sáng tạo mà văn học nghệ thuật bày sẵn cho đọc giả. Và người đọc tiếp nhận tác phẩm như đang thưởng ngoạn cảm xúc mình, khám phá bản chất Thiền tiềm ẩn trong mỗi con người. Trạng thái thể nhập chân không đã được đạt tới. Và với Kawabata, *chân không là một tấm gương trong suốt,* ôm trùm vũ trụ, dung chứa vĩnh viễn vạn vật trong cảm thức tinh khôi vô hạn.

Có thể nói rằng, những điều chưa nói hết của Kawabata có sức hấp dẫn kì lạ, nó đi theo sợi chỉ đỏ xuyên suốt về một lý tưởng thẩm mỹ chưa hoàn tất, chưa viên mãn, bất đối xứng … từ nền văn hoá nghệ thuật ngàn năm của đất Phù Tang. *" Và thẩm thấu trong cái chân không phương Đông huyễn hoặc ấy, con người cũng sẽ trở thành những tấm gương trong suốt ngời sáng vẻ đẹp hiện hữu".*[25; 73]

### *3.2.2. Con người là một tấm gương trong suốt*

Gương soi là một vật linh của Nhật Bản, biểu tượng cho trí tuệ và tâm hồn con người. Đồng thời, chiếc gương trong quan niệm phương Đông là dấu hiệu tâm hồn con người. Nếu vũ trụ là vi mô và hình ảnh của vũ trụ là vĩ mô, con người và vũ trụ

sẽ ở thế tương ứng với hai cái gương. Những bản chất cá thể sẽ phản chiếu vào Thượng đế, và thượng đế sẽ phản chiếu vào các bản chất cá thể! ***Tự điển Biểu tượng thế giới*** khẳng định: *"Con người với tư cách là chiếc gương sẽ phản ánh cái đẹp hay sự xấu xa. Điều quan trọng là chất lượng gương, để có thể thu nhận được sự phản chiếu một cách tối đa"*. [32; 371].

Người Nhật có thói quen xoá nhoà gương mặt của mình bằng mặt nạ. Kì thực, những chiếc mặt nạ trong nghệ thuật Nhật Bản như No, hay Kabuki, Buyo hay các nàng geisha với gương mặt được trang điểm trắng xoá *"hoàn toàn khác với việc sử dụng mặt nạ trong các lễ hội hoá trang của phương Tây...mà nó thể hiện một hình thức bí mật, kín đáo và một nội tâm thâm trầm, sâu sắc kiểu phương Đông"* [23;6] . Song song đó, chính khoảng trống có tính mặc định trong nghệ thuật sân khấu Nhật Bản đã gợi mở trí tưởng tượng của người xem. Phần gương mặt trắng toát ấy như một khoảng không vô tận thu hút cảm nghĩ, cảm xúc của người xem. Từ đó, cùng với người sáng tác và nghệ sĩ, người xem tham gia trực tiếp vào quá trình sáng tạo sản phẩm nghệ thuật. Họ có thể thấy chính họ, tâm hồn họ trong gương mặt trắng, như một chiếc gương sáng ngời soi chiếu toàn thể những tiểu vũ trụ. Trong ý nghĩa đó, bài thơ thiền của Myoe thế kỉ XIII:

*Tim tôi ngời sáng*
*ánh sáng vô cùng*
*thế mà trăng ngỡ*
*đấy là ánh sáng*
*chiếu ngời từ trăng!*

đã định dạng được hai chiếc gương đang soi vào nhau: thiên nhiên và con người. Tâm ta soi chiếu vũ trụ và vũ trụ có bóng hình của chính ta. Ánh sáng từ vầng trăng và con người đều là của nhau. Con người có sức mạnh khác, có một bóng khác, soi chiếu từ ảo giác! Bản thân con người cũng là chiếc gương soi: bởi lẽ có thể hồn nhiên tiếp thu bóng hình của trời đất, của tha nhân.

Con người hồn nhiên tiếp nhận bóng hình trần gian là một bút pháp đặc biệt của Kawabata. Những chiếc gương soi trong ***Xứ tuyết*** *"dường như soi chiếu toàn thể vũ trụ, và cả nhịp rung của trái tim con người"*

Nhắc lại chiếc gương tạo ra bằng cửa kính toa tàu, nơi Yoko tiếp nhận vô tư bóng hình núi non hùng vĩ Nhật Bản để cái đẹp của nàng vĩnh cửu trong lòng Shimamura. Tấm gương đó có bàn tay sắp đặt tác giả hay của lực lượng siêu nhiên? Tiến sĩ Đào Thị Thu Hằng đã nhận xét: *" Tấm gương đã trở thành một biểu tượng rực rỡ cho sự trong sáng khách quan đầy sâu thẳm của tâm hồn nhà văn, của chủ thể phản ánh hiện thực"* [27; 1095]. Hay nói khác hơn, chính là nhà văn là gương soi!

Bức phi hoạ do Kawabata vẽ lên trên tấm kính đêm ấy có tính điển hình của tranh thuỷ mặc về bố cục, cách sắp xếp của các lớp. Kawabata đặt gương mặt Yoko nhìn nghiêng, trên nền phong cảnh phía sau. Nếu tách bạch ra, bức tranh là thể thống nhất của các bốn lớp: nàng Yoko, nền núi non, đường chân trời với vệt đỏ sậm muộn màng đang dần dần tối sẫm, và bầu trời đêm. Ba lớp phong nền phía sau hiện sinh của vũ trụ. Hoà trộn bốn lớp ta có mối liên hệ thần kì giữa con người và thiên nhiên, sản phẩm của thượng đế! Nhưng bao trùm lên tất cả là vẻ đẹp thần tiên của Yoko. Vẻ đẹp của Yoko trên nền gương tối tượng trưng cho tính nữ vĩnh cửu của tự nhiên, cho vòng tuần hoàn tái sinh, huỷ diệt vĩnh cửu của nó, cho bí ẩn tận cùng mà con người không thể nào đi được hết!

Có thể nhận thấy sự liên đới bất ngờ đầy thi vị của bức tranh gương soi không tên của Shimamura với bức tranh ***Mona Lisa*** bất hủ của Leonardo da Vinci. Bức Mona Lisa phá vỡ bố cục truyền thống của tranh chân dung thời Phục hưng thời bấy giờ bằng cách đặt gương mặt Mona Lisa suy tư trên nền cảnh vật thiên nhiên rộng lớn phía sau. Cũng với bốn phông nền: con đường với cây cầu, núi non và lớp sương mù mờ ảo. Đời nay, người ta vẫn băn khoăn về khuôn mặt với nụ cười bí ẩn kia và liệu Mona Lisa có phải là hoá thân của Leonardo da Vinci hay không ? Nếu có, nó ẩn dụ về quan hệ phức tạp giữa nghệ sĩ và thế giới nghệ thuật. Thế giới tự nhiên lẫn siêu nhiên đều là vô vàn khuôn mặt khác nhau của cái Tôi. Và vốn dĩ thế giới của cái Tôi cũng là một thế giới phức tạp và hỗn tạp. Nếu những nhà nghiên cứu đang ráo riết tìm lại bí mật khuôn mặt của cái Tôi - Da Vinci. Thì liệu, khuôn mặt bồng bềnh của Yoko và đốm sáng rực cháy ở mặt nàng có phải cũng chính là Shimamura, hay nói khác hơn chính là Kawabata ? Gương mặt ấy ẩn dụ về một mối quan hệ giữa cái tôi sáng

tác Kawabata và thế giới nghệ thuật! Và mãi mãi khuôn mặt thật của cái Tôi trong sự soi chiếu của tự nhiên, vẫn sẽ là thách thức của Kawabata dành cho chúng ta.

Đến lượt con người, họ sẽ nhận diện cái đẹp thiên nhiên bằng nhiều cách khác nhau. Tiếp nhận tinh tế văn hoá dân tộc, Kawabata viết về con người tự đánh mất mình trong trạng thái vô ngã để hoà nhập vào cái tổng thể thiên nhiên. Cảm giác nhận diện được cái đẹp là cảm giác của kinh nghiệm tâm linh. Thế giới được nhìn theo những gì hiện hữu mà chúng ta kiểm chứng và đánh giá được, tức ta suy nghĩ dựa vào những kinh nghiệm tri thức mà ta đã biết. Gương soi, phá bỏ những kinh nghiệm đó và đặt vấn đề vào những thứ nằm ngoài kinh nghiệm ngôn ngữ đã hiện hữu. Như Thiền tông chủ trương, Kawabata đưa ra những ảnh ảo về chiếc gương để chúng ta truy cầu cái đẹp không hiện hữu.

Chiều sâu của tấm kính toa tàu là rừng núi lần lượt kéo qua như một đáy gương di động, những hình ảnh chồng lên nhau tạo nên một vũ trụ kỳ ảo và duy nhất. Sự huyền ảo được đẩy lên chỉ toàn hình bóng. Tưởng chừng như đang ngắm cảnh rừng đêm trên hình bóng trong suốt của Yoko. Thiên nhiên chọn con người làm chiếc gương để soi chiếu. *"Gương mặt xinh đẹp và cảm động ấy dường như hất tất cả cái buồn tẻ âm u xung quanh. Hình ảnh gương mặt đó có vẻ phi thực và nếu vậy cũng phải trong suốt"*. [Xứ tuyết;225]

Gương mặt trong suốt của Yoko trong gương là gương mặt của thiên nhiên. Thế giới của hình và bóng trong Kawabata là thế giới của gương soi cái đẹp bằng cơ thể, đôi mắt của thiếu nữ. Đó là ***"thẩm mỹ của chiếc gương soi"*** mà nhà nghiên cứu Nhật Chiêu dành cho Kawabata. Những con mắt trần gian là những chiếc gương của thiên nhiên. Không kể con mắt rực cháy của Yoko, cả đôi mắt Shimamura là một chiếc gương đang rơi vào tính vô thường của tâm thức, và cũng có đốm lửa đang bừng lên trong đôi mắt của anh: Đốm lửa trên tròng mắt Yoko hay đốm lửa của mê say trong ánh mắt Shimamura. Mỗi ánh nhìn của con người sẽ trao cho vũ trụ một ánh sáng, một hình thể. Ánh mắt không còn là ánh mắt mà là muôn vàn chiếc gương soi, dung chứa cái bóng của cuộc đời. Đã thấy gương soi trong gương, hình và bóng đan lồng vào nhau và không rõ đâu là hư hay thực trong nghệ thuật Kawabata! Nghệ thuật của Kawabata là chiếc gương, soi cái đẹp của thiên nhiên, của cơ thể con người.

Đôi lúc có sự sắp đặt cố tình của Kawabata để hình và bóng đều là con người. Ở đây là trường hợp của ***Cố đô***. Sự phúng dụ ban đầu của Kawabata về hai cụm hoa tím trên thân cây phong, gần nhau nhưng nào biết về nhau, đã đánh dấu một cái nhìn gương soi giữa thiên nhiên và thiên nhiên! Từ đó lần lần dẫn người đọc vào thế giới gương soi đồng dạng. Con người soi chiếu lên chính con người, nàng Naeko trong sự tương tác với Chieko. Khó mà phân biệt được những cặp sinh đôi, nếu được cùng sinh trưởng trong một môi trường. Chieko và Naeko lại sống tách biệt nhau và hoàn cảnh sống hoàn toàn khác nhau nhưng Kawabata vẫn tạo cho mọi người sự nhầm lẫn. Yêu thương Chieko, nhưng số phận đưa đẩy Hideo về phía Naeko. Anh dệt thắt lưng rừng phong cho Naeko bằng toàn bộ tâm hồn và tài nghệ, song, trong khi dệt *"hình ảnh Chieko và Naeko cứ hoà làm một trong mắt anh"* [Cố đô, 697]. Đã đành hình bóng không có hình thù, nhưng có thể được lưu giấu trong trái tim người đàn ông, trong tâm hồn anh ta và ai biết được còn ở những đâu nữa. Nhưng Chieko vẫn cả quyết với Naeko, khi nàng còn phân vân trước lời cầu hôn của Hideo: *" Em hoàn toàn không phải là hình bóng, không phải là ước vọng. Em là chị em sinh đôi với chị*" [Cố đô;727].

Kì thực, hướng tập trung của Kawabata là vào thế giới nội tâm và cung cách của các thiếu nữ khi được giáo dục ở hai tầng lớp quá tách biệt nhau. Và như vậy, sự tinh tế, nội tâm dồi dào của Chieko soi rọi nét tươi tắn khoẻ mạnh của người chị em song sinh Naeko và ngược lại. Cả hai đều riêng mang mối sầu gia cảnh, nhưng tràn đầy sinh lực và nhiệt tình với cuộc đời. Dù đồng dạng, nhưng tâm hồn con người như thể tấm gương vô hình, có nội tâm, kinh nghiệm và nhu cầu riêng. Cho nên, dù song sinh, mỗi con người vẫn là một đại diện cho chiếc gương của riêng mình, có thế giới huyền ảo riêng, không nhầm lẫn với bất kì ai.

Nếu như ***Cánh tay*** để chân thực hoá cái đẹp bằng cảm giác, tấm gương là phương tiện để Kawabata huyền ảo hoá thế giới! Tâm hồn với tư cách là chiếc gương sẽ phản ánh cái đẹp hay sự xấu xa. Chất lượng gương có thể giúp thu nhận được sự phản chiếu một cách tối đa. Vấn đề này có thể nhận xét: *"Có sự trùng hợp giữa cái chủ thể được phản ánh và chiếc gương phản ánh. Tâm hồn cuối cùng sẽ tham gia vào chính cái đẹp mà nó hướng tới"* [32; 372]. Hai tâm hồn soi chiếu trong một nhất thể,

cùng tôn vinh thế giới nội tâm thiếu nữ bằng kiểu cốt truyện. ***Cố đô*** tuy không lạ, nhưng sinh động và đặc sắc!

Nhật Chiêu đã nhận thấy: "… *con người và thiên nhiên trong tác phẩm của Kawabata luôn luôn chiếu ánh lẫn nhau như thể mỗi bên đều là gương soi"* [13; 90]. Trên mặt bằng đó, tiếp thu nền văn hoá Phù Tang, Kawabata chuyên sâu vào cách cảm thụ tự nhiên của con người, nhất là thiếu nữ. Người Nhật soi chiếu thiên nhiên hiện diện lên mọi vật thể theo tinh thần **kami** của Thần đạo! Nhưng với Kawabata, thiên nhiên và thiếu nữ là hai đối tượng mới thực sự tương xứng với nhau. Trăng toả sáng rực rỡ nhất khi soi lên cơ thể tuyệt mỹ của thiếu nữ. Tuyết mùa đông ngời sáng trên gò má nàng geisha Komako, trăng đậu trên vành tai thanh tú của Komako :

*"Phía sau nàng, trăng sáng rực rỡ rõ đến cả vành tai của nàng. Trăng tuôn ánh sáng vào phòng khiến những chiếc chiếu cũng loáng của lên thứ màu hồ thuỷ lạnh... "*. [Xứ tuyết;288]. Ánh trăng dường như mang một vẻ đẹp nữ tính! Có cái bao la của vũ trụ có cái thanh thoát của thiếu nữ trên một bộ phận nhỏ bé hết sức gợi cảm đó! Ánh sáng của trăng có vô vàn mảnh đời khác nhau, như bảy nàng Komachi của Basho, hay như mỗi giọt sương đọng, một giọt mưa đó đây trên cành là một chiếc gương.

Như trăng chơi đùa trong nước của Basho :

*Vầng trăng tan nhanh*
*giọt mưa còn đọng*
*đó đây trên cành.*

Dù nhỏ nhoi thế nào, đều có trăng trong lòng một giọt sương! Thiền sư Dogen viết về trăng trong *Hiện thành công án* (Genjô Koan): *"Trăng không bao giờ ướt mà nước cũng không tan vỡ... Chiều sâu của giọt sương là đỉnh cao của vầng trăng. Mỗi phản ánh dù dài hay ngắn, biểu hiện cái bao la của giọt sương và chứng tỏ cái vô hạn của ánh trăng trong bầu trời"*. [15; 253]

Với Kawabata có cái bao la của vũ trụ, cái vô hạn của thiên nhiên trên cơ thể của thiếu nữ. "*Trên làn phấn mịn màng của cô geisha ánh trăng ngời chiếu như thể vân trai"*. Phấn trang điểm của geisha là của Hằng Nga điểm trang cho nàng, làn da nàng là chiếc gương trong trẻo phản chiếu vẻ đẹp lung linh nhất của trần ai. Bóng

trăng và vẻ đẹp con gái tựa nương vào nhau, thong dong trôi. Dải Ngân hà huyền bí của vũ trụ nào có soi sáng nổi bóng một ai trên mặt đất, nhưng cũng được Kawabata đặt lên chiếc gương Komako. *"Ánh sáng ma quái của nó khiến gương mặt Komako có vẻ kì lạ như một mặt nạ cổ xưa, phía sau đó lại hiện rõ một sắc mặt đầy nữ tính"*. [Xứ tuyết; 344]. Dải Ngân hà tinh khiết vô hình trên mặt đất, bởi nó nhập thể vào một gương mặt đẹp để tạo ra một nét đẹp nữ tính hoàn hảo mới. Nền tuyết trắng dưới chân, trên đầu là dải Ngân hà sáng rực, Komako huyễn hoặc và không thật. Cái đẹp tinh khiết của tuyết, tính phù ảo mà ánh sáng Ngân hà để lại trên gương mặt Komako hoá thân nàng thành một trong muôn ngàn chiếc gương hữu hình đang chơi trò chơi bất tận với tạo hoá: hình và bóng. Shimamura may mắn được trải nghiệm cảm giác tuyệt mỹ đó: Cái giá lạnh trong ngần lướt trên anh như một cơn rùng mình, một đợt sóng khoái cảm, khiến anh kinh ngạc, sững sờ. Như tương tác, chiếc gương Komako như đang soi rọi vào chính tâm hồn nàng nữa. Nàng đột nhiên, thèm khát quay về chốn hiền lương, *"Nếu mà anh đi, nếu mà anh đi, em sẽ trở về đời sống lương thiện"*. [Xứ tuyết; 334]. Khi đó cái tâm (kokoro) con người đang ngời chiếu cái đẹp hiện hữu. Tâm hồn một khi trở thành một tấm gương hoàn hảo, sẽ tham dự vào hình ảnh và nhờ sự tham dự ấy sẽ tự cải hoá mình. Cái nhìn gương soi. Gương soi tiếp tục chức năng cao quý: thanh lọc. Biểu tượng cho sự tự thanh lọc: con người thanh lọc con -người - mình, ở trạng thái Niết bàn.

**<u>Tiểu kết :</u>**

Bằng nhiều hình thức Kawabata tiếp cận với thế giới cái đẹp bằng nhiều cách khác nhau. Chiếc gương là phương tiện hữu hiệu giúp Kawabata ảo hoá thế giới, nhân bội phần cái đẹp thực tế. Những mối liên hệ ngẫu nhiên giữa trần thế và con người qua gương soi toát lộ đến tận cùng của vẻ đẹp, hướng con người về thế giới toàn bích của cảm xúc bằng những khoảng trống lưng chừng tuyệt mỹ. Tuyệt mỹ của thiên nhiên trong hình thể của những thiếu nữ Phù Tang, nhằm tôn vinh tính nữ vĩnh cửu và lòng mộ chuộng thiên nhiên ngàn đời nay của người Nhật Bản là một bút pháp đặc sắc của Kawabata! Trong thi pháp Kawabata "*luôn có một thế giới thực và thế giới ảo cùng soi chiếu vào nhau, tồn tại trong nhau bằng những sắc mùa lung linh huyền ảo*" [10;102]. Quả vậy, tấm gương là phương tiện hữu hiệu nhất !

# CHƯƠNG 3

# KIMONO

*Kimono* là trang phục cổ truyền Nhật Bản, một thứ tài sản quốc gia, và bảo vật văn hoá của xứ sở. Cùng với hoa anh đào, rượu sake, geisha, *kimono*…là những biểu tượng rất Nhật Bản.

***Cành Sakura*** nhận thấy rằng: *"Bộ kimono được phụ nữ sử dụng không phải để thể hiện mà là dấu đi những đường nét thiên nhiên của mình"* [ 67; 80]. Dù vậy, vẫn không thể phủ nhận kimono đã giúp người phụ nữ Nhật trở nên vô cùng gợi cảm, thậm chí kiêu gợi. Tính chất quyến rũ và gợi tình của chiếc *kimono* là kết quả sự sáng tạo miệt mài của đất nước mặt trời mọc từ sự pha trộn các kiểu ăn mặc của người Trung Hoa, người Triều Tiên và người Mông Cổ. Người Nhật luôn biết *" giữ khoảng cách với nguyên bản để xây dựng và đào sâu những nét riêng của mình*" [ 36; 976], cùng tính cách năng động, nhạy cảm với cái mới, khiến những gì vốn nguyên sơ không thuộc về nó, đã là của họ.

Một chiếc *kimono* là một tác phẩm nghệ thuật. Cần phải có những bậc thầy đồng điệu tâm hồn mới có thể phát huy hết tinh thần văn nhã của một tà áo. Hài hoà và có hơi ấm của tâm hồn trong một chiếc *kimono* không thể tách rời các chi tiết đi kèm cùng người thiếu nữ sẽ mang trên người công trình nghệ thuật ấy. Như một mặc định, *kimono* là biểu tượng cho phụ nữ Nhật Bản.

Trong tiếng Nhật, *kimono* là "quần áo", (着物 "đồ để mặc"; hoặc 和服 Hòa phục, nghĩa là "y phục Nhật", từ thời Heian trải qua thời gian, với nhiều thay đổi, nó đã trở thành tên gọi riêng của loại trang phục truyền thống độc đáo này. *Kimono* là một chiếc áo choàng vắt chéo trước ngực từ phải qua trái có ống tay áo dài và rộng (ngược lại từ trái qua phải chỉ dành cho người vừa quá cố) được giữ cố định bằng một vành khăn rộng cuốn chặt vào người cùng với một số dây đai và dây buộc gọi là obi. Người mặc *kimono* phải đi guốc gỗ và mang bít tất Tabi màu trắng.

## 3.1. Trong một chiếc áo:

Thần đạo và Phật giáo Thiền tông giữ vai trò chủ yếu trong đời sống nội tâm và qui định chuẩn mực xử thế lẫn lý tưởng thẩm mỹ của người Nhật Bản. Coi trọng sự sạch sẽ, giản dị và những yếu tố thuộc về tự nhiên, Thần đạo hướng tới *"sự vắng mặt một cái gì đấy cầu kì sặc sỡ, cố ý... mà theo quan niệm của người Nhật đó là vẻ đẹp thường ngày, là sự chừng mực thông minh, là cái đẹp của sự giản dị"*. [65; 60]

Lẽ vậy mà Kawabata chọn cho những người phụ nữ của mình những chiếc *kimono* không quá cầu kì, sặc sỡ, dù nàng là tiểu thư Chieko của ***Cố đô***, hay là một nàng geisha tài hoa Komako trong ***Xứ tuyết***, một trà nhân luống tuổi của ***Ngàn Cánh hạc***… Đây là vẻ đẹp mong manh hoà cùng nhịp thở thiên nhiên của cô gái nhà Inamura choàng chiếc khăn có ngàn cánh hạc trong buổi trà đạo: *" Bóng chùm lá non bên ngoài in hình lên tấm cửa có căng giấy. Một bóng lá non chiếu nhẹ lên bờ vai và trên cánh tay áo kimono màu xám của nàng. Mái tóc nàng dường như sáng lung linh"*. [ Ngàn cánh hạc; 351].

Nhưng không thể nào phủ nhận sự dụng công của tác giả cho bộ áo kiểu áo choàng với ống tay rộng, vắt chéo trước ngực. Các hoạ tiết trên chiếc áo, sợi obi minh chứng cho tình yêu thiên nhiên và tài hoa của người Nhật Bản cùng với sự tinh tế trong cách chọn lựa, thể hiện trang phục của người thiếu nữ. Dường như, ngàn thông, rặng liễu, đoá cúc, rừng phong … nhập thể vào từng bước đi uyển chuyển đượm tình của các thiếu nữ Phù Tang.

***3.1.1. <u>Ngưng đọng của tâm hồn:</u>***

*" Với một cành hoa, một chút nước, ta có thể gợi về sự cao rộng của sông, của núi"*. Câu nói của bậc thầy Hoa đạo Ikenobo Sen'o là một nguyên lý cho nghệ thuật tái hiện thiên nhiên trong truyền thống nghệ thuật Nhật Bản.

Nhìn vào một chiếc áo *kimono*, ta cảm tưởng nhìn được vào một thế giới thu nhỏ. Một thế giới được tạo ra từ hoạ tiết sinh động trên tà áo, chiếc thắt lưng. Ở ***Cố đô***, Kawabata tập trung vào những hoạ tiết và sự sắc sảo của chiếc obi, vốn nguyên thuỷ chỉ để làm gọn thân hình, dần về sau, trở thành một yếu tố thẩm mỹ. Obi bao gồm rất nhiều đai và dây buột, sự cầu kì của *kimono* phần lớn là nhờ những phụ kiện ấy! Tuỳ lứa tuổi và loại *kimono* sẽ có cách lựa chọn và cách thắt obi. Sự lựa chọn của mỗi thiếu nữ cho obi và *kimono* của cô chứng tỏ khiếu thẩm mỹ và gu thời thời trang.

Dù *kimono* có màu tươi sáng đến đâu, obi bao giờ cũng rực rỡ hơn. Giá trị mà obi của *kimono* mang lại vượt qua công dụng, đạt đến độ thẩm mỹ.

Kawabata lấy chiếc thắt lưng làm điểm nhấn cho sự thanh thoát của phục trang dân tộc trên cơ thể thiếu nữ vốn đã được ông sủng ái.

Mùa thu muộn ở Kyoto với nhiều lễ hội, những lễ hội được Kawabata miêu tả với *" sự ân cần tỉ mỉ như khi ông mô tả cách lựa chọn những mẫu chéo vải trên y phục phụ nữ trong ngành dệt"* [1; 960] vẫn không thể làm mất đi tinh thần thiên nhiên trong bức phác thảo dải thắt lưng *kimono*.

Tựa như hài nhân chọn một quý ngữ cho bài haiku của mình. Những khoảnh khắc thoáng qua của đất trời như lá phong, hoa cúc, hay đốm tuyết, … được lưu giữ lại trên vòng eo thiếu nữ. Một quý ngữ báo hiệu không gian, thời gian, để bắt nhịp với mạch đập thiên nhiên và để thế gian ngưng đọng theo nhịp cơ thể.

Mùa thu, chàng thợ dệt Hideo chăm chút hai hoạ tiết hoa cúc và lá phong chiếc thắt lưng cho người con gái anh để lòng. Nhận được bức vẽ, Chieko say sưa. Với hoạ tiết hoa lá cúc đại đoá, dễ liên tưởng đến bức: *"Cúc đại đoá trên giấy ép"* được đưa vào tranh lụa của Koetsu Honami, nhà thảo mĩ tự thời tiền Edo cũng là hoạ sĩ nổi tiếng. Nhưng hoạ tiết obi của Hideo lại có những chiếc lá cách điệu tinh xảo *" nên không thể ngay lập tức có thể đoán được nó mô phỏng cái gì"* [Cố đô; 673]. Cho nên, có thể mặc được quanh năm chiếc obi hoa cúc, còn phác thảo những chiếc lá phong đỏ chỉ để Chieko chưng diện cho mùa thu. Lá phong đỏ như tín hiệu của mùa thu. Người Nhật Bản yêu lá phong như yêu một phần của đời sống tinh thần họ.

Mô phỏng nhưng không sao chép rập khuôn thiên nhiên là một trong những tiêu chí sáng tác nghệ thuật. V. Ovsinicov nhận xét: *" Có thể nói rằng, quan niệm về cái đẹp của người Nhật Bản vốn có từ thiên nhiên, thiên nhiên đúng với cái nghĩa đen của từ đó. Và ở đây có thể nói không chỉ về ảnh hưởng của Xinto mà cả về dấu vết sâu sắc của Phật giáo để lại trong nền nghệ thuật Nhật Bản"* [66;45]. Đó là thiên nhiên không bao giờ tàn phai dưới bàn tay lao động sáng tạo của con người. Tự nhiên (shizen) hoà quyện với nghệ thuật, một đặc trưng rất Nhật Bản. Thiên nhiên trên obi như tự bản thân nó là như thế. Sống động và hiện hữu. Lẽ vậy mà nảy sinh trong lòng

Chieko một niềm xúc động vô tận, đánh thức lòng nhân hậu, tình cảm chị em còn thiếu vắng trong cô.

Bởi như Kawabata đã xác định: *" Sự chiêm ngưỡng cái đẹp, đánh thức trong ta cảm xúc mãnh liệt về sự cảm thông và tình yêu và lúc đó hai tiếng con người vang lên như bạn bè…"* [68; 964]. Xúc cảm được khơi dậy từ cái đẹp, Chieko khao khát chia sẻ niềm hạnh phúc với chị em gái sinh đôi Naeko bị chia li từ vì hoàn cảnh. Naeko là thiếu nữ lao động chân tay từ tầm bé, cuộc sống thôn dã gần gũi núi rừng nâng đỡ sự trưởng thành của cô. Cho nên, Chieko biết người chị em sinh đôi của mình cần một thắt lưng "*dệt những dãy núi phủ đầy thông liễu và thông đỏ"* không phải để nhắc nhớ đến công việc và đời sống lao động ở Bắc Sơn mà để nàng thật sự là chính nàng.

*" Dường như rặng Bắc Sơn với từng dải ngọn thông liễu xanh mướt giống như tầng và những thân thông đỏ sắp thành hàng tao nhã đang hoà trộn các giọng ca cây cối thành một nét nhạc du dương duy nhất".* [Cố đô; 676 ]. Thứ âm nhạc của màu xanh cây cối kì lạ, quây vòng và quấn riết tâm hồn Chieko, cũng ra sức quấn lấy tâm trí anh thợ dệt Hideo, cứ thế bước vào *kimono*: dải thắt lưng của rừng thông thấm đẫm yếu tố hiện thực cùng tình cảm. Này đây *"rừng thông liễu mọc thành hàng tựa thể những món đồ chơi mà lá trên ngọn cây thì na ná như những cánh hoa giản dị, chẳng hề chói lọi"* [Cố đô; 702] bước vào dải thắt lưng. Bàn tay người thợ dệt đã vẽ nên chúng bằng những nét thanh nhã, mềm mại, …theo phong cách mô tả với hình dạng và màu sắc đầy sáng tạo.

Và rồi rừng thông đỏ và thông liễu Bắc Sơn quyện theo bước chân của cô thôn nữ trong lễ hội. Chỉ dành một câu khen tặng chiếc obi: *"Cái thắt lưng của tiểu thư đẹp quá chừng và lại rất hợp với kimono"* [Cố đô;706]. Thẩm định nghệ thuật khá đơn giản chỉ bằng một câu gặng hỏi và ngợi khen của người khách lạ, rồi bỏ trống trong ánh mắt ngất ngây của chàng thợ dệt. Bấy nhiêu thôi, giá trị nghệ thuật đã được khẳng định.

Thôn nữ Naeko và tiểu thư Chieko y tạc nhau về hình thể, nhưng chiếc obi sẽ nhận diện được sự khác nhau ở hai chị em sinh đôi. Đó là điều đặc biệt trong bút pháp thể hiện thiên nhiên của Kawabata! Naeko như loài thông liễu ngay thẳng và thanh nhã ở Bắc Sơn: *"Tâm hồn trong sạch và thuần phác, cần cù và thể chất khoẻ*

*mạnh"* [Cố đô; 674] Còn Chieko tiểu thư thanh thoát, mỏng manh như đoá hoa tím trên cây phong điểm rêu xanh.

Thiên nhiên nơi các cô sinh sống ngự trị trên bộ *kimono* di chuyển theo nhịp bước của cô. Tựa như hai người bạn thân bên tách trà trong trà thất, tận hưởng sự giao hoà kì diệu của thế giới trong trạng thái hoà kính thanh tịnh. Cuộc gặp gỡ bên chén trà" cuộc gặp gỡ của những tình cảm"- chữ dùng của Kawabata có thể dành cho mối quan hệ giữa thiên nhiên với con người, giữa người với người. Đó là lối *tư duy Nhật Bản*.

Thật vậy, mỗi một con người trong tác phẩm ***Cố đô*** của rất nhiều lễ hội và *kimono* đều có lối tư duy và hành xử rất Nhật Bản. Yêu thiên nhiên và trân trọng tự nhiên là lẽ tất yếu, họ vẫn rất trân trọng những gì thuộc về truyền thống. Dễ dàng bắt gặp trong ***Cố đô*** một cô tiểu thư xinh đẹp luôn mặc *kimono* may theo mẫu của cha. Tấm lòng thật thà, giàu tình thương của cô cũng giản dị như chiếc áo. Cha của Chieko là chủ cửa hàng buôn bán hàng *kimono* truyền thống và vải luôn được Takachiro lựa chọn cẩn thận. Chieko luôn hăm hở mua cũng như cô luôn mặc những kimono được may theo những phác thảo của ông. *"Những kimono giản dị đúng là hợp với con gái có nhan sắc"* [Cố đô ; 601]. Kawabata không miêu tả chi tiết những hoạ tiết trên chiếc obi hay một tà áo *kimono* ướm hoa lá cỏ cây. Chỉ là một phác thảo dung dị: *"Chiếc thắt lưng làm từ tấm rèm vải hoa quý…. Nó thật lộng lẫy với hình trang trí to bằng những gam màu sáng tối"* [Cố đô; 598 ].

Chieko bước vào ni viện cô tịch, với với chiếc *kimono* giản dị, đi kèm với chiếc obi rực rỡ bất chợt được cắt ra từ một tấm rèm ngăn tạp âm cho phòng làm việc của Takichiro, hoà quyện như một sự ngẫu hứng. Nổi bật. Đơn giản. Hài hoà. Tựa như một bức tranh phần lớn là những khoảng không trống rỗng, và bàn tay người hoạ sĩ sắc sảo, khéo léo vung vài nhác kiếm, đường thẳng nét xéo phân cách những gam màu đối lập nhau. Dĩ nhiên, đó là những hình ảnh cố định, nhưng sự vận động đang diễn ra, trong ánh nhìn của Takichiro, dù không nhớ nguồn gốc của chiếc thắt lưng. Đã có sự di chuyển trong tư tưởng bất ổn của Takichiro khi đang cố tìm cách đánh rơi nỗi u uẩn thời đại của mình nơi toà ni viện xa xôi, vắng vẻ. Ông khát khao sự cô tịch, áp đặt cho cái tôi của mình lối sống cố định, nhưng tâm trí ông vận động cho cái đẹp.

Chiếc obi của con gái đánh thức mọi giác quan, và nói như Dostoievxki *" cứu rỗi thế giới",* thế giới của lão già còn ngủ say với quá khứ. Ông quay về với thực tại: cô con gái của ông đến tuổi lấy chồng và liệu chiếc obi kia " *có hợp không?*" [Cố đô - 598].

Chiếc obi trên tà *kimono* của Chieko là một hiện thân đầy đủ của cái đẹp. Khoảnh khắc nhận diện cái đẹp, đã loại bỏ khỏi con người hoạ sĩ lỗi thời một ảo tưởng an toàn của ý niệm đánh giá thấp về nhân cách và chuyên môn, cùng với nỗi sợ hãi phải đối diện với môi trường sống. Đó là thao tác tự giác ngộ bên trong - satori - mà Kawabata đã nhắc tới trong diễn từ của mình.

Nhận thức về giá trị, cái đẹp hay cái đúng đắn ở mỗi sự vật đều tuỳ thuộc vào chúng ta là điều mà Thiền tông Nhật Bản dạy dỗ. Trong khung cảnh cô tịch của thiền viện ấy, hay ở trong vườn chùa với những rặng anh đào soi bóng xuống mặt hồ, hay ở rừng thông liễu Bắc Sơn thẳng tắp… chiếc *kimono* và Chieko dường như nương tựa vào nhau. Họ, đã tìm được địa điểm lý tưởng để để thư thái, giao hoà, tình yêu: tình người và lòng say đắm thiên nhiên. Trang phục và con người đã tìm được điểm chung, cùng phối hợp để được cảm nhận rõ hơn cảm giác của sự thảnh thơi có phần ngưng trệ của thời gian và cả niềm hạnh phúc. *"Hôm ấy Chieko mặc chiếc kimono tím hoa cà màu dịu, và cái thắt lưng rộng bằng vải hoa mà cha nàng đã hào hứng tặng nàng"* [ Cố đô ; 632], trong khi cô bạn gái chỉ mặc có chiếc váy mỏng mùa hè và đi giày gót thấp cho buổi leo dốc ngắm phong.

Chiếc *kimono* giản dị giữa màu xanh mơn mởn giữa xanh tươi đồi núi càng tôn thêm nhan sắc thiếu nữ. Chieko khoan thai bước lên các bậc đá hoà nhập vào thiên nhiên. Không có gì phi lí trong lời khen tặng của Hideo: *"Chieko còn tuyệt vời hơn các pho tượng Miroku (Phật vị lai )ở những chùa Chiugudgi và Koridgi".* Một thiên nhiên ở giữa thiên nhiên. Góc nhìn trực diện thấy được vũ điệu màu sắc tinh xảo của rừng cây, nhánh cúc, lá phong, hoa anh đào… Rồi các chi tiết của bức tranh mờ dần, nhường lại cho sự thảnh thơi của đầu óc.

***3.1.2. <u>Ý tưởng từ cỏ cây:</u>***

Người Nhật ngắm hoa anh đào nở (hanami) vào mùa xuân , ngắm trăng (tsukimi) vào mùa thu, ngắm tuyết rơi (yukimi) vào mùa đông như một ngày hội giao hoà cùng trời đất. Ngày hội dành cho tâm hồn con người và dành cho sự cảm thông

với đất trời. Với họ: *"Dù sao thế gian này cũng chẳng còn gì đẹp hơn anh đào nở hoa"* [Cố đô ; 589]

Đó là chiếc *kimono* khoác cả thiên nhiên lên cơ thể người phụ nữ. Thắt lưng obi hoa mềm mại hài hoà với chiếc áo *kimono*. Những cô gái của thành phố Kyoto đẹp sống động, trong sự phô diễn vô thức những vẻ đẹp trần ai trên cơ thể. Tấm hình hài quyến rũ đến nao lòng bởi những họa tiết, vải sợi, thắt lưng. Trong thẩm mỹ quan của Kawabata, thiên nhiên ngưng đọng trong một tà áo.

Áo *kimono* như bức tranh, có khi cả một phong cảnh được hoạ trên áo… có khi chỉ là vệt trắng chảy dài trên tà áo xanh mà đã hoạt nên một đại dương cuộn sóng. *Kimono* là bài thơ do con người tạo ra. Bài thơ đẹp của đất trời cùng tinh tuý của con người.

Một tà *kimono* là một tác phẩm nghệ thuật độc đáo. Chất thơ sinh động, đa dạng của thiên nhiên chảy trên tà áo, trên obi. Mỗi mùa được đánh dấu trên *kimono* bằng cảnh sắc đặc trưng của mùa đó.

*Hoa thắm mùa đông*
*Cu gù tiết hạ*
*Trăng thu óng ả*
*Tuyết đông*
*Giá lạnh tinh khôi.*

Vẻ đẹp của bốn mùa trong bài thơ của Dogen không là những hình ảnh khuôn sáo cũ mòn. Dù quen thuộc mấy khi bước vào tác phẩm *kimono*, nó vẫn đọng lại cảm xúc sâu lắng tâm hồn Nhật Bản.

Điều đó, đối với một người làm nghệ thuật còn cần thiết hơn. Đồng hiện với thiên nhiên, sống cùng thiên nhiên là chân lý của người Nhật. *"Trong các tác phẩm của mình, Kawabata mô tả hết sức tinh tế cái thiên hướng mãnh liệt của người Nhật là luôn muốn được gần gũi với vẻ đẹp thiên nhiên"*. [51;1025] Cả gia đình từ quý tộc Takihchiro đến gia đình lao động Xoxuke đều không bao giờ muốn đánh mất cảm giác thanh nhàn và sạch sẽ khi được chạm tâm hồn mình vào thiên nhiên. Và đó là điều kiện cần để nuôi dưỡng một tác phẩm nghệ thuật.

Người Nhật nhận ra được đời sống của hoa anh đào tựa như một thoáng phù du, đến và đi chỉ là một sự đơn giản của lẽ vô thường. Nhưng qua cuộc sống phù du ấy, hoa anh đào đã để lại cho thế gian hai bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, một bức hoa nở rộ rực rỡ dưới ánh nắng xuân và một bức những cánh anh đào tươi tắn tung bay uốn lượn theo làn gió, đùa nghịch với khoảng không trước khi về nằm yên trên mặt đất. Bức tranh của khoảnh khắc.

Tuy nhiên bước vào một tà *kimono*, hoa anh đào có đời sống vĩnh hằng. Người ta có thể thấy phác thảo hoa kia rất nhiều lần, mỗi lần mỗi vẻ, có thể trên cùng một thân hình thiếu nữ mà cả ở đứa con gái, hay đứa cháu cố của họ. Sẽ không thể cho qua một bài haiku về thiếu nữ trong bộ hanagoromo - bộ *kimono* được phụ nữ mặc khi ngắm hoa.

*Từng mảnh xiêm y*
*rời thân thể ngọc đi ngắm hoa về*
*sợi hồng lưu luyến.*

Sugita Hisajo viết về bài thơ của bà năm 1928 như sau: *"Bài thơ của tôi để lộ một thoáng riêng tư qua hai khía cạnh của sợi dây – cái đẹp của màu sắc và cái vướng mắc trong động tác ".* [80]

Sợi thắt lưng quyến luyến tấm thân ngà ngọc của thiếu nữ tựa như mùi hương của hoa và sự say đắm cảnh sắc còn vương vấn. Điểm mạnh của bài thơ nằm ở sự mô tả động tác, có phần lả lơi, gợi tình với chiếc obi, nửa như say sưa, nửa sực tỉnh. Sự mất kiểm soát của hành vi thiếu nữ không gì khác hơn bởi sự trú ngụ quá lâu của thiên nhiên trong tâm hồn và cơ thể cô. Mùa xuân của những cánh hoa anh đào trắng còn thoảng hương trên đai áo hồng, hay sự mềm mại của chiếc obi thấm đẫm thiên nhiên và cơ thể ngọc ngà thiếu nữ?

Ngắm hoa ở vườn bách thảo. Bãi hoa uất kim hương (đỏ vàng đen trắng tím thẫm- *màu sắc của chúng tựa hồ nhuộm cả không trung, thấm sâu tận bản thể của nó* ) nảy sinh trong Takichiro ý tưởng : *Có lẽ là, hoạ tiết bằng hoa uất kim hương cũng hoàn toàn hợp với kimono theo phong cách mới chăng, cho dù trước đây không bao giờ ta lại bằng lòng với một vẻ vô vị như thế!* [Cố đô; 623]

Hoa dậy lên trong lòng Xada niềm đam mê, cuốn hút, sự khám phá. Người đàn ông đang khom người bên bãi uất kim hương là một hoạ sĩ, một nhà thơ, hay một nhà kinh doanh? Trầm tư là một nét tính cách của người Nhật khi họ đối diện với thiên nhiên. Quả vậy, lúc này ông đang bận bịu với công việc của mình, đang thu hẹp tâm hồn vào một mảnh vải dài, nội tâm ấy đủ mạnh để hình thành một hoạ tiết uất kim hương. Nhưng vô hồn. Hoa Tây phương chói quá, khiến người ta chóng chán. Nghĩ vậy, ông ngừng ý tưởng đó!

Khoảnh khắc tuyệt vời để cho ra đời một kiệt tác từ thiên nhiên, là đặt tâm hồn vào thiên nhiên, mối tương sinh hài hoà được tạo ra, không có cái nào tàn phá, huỷ diệt cái nào. Hãy thoải mái, coi nhẹ mọi thành kiến, và những sự cấm đoán. Lĩnh hội được điều đó, chàng trai trẻ Hideo đánh rơi bản ngã, thả lòng vào trạng thái vô tận về không gian và thời gian khi *hanami* - thuật ngữ riêng của Nhật dùng để chỉ ngắm hoa mùa xuân. Khi ngồi thiền với sự một sự tập trung vô thức, lòng ta cũng rơi vào cảm giác phấn chấn như thế. Năng lượng tăng, cảm xúc dào dạt, khả năng sáng tạo vượt trội. Phút giây mải mê vô thức, Hideo nhận ra:

*"Chúng sống, như toàn bộ thiên nhiên đang sống trong chúng. Đám uất kim hương đang sống: Tiết khai hoa ngắn ngủi lắm, song trong cái khoảnh khắc thoáng qua ấy, là toàn bộ vẻ sung mãn của cuộc sống"*. [Cố đô ;625]. Không có sự riêng lẻ, mà là tất cả. *"Hàng năm các nụ hoa sinh ra. Rồi nở"* [Cố đô; 625]. Hoa đang nở. Còn chúng ta sống. Chúng ta cũng như hoa. Đời người là khoảnh khắc của vũ trụ. Và như vậy, Hideo đã có một hoạ tiết trong sức sống, hơi ấm tâm hồn. *"Một hoạ tiết bằng hoa uất kim hương không hợp với kimono hoặc obi lắm. Tuy nhiên, nếu một hoạ sĩ thiên tài vẽ hoạ tiết ấy thì những bông uất kim hương có lẽ cũng có một cuộc sống vĩnh cửu trong mẫu vẽ*" [Cố đô; 625]

Ngay cả khi ngắm hoa không là mục đích chính, thì màu sắc và dáng điệu của chúng vẫn là điểm lưu ý đầu tiên của con người. Đoá *hagi* mãi mãi thắm tươi trên một thắt lưng *kimono* cho nữ mặc mùa hè. Takichiro biết rằng mình sẽ thực thi điều đó, bởi tâm hồn Nhật Bản *"luôn đáp lại với cứ thứ hoa gì"* [Cố đô; 690]

Khi gia đình Takichiro tìm hiểu ngôi nhà gần chùa Nandgendgi, bụi *hagi* trắng đang kì nở rộ lại giành cảm tình trong lòng Xada nhiều hơn hẳn. Những đặc điểm

của ngôi nhà không còn khiến ông quan tâm.*"Ngôi nhà không lớn và nằm giữa khu đất bao quanh là tường rào cao bằng đất trộn rơm"* [Cố đô;688], nhưng các thiết kế hiện đại bên cạnh đã đánh tan ý định kia. Dù vậy, bụi hoa đâu ba lá của Nhật Bản – *hagi* vẫn níu tâm hồn Xada. Tuyệt vời! Takichiro tiếc rẻ: những bụi *hagi* ra hoa đẹp là thế! Hoa nở tuyệt vời biết mấy! Nhưng nó bị bỏ rơi ở chốn hoang tịch này. Thật sự trong đầu Takichoro nghĩ gì ? Ông luyến lưu cái gì ? Cái đẹp bị thờ ơ, bị bỏ rơi ? Hay chút cảm xúc cho sự đơn côi? Bụi *hagi* như tuổi già cô độc của ông, xót xa cho hoa, cũng là xót xa cho chính mình.*" Của đáng tội, khéo phải dùng cọc chống cho các khóm hoa chứ nếu không sau trận mưa qua con đường hẹp thế kia vào nhà sao được. Có lẽ lúc trồng gia chủ không hề có ý nghĩ rời bỏ ngôi nhà…"*[Cố đô; 689]. Một đoá hoa rực rỡ mỏng manh, lặng lẽ, không phô trương vẫn đủ sức mạnh gieo vào lòng lão già nỗi sầu muộn. Chỉ một cái nhìn sâu thẳm của người già cũng đủ để khoảnh khắc ấy vĩnh viễn thăng hoa, mới mẻ.

Hoa *hagi* kia sao giống thân phận một đoá *Asagao*. Một sớm mai kia, cô gái Chiyo dừng tay gàu bên giếng, vì mãi lặng ngắm một hoa triêu nhan trắng, mộc mạc bên sợi dây gàu.

*Ôi hoa triêu nhan*
*dây gàu vương hoa bên giếng*
*đành xin nước nhà bên.*

Nàng cũng là một đoá triêu nhan trắng (asagao), khi không dám khinh động một cành hoa. Cái đẹp tự nhiên mang lại đánh thức tâm hồn nhân hậu, và biết yêu thương kia.

Cũng vậy, cái đẹp toát lên từ một cành hoa, từ nỗi ưu tư đọng lại trong tâm hồn Takichiro. Hoa rực rỡ, lẻ loi, cô đơn, chỉ là khoảnh khắc nhỏ nhoi trong chiều dài vũ trụ. Nhưng tâm hồn Nhật Bản rung động trước mọi biểu hiện của cái đẹp. Do vậy, Kawabata nhắc lại lời của Takamura trong Diễn từ: *"Một dân tộc biết khơi dậy cái đẹp thì cũng biết khơi dậy đời sống tâm linh con người"*.

Cảm thức aware đi sâu vào mọi nghệ thuật Nhật Bản. Đến Kawabata niềm aware ấy vẫn thấm đẫm. Đó là thoáng chốc gợi cảm của thiếu nữ trong tà *kimono*.

### *3.2. Thiếu nữ và kimono :*

### 3.2.*1*. ***<u>Một Điểm trống vắng:</u>***

Cũng như phụ nữ Việt Nam đẹp nhất khi mặc chiếc áo dài, phụ nữ Nhật Bản tuyệt vời và nữ tính nhất khi choàng trên cơ thể bộ *kimono*.

Người Nhật Bản chính thức cho ra đời một bộ *kimono* theo kiểu của riêng mình vào năm 894. Đó là một áo dài đến gót, có cánh tay xẻ và để dài quết đất. Họ thường mặc nhiều lớp cùng một lúc, thậm chí có thể đến 20 lớp. Nhưng không vì quá nhiều lớp như vậy mà màu sắc và chất liệu bị xem nhẹ. Ngược lại, chúng được lựa chọn hết sức kỹ càng từng lớp một, sự phối màu giữa các lớp cũng hết sức được chú trọng. Sự phân biệt màu sắc giữa các lớp thể hiện ở cổ áo, gấu tay và chân váy mặc bên trong. Mọi *kimono* đều có độ dài như nhau, nên các thao tác mặc *kimono* và thắt obi cực kì công phu để tấm áo bao giờ của vừa khít, khuôn lấy thân hình thật kiều diễm và như thế một phụ nữ Nhật luôn trải những bước chân thật chậm rãi.

Họ giữ được nhịp độ và sự nhịp nhàng do phải quân bình khối lượng *kimono* (*kimono* truyền thống có thể nặng từ 6-8kg) và thắt lưng rộng bản, cầu kì, *"với chiếc nơ trên lưng được buộc cao hơn eo làm cho cô gái Nhật bằng phẳng phía trước và gù ở đằng sau"*[ 67; 80] . Đôi guốc gỗ không giấu được màu trắng của chiếc tabi cài khuy lấp ló dưới tà *kimono*, góp phần trì hoãn tốc độ. Càng đi chậm, càng tỏ lòng tôn kính. *" Đi liên tiếp và bước ngắn để giữ cho đuôi áo kimono dập dờn. Khi một phụ nữ bước đi, phải gây được ấn tượng như những làn sóng trào trên bãi cát."* [2; 217]*"Cho dù thân hình có khuôn trong bộ áo cổ truyền thường thấy ở các geisha: háng thì hẹp nhưng bụng lại cồn lên*" [Xứ tuyết; 291]. Kimono vẫn nhưng rất quyến rũ.

Mặc và di chuyển, cư xử với *kimono* là một phép tắc, phức tạp, cầu kì. Điều đó có thể lí giải vì sao có dự đoán: sau đại chiến thế giới thứ hai người phụ nữ Nhật không bao giờ sẽ mặc *kimono* nữa. Điều đó đã không thành sự thật. Vẫn có những thiếu nữ rất trẻ như Chieko, Naeko, … tận tuy với trang phục truyền thống.

Nhưng một bà nội trợ và một geisha mặc *kimono* sẽ rất khác nhau. Tựa như mỗi chúng ta có cấu tạo, kinh nghiệm, nhu cầu, khát vọng khác nhau - một tiểu vũ trụ, dẫn đến con đường chúng ta đi đến sự thanh thản, tồn tại với nội tâm của mình và với thế giới bên ngoài khác nhau. Và ta thư thái với điều đó.

Phụ nữ ở Nhật có lẽ, chỉ có geisha là đẹp nhất trong bộ *kimono*. Vốn dĩ là con người của nghệ thuật, am tường sâu sắc các nghệ thuật truyền thống, đồng thời được rèn giũa từ trường lớp, các thao tác, cử chỉ và di chuyển của geisha chỉ để tôn lên nét tao nhã của trang phục lẫn cơ thể chính họ. Walt Sedon đã nhận xénhưng về geisha: *"Ngay lập tức bạn sẽ ngạc nhiên trước sự thể hiện của khuôn mặt người phụ nữ đó: ngây thơ đồng thời quyến rũ, thách thức và khiêm tốn… Và đỉnh cao của nữ tính thực sự sẽ là vẻ chú ý đặc biệt của cô ta đối với người đang nói chuyện… Cô ta là người phụ nữ ở mức độ cao hơn chúng ta hiểu nghĩa từ đó!"*[67; 82]

Các cô được đào tạo để mua vui, bằng sự hiểu biết và cả trình độ văn hoá của mình. Nghệ thuật cổ truyền của Nhật, như: nibon-buyoh, vũ cổ truyền, ca hát âm nhạc cổ truyền được phụ hoạ bởi tiếng đàn của nhạc cụ shamisen, trống cổ truyền, nghệ thuật dâng trà, nghệ thuật cắm hoa (*ikebana)*, shodoh, bút pháp, ngâm thơ và đặc biệt là cách trang phục áo *kimono* được học tập và trau dồi rất bài bản.. Để được điều đó, các nàng phải lao động và làm việc cật lực. Dù không qua trường lớp geisha Komako vẫn tự rèn luyện mình. Cô tắm thường xuyên ở suối, ham chuộng những hiệu quả thâm nhập bền bỉ của nước nóng, và những chuyến đi bộ xa tiếp khách đã tạo cho cô một cơ thể lành mạnh, đầy sức lực.

Những con người khéo léo của "*thế giới của đóa hoa cành liễu" - Karyukai* (nơi geisha sinh sống và làm việc) mỗi khi xuất hiện tựa như một bức tranh vẽ chân dung thiếu nữ của thế kỉ XI theo một khuôn chuẩn từ mái tóc, cách trát phấn tô son, bộ *kimono*, chiếc obi, và cả chiếc tất tabi cùng đôi guốc gỗ. Hài hoà. Họ gắn bó bền chặt với văn hoá truyền thống Nhật Bản và là một con người sinh động phô bày thế giới nghệ thuật ẩn tàng của đất Phù Tang.

Những đóa hoa đẹp yêu kiều, nhưng vững chãi như cây liễu này hiện diện sinh động trong tác phẩm của Kawabata. Họ yểu điệu phô diễn tài hoa và vẻ đẹp cơ thể trong bộ *kimono* độc đáo của dân tộc.

Chiếc tay áo may rộng tới gối của *kimono* là một điểm mạnh của các cô geisha. Khi pha trà hay đàn hát, vũ khúc, làn da mướt rượt ở dưới khuỷ tay mà các nàng cố tình làm lộ có thể đánh rơi một cốc trà từ tay một anh chàng nào đó. Một khi tình cảm của các cô dành cho một lãng tử nồng thắm như kiểu Komako dành cho

Shimamura, thì sức mạnh của khoảnh da kia là vô biên: *" Khi Komako giơ cánh tay phía lên trên ..., ống tay áo của kimono của cô kéo lên tận khuỷu, lộ ra màu đỏ gắt của tấm áo lót, chiếu rõ lên tấm kính đóng chặt, chính nó đã sưởi ấm trái tim Shimamura vượt qua cơn gió lạnh".* [Xứ tuyết; 329]. Đó là một tín hiệu của hết sức nồng ấm sâu sắc của sự âu yếm nhuần nhị mà chiếc *kimono* của geisha mang lại.

Cánh tay áo cùng nét đẹp của phần hông được bó kín từ những chiếc obi thấm đẫm như nước đẩy dáng đi uyển chuyển không phải là nét gợi tình duy nhất ở *kimono*. Đàn ông Nhật nghĩ về cái cổ và phần lưng của phụ nữ hệt như kiểu đàn ông phương Tây nghĩ về đôi chân đàn bà. Chính vì vậy mà geisha mặc *kimono* có cổ trễ thấp đằng lưng đến mức có thể nhìn rõ mấy đốt sống trên cùng.

Cần cổ dài lấp ló phía sau của geisha được vẽ ba đỉnh nhọn búp măng *sanbon – ashi* (ba chân). Đó là hình ảnh khêu gợi, ấn tượng. Làn da trần con gái mơn mởn lướt qua những ngón tay, hay *"những đỉnh nhọn búp măng xinh xắn của một hàng rào trắng muốt"* [2; 85], rồi đọng lại trong trí tưởng tượng. Bất kì người đàn ông nào cũng có thể để mắt và tâm tư nghỉ ngơi ngay phần da thịt kia. Phần cổ của geisha thế này đây: *"Vì cô cúi người về phía trước đầu nghiêng một chút và vươn thẳng nên anh có thể trông thấy lưng cô đỏ ửng dưới áo kimono hơi hở ra."* [Xứ tuyết;246]

Và rồi phần xác thịt, phần đàn ông trào ra trong Shimamura. *"Trong cơn thèm khát rạo rực cháy bỏng anh tưởng như cô khỏa thân trước mặt anh."* [Xứ tuyết; 246]. Sự thành thật của phần da thịt được dấu kín trong mấy lớp vải mang hình sắc tính dục cao độ. Hình sắc không ở bên ngoài, hình sắc ở bên trong ta. Toàn bộ cơ thể con gái rơi vào bờ cổ thiếu nữ. Thế giới biểu tượng Nhật Bản là vậy. Một vành cổ mang linh hồn. Lần lượt quấn riết lấy tinh thần Shimamura:*"Chiếc cổ cứng áo kimono tách xa khỏi cổ lộ ra một khoảng lưng trắng hình quạt hở đến tận vai. Đẹp một chút thoáng buồn dưới lớp da nhồi phấn người ta dễ rung cảm trước sức sống và dễ liên tưởng một chất vải len hay là lông thú".* [ Xứ tuyết; 311]

Một cơ thể đàn bà đích thực núp dưới khoảng trống hình rẽ quạt kia. Đã khiến lòng Shimamura rung động và liên tưởng. Làn da vốn dĩ đã cuốn hút anh bởi sự tươi mát, trong sạch lần này lại mang đến một cảm xúc nhẹ nhàng, ấm áp như hiệu ứng của vải sợi mùa hè. Vẻ đẹp của người phụ nữ không hiện diện ở những gì được thấy

mà tinh tường nhất ở trong niềm suy tưởng của người đàn ông. Komako đã tận hiến tất cả, cũng chẳng còn gì xa lạ với Shimamura về cơ thể một người đàn bà, nhưng làn da từ chiếc cổ để trống từ trang phục vẫn để lại anh một tâm trạng xúc động diệu kì. "*Gáy cô và làn da ở đó trông khêu gợi và khi tương phản với mái tóc đen sẫm da thịt cô chỗ ấy càng làm anh thèm muốn"*[Xứ tuyết; 246]

Fedorenko đã từng nhận xét về hình tượng Komako: *"Đọc những đoạn miêu tả chân dung người kĩ nữ Komako, có cảm giác trước mắt ta hiện lên những bức tranh khắc mê hồn của Moronobu hay Utamaro, vẫn được coi là đỉnh cao của nghệ thuật miêu tả chân dung con gái Nhật"* [51; 1050]. Nhưng có lẽ, chân dung của nàng geisha suối nước nóng dù có sự gợi cảm từ làn da, tài hoa, nội tâm dồi dào,… đi chăng nữa thì nét đẹp con gái ở chiếc *kimono* uyển chuyển lộ ra bờ cổ thanh thoát vẫn là điểm tập trung nhất mà người tạc tượng phải chú tâm.

Người Nhật thích tạo các hình ảnh gợi cho trí tượng tượng làm việc!Vẻ đẹp Nhật Bản hiện diện trong Komako, qua bàn tay tạo hình của Kawabata. Miêu tả tinh tế qua cái nhìn đưa đẩy của nhân vật lữ khách truy cầu cái đẹp tựa như những nét chạm trổ tinh tế trên thân gỗ. Khoảng trống nơi cổ có sức lôi cuốn mãnh liệt và Shimamura chỉ cần: *"đặt tay lên cổ người đàn bà trẻ"* [Xứ tuyết ; 250] là có thể: *"kéo cô lui lại"*.

Một trong mười thương của ca dao Việt Nam có bờ cổ em, vẻ đẹp của Nữ thần mặt trời trong Trường ca Đam San của dân tộc Eđê cũng được nhấn mạnh ở bờ cổ cong như con chim công. Đó là mỹ cảm phương Đông, không riêng gì ở Nhật Bản, nhưng chỉ có người Phù Tang xem bờ cổ với chiếc gáy thanh mảnh của phụ nữ trong kimono là một yếu tố mỹ cảm tột đỉnh!

Nên không ngạc nhiên khi ***Tiếng rền của núi*** cũng ám ảnh : *" Đường nét của chiếc cằm và cái cổ thanh tú của cô trông thật tinh khiết và đẹp đẽ. Vẻ tươi đẹp như vậy không phải thế hệ nào cũng sinh ra được"* [Tiếng rền của núi; 210]. Vẫn có bờ cổ là điểm dừng cho ánh nhìn của Kikuji dành cho người tình của cha, sau bốn năm gặp lại ở ***Ngàn cánh hạc***. Bờ cổ của người phụ nữ luống tuổi, trong *kimono* ở buổi trà đạo, bà Ota vẫn rất quyến rũ: *" Chiếc cổ trắng khá dài vẫn như thế và đôi vai đầy đặn khá cân đối với chiếc cổ thanh tú"* [Ngàn cánh hạc; 348]. Hay của thiếu

nữ đến tuổi hai mươi Chieko: *" Mặt và cổ Chieko ửng hồng. Sắc đỏ hồng đã tạo thêm cho cho cái cổ tươi trẻ trắng buốt, không một tì vết của nàng vẻ đáng yêu đặc biệt*." [ Cố đô; 712]

Trí tưởng tượng của người thưởng lãm tham gia vào quá trình sáng tạo là một phần của bài học Thiền. Ướm trên người chiếc *kimono*, mọi cử động của geisha đều phải hướng tới sự gợi cảm. *"Không những hình dáng bên ngoài mà cả cách cư xử của người phụ nữ Nhật phụ thuộc vào cách ăn mặc của họ. Trong bộ kimono người phụ nữ Nhật bao giờ cũng nghiêm khắc tuân thủ theo những luật cư xử cổ điển"* [67; 81]

Cách ăn mặc và trang điểm của geisha cũng tuân thủ nghiêm ngặt theo những quy tắc. Kết hợp hài hoà với nhau trên cơ thể một geisha tạo một đường chân trời sáng sủa và rực cảm của một chỉnh thể nữ tính.

### *3.2.2. <u>Chỉnh thể của vẻ đẹp nữ tính:</u>*

Phục trang và cơ thể con người tôn vinh nhau, cùng khơi dậy cái đẹp. Người đàn bà của nghệ thuật luôn nhận thức được giá trị của mình và tự giác điểm tô cho bản thân bằng các thao tác và chuẩn mực bài bản! Sao cho phần đẹp nhất của cơ thể hiển lộ tự nhiên, kéo một vĩ thanh dài trong tâm tư người khách.

Nàng geisha sẽ cầm bình trà sao cho niềm hi vọng của người đàn ông ngự ở phần đẹp nhất của cánh tay (phần dưới) khi nó thấp thoáng phía trong tay áo rộng. Những bài hát và điệu múa gợi tình với họ cũng là một nghệ thuật cao siêu. *"Khi một geisha biểu diễn một điệu múa hoặc đôi khi đi trên đường phố có thể dùng tay trái kéo mép áo kimono lên. Động tác này sẽ để lộ tấm lót dưới gối và bạn có thể nhìn thấy hoa văn và thớ vải của tấm lót hòa hợp với kimono".* [2; 87]. Hành động ấy nhuần nhuyễn như một bản năng.

Bởi vậy, ở Komako, dường như nét gợi tình ấy không chủ ý, nó rất tự nhiên, thoải mái như tính cách ngay thẳng của cô. Khi cô gập người, giấu mặt trong đôi bàn tay, cái nhìn của Shimamura ngừng trên bộ *kimono " với những hoa văn màu rất sáng, được biến hoá thành chiếc áo ngủ và được thắt bằng một dải thắt lưng rất nhỏ dành cho đồ lót."*. [ Xứ tuyết ; 303]

Nhưng sau đó, lướt về phía: *"Miếng vải đen quàng trên cổ cố giấu chiếc kimono ở bên dưới, nhờ chất rượu, da thịt cô đỏ rực đến tận bàn chân trần, mà cô tìm cách che giấu với sự duyên dáng và hơi khêu gợi"*. [Xứ tuyết ;304]

Những lần vải *kimono* có sức mạnh diệu kì khó có thể định nghĩa nổi. Đó đây là một nền nghệ thuật "không thích sự hoàn tất mà hướng về vô tận" của Nhật Bản. Vẻ đẹp cơ thể thiếu nữ cùng những tính dục mà trang phục *kimono* khơi gợi trong tác phẩm Kawabata có sự để ngỏ. Yếu tố gợi tình trong những tà áo được kết dính chỉ bằng một thắt lưng được Kawabata miêu tả nhẹ nhàng quá. Như nét cong của một cành hoa đậu trắng trong một buổi trà đạo của Ariwara Yukihira mà Kawabata nhắc tới trong diễn từ. *" Không phô trương sặc sỡ, lúc náu kín trong đám lá xanh rờn ngày hạ, thể hiện một nét duyên đắm của vạn vật"*. [68; 972]. Nó làm nảy sinh cái đẹp.

Dư tình đọng lại trong cảm xúc của người đàn ông. Shimamura bị cuốn về phía làn da đỏ hồng ẩn sâu sau làn vải *kimono* và nó càng hút mãnh liệt hơn ở tư thế che giấu duyên dáng mà tinh tế khêu gợi của geisha Komako vốn rất giàu nữ tính. Mỹ học Thiền đã chi phối kinh nghiệm nghệ thuật của Kawabata. Chú trọng vào cái nhìn, cái nhìn chăm chú, cùng với trạng thái "*suy nghiệm bên trong*", để nhận diện cái đẹp chân thực .

Khi lửa hồng rực rỡ trên tuyết, cơn say đắm của Shimamura ngừng trên chiếc *kimono* của geisha phất phới khi cô chạy, *"cô chạy nhanh khiến anh tưởng như nhìn thấy cả lần lót của bộ kimono được vén lên thật cao trên cánh tay vun lên…"*. Và niềm đau lưu trú nơi hình hài thiếu nữ Yoko bừng trong lửa đỏ: *"Ánh mắt anh lần theo chiếc kimono đỏ trên gương mặt nàng … chiếc áo kimono hơi hất lên trên đầu gối một chút"*. [Xứ tuyết; 338]. Vẻ đẹp đó nâng lên đỉnh điểm. Hội ngộ giữa cái đẹp và cái bi trong đoạn kết để ngỏ của ***Xứ tuyết*** là kết quả của thủ pháp tương phản. Cái chết khốc liệt của Yoko được nâng lên tuyệt đối trong sự tương chiếu của vẻ đẹp hình thể bỏ ngỏ của cô, cũng có .

Cái đẹp nữ tính được Kawabata vinh danh vượt lên trên thành kiến tính dục trần tục, nó là hiện thân của "*vẻ đẹp Nhật"*. Nhà văn muốn nhấn mạnh không phải cái cảm giác bình thường mà cảm giác đặc biệt về cái đẹp. Chấm phá của tranh thuỷ mặc,

nét nhấn ngụ ý của bức thư pháp, nhành hoa bé bỏng cho buổi trà đạo, khoảng chừa trống vắng của thơ haiku, … là nền tảng cho tài năng Kawabata. Vẻ đẹp của những điếm nhấn trống vắng đầy ngụ ý! Biệt tài ấy được Fedorenko xác định: *"Kawabata có biệt tài trong nghệ thuật tạo hình, biết truyền đạt mối quan hệ giữa con người chính xác đến mức người đọc không còn nghi ngờ gì đến tính chân thực của nó"*. [51;1037]

Tuyệt tác geisha, còn được sự dụng công cầu kì của búi tóc. "*Căn bản của kiểu tóc geisha là hình trái đào chẻ ra làm ba, với cục bối chính giữa, hai cánh hai bên, một sợi dây đỏ được buộc vào chính giữa tóc, kiểu tóc này gọi là* ***momoware"***. [81]. Theo lời giảng của Arthur Golden, thì kiểu quả đào chỉa này có ý nghĩa sâu xa, gợi tình.

Từ mái tóc non nớt của thiếu nữ Izu đến geisha Komako. Mái tóc của geisha là một điểm nhấn của Kawabata. *"Bởi tóc cô cứng gần như đàn ông nên cô có thể chải cao lên một cách hoàn hảo, cách điệu hoá theo mốt cổ xưa, bóng như sơn khiến trông như cô đội một tác phẩm điêu khắc chắc nịch bằng đá đen"* [ Xứ tuyết ; 246]. "*Có lẽ nó đẹp là bởi sức sống của nó*". Có nhiệt huyết của cơ thể trẻ trung và sự công phu của người sở hữu. Mái tóc, làn phấn trắng toát ẩn dụ trên gương mặt phần nhiều giấu đi đường nét thật của thiếu nữ, bờ cổ trống trải, là những nét cơ bản cho ngoại hình geisha.

Shimamura nhận diện Komako ở lần thứ hai lên ***Xứ tuyết***, có lẽ là nhờ mái tóc và cách cô trang điểm. Lớp phấn ở má hồng hồng, làn da đỏ ửng dưới gáy *kimono* để hở, dồn sức sống lên cơ thể Shimamura, nhưng màu đen sâu thẳm của mái tóc có tác dụng ngược lại. Nó như một tác phẩm điêu khắc chắc nịch bằng đá đen và cái lạnh khi anh chạm vào nó, không phải là hiệu lực của mùa đông ***Xứ tuyết*** này mà là một tính chất riêng của mái tóc. Khiến ta liên tưởng đến khu vườn đá Roanzi ở Kyoto – một công trình tuyệt tác về mỹ học, một bài thơ bất hủ của đất và đá với một geisha.

Tựa như những khu vườn cảnh, những đền đài, chùa chiền, các lễ hội truyền thống gắn bó bền chặt với ***Cố đô Kyoto***, còn *kimono* đi đôi với cơ thể geisha như một chỉnh thể. Tuyệt tác cho vẻ đẹp con người! Nhưng Geisha *kiêu hãnh, hấp dẫn, sắc sảo và đặc biệt gợi cảm.* Bởi tất cả con người họ là sự hoà phối tinh tế những chất

liệu gợi cảm. *"Cô đẹp đến xiêu lòng, dù đang trong thứ hào nhoáng vô hình của tuyệt vọng và mất mát"* [Xứ tuyết;307]

Cùng với tài hoa và nội tâm dồi dào, Komako quá hoàn hảo cho một geisha. Nên chỉ chính cô mới có thể chắp nối những mảnh vụn tình cảm, xóa nhoà những ồn ào, rối loạn từ cuộc sống xô bồ - mục đích chính của Shimamura khi tìm đến Xứ tuyết. Với chức trách : Geisha luôn *làm cho người đàn ông cảm thấy mình là một cá nhân ngoại lệ.* Nhưng bản thân họ vẫn là một ngoại lệ. Thế giới của họ đầy những bí mật, mặc dù hầu hết người dân Nhật Bản đều biết sự hiện diện của họ trong văn hóa bản xứ. Mãi mãi họ là một thế giới đầy bí mật, cuốn hút và mê đắm.

Kawabata đã dành quá nhiều ưu ái cho geisha. **Xứ tuyết** *" như một bức họa đen trắng đệm nhạc: nổi bật trên nền tuyết trắng, của sáp mặt kỹ nữ geisha, là sắc đen của màu tóc Komako, trong xiêm áo của nàng ta, là tiếng đàn shamisen réo rắt"* [36; 1001]. Một nhan sắc không vượt ra ngoài quy luật của thời gian, nhưng một tâm hồn nhạy cảm vẫn có thể giữ mãi vẻ thanh xuân đến suốt đời.

Kawabata chạy những nét li ti vào vẻ đẹp ngoại hình lẫn tâm hồn nhạy cảm của geisha Komako. *Kimono* một phần làm nên họ, một phần của tính nữ. Một phần không thể thiếu *"trong các tranh khắc truyền thống nổi tiếng của Nhật thế kỉ XVII – XVIII"* [ 51; 1950]. Bản sắc, cá tính, độc đáo của con người Phù Tang chảy tràn trong Kawabata và văn chương của ông cũng không ngoại lệ. Sự gắn bó của Kawabata với văn hoá truyền thống Nhật Bản bền chặt đến nỗi đọc tiểu thuyết của ông, ta lần lượt tiếp xúc với từng phương diện của nghệ thuật Phù Tang. Đó là nghệ thuật dệt vải *kimono.*

***3. 3. <u>Chiếc áo của tâm hồn Phù Tang :</u>***

Cả Nhật Bản là một con đường của đạo, tôn giáo của chủ nghĩa thẩm mỹ. Hương đạo, hoa đạo, ca đạo, kiếm đạo, trà đạo … là những con đường của cái đẹp thuần chất Nhật Bản. Dù nghề dệt vải *kimono* thủ công không được chọn là một trong những con đường của cái đẹp, nhưng trong nó vẫn phảng phất chút gì đó của các con đường thẩm mỹ kia. Đó là vẻ đẹp của tinh thần, vẻ đẹp của chiều sâu, sự tinh tế trong từng đường diềm, từng sợi thắt lưng.

Biểu tượng *kimono* biểu thị toàn bộ tâm cách cũng như tính cách của cả dân tộc Phù Tang. Một *kimono* có thể tác động đến giác quan, gây cho con người những rung động, những cảm xúc theo những chiều hướng khác nhau. Như lời của TS. Nguyễn Văn Hậu :*" Bản thân một biểu tượng sống tiềm ẩn từ cõi vô thức, mà sự sáng tạo ra các biểu tượng lại ở thế giới hữu thức, tức nó ra đời trong đời sống con người"*. [82]

*Kimono* có những chức năng mà khám được nó, ta nhận thức được cuộc sống con người Nhật Bản. Kawabata đã giải mã biểu tượng *kimono* theo chiều hướng khám phá bản sắc văn hoá dân tộc Phù Tang từ những trang văn mượt mà. Những con người sống trong bóng tối của những xưởng dệt thủ công, âm thầm hướng cuộc đời ra ánh sáng qua những sợi vải. *Kimono* là câu trả lời cho những ước vọng của họ, liên kết những tài hoa khát khao được thoả mãn trong giai đoạn mà mọi biểu hiện của cái đẹp đang dần dần hoà vào sự suy vi.

Mở phơi những dòng văn viết về *kimono*, ta phát hiện ra các giá trị văn hoá của quần đảo hoa anh anh đào, với cố đô Kyoto là một nhân vật chủ đạo: *"Sau hàng ngàn năm vẫn vẹn nguyên là một chốn linh thiêng đầy lãng mạn, xứ sở của nghệ thuật tạo hình và ngành mỹ nghệ tao nhã"* [1; 959]. Đây còn là nơi của nghệ thuật dệt vải *kimono* truyền thống, với những khắc khoải mà Kawabata riêng cho những nét văn hóa ẩn chứa trong từng thớ vải *kimono*. Là nơi của những con người trót yêu từng thớ vải đau đáu cho nghề cổ truyền dân tộc.

Tinh thần chung của họ là: *" Tôi không có ý dệt những cái thắt lưng khả dĩ dành lại cho cháu chắt chúng ta. Tôi sẽ làm những cái để người thiếu nữ phải nói: đấy là cái dành cho tôi và sẵn lòng mặc vào ngày hôm nay. Ngay bây giờ lúc nàng đang độ tuổi xuân*. [Cố đô; 625]. Cái đẹp trong tác phẩm của họ cũng như hoa. Hiện thân của lẽ vô thường. Dù rằng hoa nở cũng rất khác và hoa rụng cũng không thể là một bản sao của nhau. Những cơn bão cánh hoa anh đào không trùng lắp sự rã cánh của đám hoa uất kim hương phương Tây sắc sỡ, dù vậy vẫn là khoảnh khắc sống của hoa. Người Nhật chỉ cần có thế. Một phút giây cho viên mãn mai sau.

Dệt vải *kimono* cũng là một con đường hướng tới sự giác ngộ. *" Cố đô với các đến thờ Thần đạo và chùa chiền Phật giáo, những khu thủ công xưa và vườn thực*

*vật, nơi đây có một chất thơ mà Kawabata thể hiện một cách tinh tế và cao nhã, không đa cảm mà một cách tự nhiên, như một lời kêu gọi đầy cảm xúc"* [1; 959]

***3.3.1 <u>Mai một của nghề dân tộc.</u>***

Khi nghề dệt vải *kimono* cùng với các con đường của cái đẹp khác dần sa vào sự mai một. Không giống như lời Kawabata nói về Trà đạo trong ***Ngàn cánh hạc***: *" Đó là chỉ là một tác phẩm tiêu cực, diễn tả sự nghi ngờ của tôi về giá trị đang mất dần của Trà đạo, và báo trước cái lố bịch mà Trà đạo đã và còn sẽ rơi vào"* [68; 964].

Nghề dệt may *kimono* rơi vào khoảng trống do những xưởng may hiện đại sản xuất hàng loạt: một ngày dệt trên 500 chiếc obi. Các từ ngữ nước ngoài được sử dụng cho ngành nghề truyền thống. *Kimono* của các vũ nữ Gion thì *"xài xạc, thắt lưng cẩu thả*" [Cố đô; 687]. Thêm nữa, đã phát sinh tình trạng sản xuất thừa, trong các kho chứa ứ đọng trên một trăm ngàn *tan (1 tan tương đương 10,6cm)* vải. Một phương sách quyết liệt được thực hiện, từ trước đến nay chưa từng thấy : yêu cầu tất cả các xưởng dệt ngừng máy trong tám ngày. *"Để thu xếp số hàng dư này và kí các hợp đồng mới với những điều khoản có lợi hơn cho thợ dệt."* [Cố đô; 717]. Việc dừng máy cũng khiến không ít gia đình lâm vào cảnh túng đói, khi cuộc sống của họ phụ thuộc vào những chiếc máy suốt từ sáng đến đêm khuya chạy ầm ầm.

Tưởng chừng như đâu đây có lời mai mối trong một nghi lễ trà đạo, có những trà thất giăng đầy lưới nhên, những trai trẻ mệt mỏi với đam mê nghệ thuật của cha mình trong ***Ngàn cánh hạc***. Ở ***Cố đô***, bóng chiều đậu hiu hắt trên những căn nhà nhỏ một tầng chật chội mà dù cho có hai tầng đi nữa thì trần cũng rất thấp. Nơi đó là những xưởng dệt vải tí hon chen chúc nhau. Mà*" Từ mùa thu năm ngoái đến hết mùa xuân năm nay, nhiều hãng buôn vẫn mua vải may kimono sản xuất ở Nhixidgin đã theo nhau phá sản"* [Cố đô;717].

Đã xuất hiện từ *"iofuku"* như một từ ngữ riêng để chỉ trang phục nước ngoài, những từ ngữ ngoại lai như *sense, idea* được đan cài vào nghề dệt may truyền thống. Để lại nỗi đau cho người tâm huyết: *"Ở Nhật từ thượng cổ đã có cách cảm thụ màu sắc riêng biệt tinh tế, có cần diễn đạt bằng lời này đâu !*" [Cố đô; 615]

Khía cạnh này của tiểu thuyết ***Cố đô*** có thể để lại sự nặng nề về giá trị tư liệu, song sẽ khoan khoái vô cùng khi dễ dàng nhận tấm lòng của ông cho nghề truyền thống của dân tộc và những chi tiết thú vị về thế giới tâm hồn của những con người sống hết cho truyền thống dân tộc.Trong giai đoạn Nhật Bản còn đang thích ứng với thế giới mới, những người già như Takichiro nhận thấy đời sống xưa cũ của mình quá nhiều mất mát. Là một thương gia buôn bán *kimono* may sẵn, ông lánh vào ni viện để tiêu dao tháng ngày trong nhàn rỗi, kì thực để quên đi công việc kinh doanh, cùng sự xô bồ của cuộc sống.

*"Lòng ông khao khát sự cô tịch, nên mọi cái toà ni viện xa đều đồng điệu với tâm hồn ông!"* [Cố đô; 597]. Khi ngồi đây trong yên tĩnh, tự tại, ông tìm quên đi cái phần tôi hiện tại u uất trước thời đại. (Cái tôi chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng nên ta dễ dàng áp đặt cho nó một tính chất cố định và mong muốn được bình an khiến ta tin vào nó).

Nhưng ông mang theo nghiên mực mang hình trang trí theo phong cách Edo bằng sơn mài, và hai cuốn vựng tập các mẫu tự, để *"một khi nắn nót viết lấy mấy chữ là cõi lòng dịu đi"* [Cố đô; 603], chúng nhắc nhở ông về một quá khứ không hề bằng phẳng nhưng rất mỹ lệ, với thời niên thiếu kì vọng đạt tới tài nghệ bậc thầy của nghề vẽ, ông có cái nhìn và tài hoa đi trước thời đại nhưng lại bị chính cái nhìn cũ kĩ của người cha mình bác bỏ. Dù bây giờ đã là một doanh nhân, ông vẫn là một bậc thầy về nghệ thuật truyền thống, các phác thảo, lẫn các loại vải sợi độc đáo ông vẫn nằm lòng.

Trong mỗi người dân Nhật hiện đại luôn có bóng dáng một người Nhật truyền thống. Bản thân Kawabata *"đã trải nghiệm sự thất bại cay đắng của đất nước ông, chắc chắn rằng ông nhận thức rõ tương lai đòi hỏi những gì theo lối tinh thần, tốc độ và cường lực ồ ạt và riết nóng của công nghiệp"*. [1; 959]. Do vậy, ***Cố đô*** nắm bắt tỉ mỉ sự thay đổi ấy dưới cái nhìn của các chủ nhân ngôi nhà có hàng rào cổ.

Vợ chồng Takichiro cùng con gái ghé thăm cửa hàng hiện đại dành cho khách ngoại quốc. Cửa hiệu Tatsumura vẫn có trưng bày những mẫu vải phỏng theo các loại vải cổ của tàng khố quốc gia, các báu vật Nhật Bản ở thành phố Nara với mục đích phô bày tài tái tạo được những vật dụng của người Nhật Bản. Song chúng không để

lại cảm xúc nào cho người xem, không có *"nỗi niềm khoái cảm được ngắm nghía chúng lần nữa"* [Cố đô; 691]. Còn viên quản lý thì kiến thức hời hợt, sơ sài, lặp đi lặp lại những câu giới thiệu quen thuộc nhàm chán.

Có thể mua ở đây những dải khăn thêu để trên bàn trang trí, túi xắc, giấy thấm, bót thuốc lá, khăn lụa và những thứ hàng mỹ nghệ lặt vặt thậm chí cả máy thu thanh xách tay hiệu Sony… nhưng lại không có thắt lưng *kimono*. *"Nỗi luyến tiếc thời quá khứ đã qua không bao giờ trở lại có lẽ là cái chủ yếu nhất trong con người…"* [Cố đô; 670]. Nhưng nó là một phần của đời sống con người, ông Takichiro có thể để tâm đến từng vật dụng có tinh tiêu biểu cho lòng nồng nàn với dân tộc, cho bản sắc dân tộc. *Kimono* là một biểu tượng của bản sắc dân tộc, chính là sự thể hiện của tâm lý dân tộc trong lối sống, nếp sống, phong tục tập quán và cả thang bảng giá trị xã hội…

Nét độc đáo, riêng biệt dùng để phân biệt đảo quốc Phù Tang với các dân tộc khác ở thời hậu chiến của Nhật Bản, chừng như lung lay.

Nhưng với khí chất một nhà văn đứng vững trên nền văn chương cổ điển Nhật Bản, và nâng niu gìn giữ truyền thống dân tộc, Kawabata là *"người kể chuyện nhạy cảm sâu xa, là người khắc hoạ bức tranh xã hội với tư duy đầy khoáng đạt với niềm cảm thông nhuốm màu sắc bi quan trong buổi giao thời giữa cái cũ và cái mới"* [1; 959]. Nên may thay, vẫn còn những cô gái trẻ Chieko say sưa khoát những chiếc *kimono* của gia đình, những người già như Takichiro đăm chiêu cho số phận những thớ vải *kimono*, những người lao động rất trẻ Hideo say mê bất tận với từng sợi thắt lưng, những anh trí thức Riuxuke biết suy tính cho số phận của cửa hiệu buôn bán hàng dệt may *kimono* chính thống…

### *3.3.2. <u>Nghề thủ công tao nhã:</u>*

***Đó là những thiếu nữ phía sau khuôn vải trinh bạch***: Với công việc dệt ra loại vải có thể lưu giữ được sự tươi mát, giá lạnh của mùa đông cho mãi tận những ngày hè nóng bức đòi hỏi cả một quá trình lẫn công phu và tâm huyết của một nghệ sĩ chân chính.

Họ đã tạo ra những bộ *kimono* mát lạnh mùa hè, bằng thứ vải chijimi truyền thống. Sợi gai được kéo ra trong tuyết, thu hoạch từ những thửa ruộng chênh vênh

đầu núi, dệt thành những tấm gai mỏng. Thứ sợi tơ gai của đất núi óng như một thứ tơ chế từ lông thú, dường như chỉ có thể kéo ra và dệt trong sự ẩm ướt tuyết về đêm. Phụ nữ ***Xứ tuyết*** triền miên trong tháng ngày tuyết phủ mùa đông, và hơi ẩm núi non.

Tháng giêng và tháng hai, khi đồng cỏ và vườn phủ đầy tuyết, đâu đâu cũng hình thành những chỗ giặt tẩy. Người ta tẩy trắng ngay khi vải chijimi trắng dệt xong thành từng tấm, và vải màu được dệt ngay trên khung cửi. Lối tẩy trắng cổ truyền bằng tuyết luôn do những thợ chuyên nghiệp đảm nhận. Họ nhúng sợi hoặc vải trong một thứ nước tro đẫy một đêm, sáng đến giũ cho thật sạch, trải dài trên tuyết, hoà với tuyết để hồng lên trong ánh sáng từ ngày này sang ngày khác. *"Cái cảnh tẩy trắng vải bằng tuyết trọn vẹn được ấp iu trong ánh nắng hồng dịu của ban mai, đẹp đến không bút nào tả nổi"*[Xứ tuyết; 323]. Khi màu trắng đã đạt đến mức hoàn hảo thì xuân về: đó là kí hiệu riêng báo hiệu mùa xuân nơi Xứ tuyết.

Hiệu ứng thanh sạch, cảm giác thanh lọc, tẩy gội mà Shimamura cảm thụ được từ những vải sợi *kimono* màu hè, xuất phát từ đây. Sự mịn màng đặc sắc của loại vải ấy có được là nhờ dệt trong cái giá lạnh mùa đông, lưu giữ cho đến tận cái nóng khắc nghiệt của mùa hè. *"Đấy là kết quả hài hoà của luật trao đổi của ánh sáng và bóng đêm"*[Xứ tuyết; 324]. Do vậy, chất vải và màu sắc sống động của vải chijimi được lưu giữ tới nửa thế kỉ.

Họ dồn nghệ thuật cho công việc đầy hứng thú và say đắm trong những tháng ngày mà tuyết như giam lỏng họ. Nhưng nghề truyền thống phôi pha trên chính mảnh đất này, những dãy hành lang có mái che chạy dọc phố như những tấm áo giáp chống tuyết, với *"bóng tối phủ đầy những hàng hiên hun hút, ... những thân gỗ chống đỡ đã chớm mục dưới chân*". Nơi đây, những con người dệt vải sống thầm lặng, và những cô gái trẻ thế hệ này nối tiếp thế hệ kia gò mình trong công việc, dệt không ngừng trong cái nhà tù của tuyết. *"Anh nhận ra rằng kiếp sống của họ nào có và sáng sủa như thứ vải chijimi, thanh khiết và tươi tắn biết bao trong màu trắng do chính bàn tay năng động của họ tạo ra."*[Xứ tuyết; 326].

Trong bóng tối, về những căn nhà tối sẫm, Shimamura hình dung ra những đêm dài trong mùa đông dằng dặc, khiến ta nghĩ đến sự khắc nghiệt của nghệ thuật. Cái thanh cao, đẹp đẽ của nghệ thuật dệt vải *kimono* bị quy luật kinh tế đè bẹp. Đây là

một nghề thủ công có tính gia đình, cha truyền con nối, trong khi một tấm vải mất một lượng lớn nhân công và thời gian.

*"Vậy là những bàn tay vô danh kia đã chết, sau khi làm việc cần mẫn, chỉ còn lại những tác phẩm của họ là thứ vải chijimi hiếm hoi này"*. [Xứ tuyết;327]. Nhưng công phu của một quá trình đằng đẵng kia vẫn để lại bài học vô giá, về sức lao động bền bỉ của con người và nó sẽ truyền đi được thông điệp về *"lòng dũng cảm của mọi nỗ lực thuần nhất và lòng nhiệt thành của một cảm hứng thuần nhất"*. [Xứ tuyết; 327].

Nghệ thuật dệt vải chijimi chỉ được trải nghiệm qua kiến thức của Shimamura và sàng lọc bằng trí tưởng tượng trong phút giây hiếm hoi anh cô độc nơi ***Xứ tuyết***, nhưng đó là một cách để một người trẻ ở Nhật Bản trong thời hậu chiến nhìn về truyền thống dân tộc theo một hướng tích cực. Shimamura đã cảm nghiệm nghệ thuật vượt lên trên lý thuyết, bằng cả hiện thực sống động. Dù vậy, nó vượt lên trên đời sống, là hạnh phúc, niềm mơ tưởng và khát khao của con người!

*Kimono* và nghệ thuật dệt vải *kimono* truyền thống là một quốc bảo của dân tộc Phù Tang. Bộ *kimono* biểu tượng cho nghệ thuật cao nhã Nhật Bản, cho những tâm hồn nhạy cảm với vẻ đẹp của dân tộc.

***Đó là người thợ dệt thủ công takabata tài hoa*** của nghệ thuật dệt tay ở mức độ nào đó, là một nghệ thuật. Nên dù những xưởng dệt ở Nhixidgin có cha truyền con nối ba thế hệ đi chăng nữa, nếu anh con trai không có tâm hồn và tài hoa thì dù cha anh là một ông thợ dệt cự phách, anh cũng chẳng là gì.

Cũng như bí quyết dệt vải chijimi, nghề dệt thắt lưng bằng loại máy dệt cao takabata được Kawabata miêu tả tỉ mỉ và tinh tế, nhưng lần này, chúng được phác hoạ bằng những nhân vật sống động, với nội tâm phong phú, dồi dào đầy cá tính. Sức bật của thông điệp vì thế cao hơn.

Nhắc đến nghệ thuật dệt vải chijimi người ta dễ liên tưởng đến những cô gái trẻ tinh khôi, nhưng nói đến nghề dệt tay takabata, ta lại nghĩ ngay đến những anh thợ lem luốt, suốt ngày cặm cụi trong những căn phòng tối tăm, cũ kĩ. Những đứa trẻ con bốn, đến năm tuổi đã được dạy guồng sợi từ mẹ và bà, và có thể làm chủ được máy dệt và tự lực thực hiện các mẫu vẽ đơn giản khi chúng mười tuổi. Nhưng để trở thành

một thợ dệt thủ công *takabata* phải tài hoa và có tâm hồn. Họ phải bắt nhịp được những hoạ tiết tao nhã, được kì công vẽ nên bằng sự tĩnh tâm và hơi ấm tâm hồn. Kawabata ca ngợi cái đẹp đích thực được sáng tạo bằng sự giao thoa giữa tài hoa và nhiệt tình trái tim của người dệt vải. Chiếc áo *kimono* hiện hữu mang giá trị vĩnh hằng đó, *cái đẹp tâm hồn trong tài hoa của anh thợ dệt.*

Tiêu dao tháng ngày trong ni viện cô tịch, Takichiro đã phác thảo hoạ tiết thắt lưng cho đứa con gái sắp bước vào tuổi hai mươi. Người Nhật Bản đánh dấu tuổi hai mươi của các thiếu nữ bằng chiếc kimono, gọi là Furisode, ba mẹ trân trọng dành tặng cho cô. Từ lúc này, cô gái sẽ được công nhận là một người trưởng thành, có thể lấy chồng, chịu trách nhiệm với chính bản thân mình và xã hội. Mặc Furisode là một tuyên bố rõ ràng rằng đó là một cô gái độc thân và sẵn sàng kết hôn.

Dồn tâm huyết tình cảm vào chiếc thắt lưng cho tuổi hai mươi của Chieko, nên lời khen tặng của lão thợ dệt già Xoxuke đánh giá là kiệt tác với phong cách hiện đại, màu sắc tươi sáng, hoạ tiết tao nhã là một tất nhiên. *" Bức vẽ có cảm tưởng thấy cả lòng hiếu thảo của cô con gái lẫn tình thương của cha mẹ"* để mặc cùng chiếc Furisode có màu sắc tươi sáng và làm bằng lụa tốt.

Nhưng cái nhìn của người già như Takichiro thu hẹp trong  quá khứ, có vẻ thiển cận và ít tiếp thu. Ngược lại với bóng chiều trong  suy nghĩ của Takichiro, anh thợ dệt Hideo có cái nhìn khoáng đạt, tươi trẻ về nghệ thuật và cuộc đời. Chất trẻ trong anh không dừng ở tầm nhìn ngắn, kinh nghiệm ít ỏi mà chính là nước Nhật thời kì đổi mới, hội nhập và bảo tồn bản sắc theo một ý thức hệ tiên tiến. Cái thắt lưng cầu kì của Takichiro bị chính anh trai trẻ này xem nhẹ. Hideo nhận thấy sự bất ổn trong nội tâm của Takichiro, *" dù thú vị, đặc sắc, nhưng trong đó, thiếu sự hài hoà và thiếu hơi ấm tâm hồn"* [Cố đô; 620]. Anh vẫn giữ ý định dệt thắt lưng nhưng đặt vào đấy tình cảm của anh, và nhờ đó, tiếp thêm hơi ấm cho bức phác thảo không chút sinh khí kia.

Một thắt lưng đẹp sẽ loại trừ trong nó sự cầu kì sặc sỡ của kiểu mẫu, màu sắc, sự bất ổn tâm hồn, nó tìm đến sự trau chuốt ở tài hoa, sự hài hoà cảm xúc và trạng thái vô ngã của anh thợ dệt. Chỉ nhìn một lần hoạ tiết của Takichiro, nhìn trong trạng

thái vô ngã, đánh mất hiện tại, nhận cả một cái tát tay, Hideo đã ghi nhớ và chọn được cách thức thể hiện nghệ thuật theo thiên hướng cá nhân.

Với Chieko, người khoát tác phẩm nghệ thuật kia, nàng là điểm đến của một *kimono*. Hideo đã lựa thuốc nhuộm và màu chỉ khác đi. Toàn bộ vẻ duyên dáng của nàng hiện ra rực rỡ khác thường. Nhưng nội tâm mới chính là điều trưởng cửu ở nàng.

Tất cả nàng khiến bao chàng say mê, tâm hồn dạt dào của Hideo cũng rơi vào điểm hút vô trọng lượng ấy. Có lẽ trong sự giống nhau của hai chị em sinh đôi Naeko và Chieko, Hideo là người chịu tác động mạnh nhất. Chỉ có anh có cơ duyên nhầm lẫn hai người, cũng chỉ có anh bị chính những ảo ảnh của hai thiếu nữ khuấy đảo. Dù vậy, khi chịu trách nhiệm dệt thặt lưng rừng thông liễu,*"Hideo vẫn lấn vấn về chuyện bí ẩn xung quanh hai chị em, nhưng tâm trí anh hướng vào mẫu trang trí cho thắt lưng nhiều hơn"* [Cố đô; 676]

Chiếc thắt lưng anh dệt cho Naeko có sự chồng chéo của hai bóng hình. Hoà trộn cảm xúc vào công việc lao động nghệ thuật sẽ sản sinh ra một kiệt tác của tâm hồn. Hideo đã tận dụng điều đó cùng với tất cả tài nghệ và như thế chiếc thắt lưng cùng với tình yêu đã ra đời nuôi dưỡng từ trong lao động nghệ thuật.

Gia đình Hideo là kiểu mẫu của gia đình truyền thống. Với những đứa con trai làm trụ cột, và người phụ nữ lặng lẽ phía sau những guồng sợi. Máy dệt cao takabata là một dạng máy dệt tay cao hơn máy thường. *"Người ta đặt takabata ngay xuống đất sau khi đã san bằng lớp phía trên mặt nền. Hơi ấm từ đất toát ra làm cho sợi mềm và dai hơn"*. [Cố đô; 697].

Xưởng dệt của gia đình Xoxuke thuộc khu vực sản xuất *kimono*, dù đã có những công xưởng hiện đại theo hướng Âu châu chắn ngang đời sống, nhưng khu vực này vẫn sạch sẽ, tinh tươm, các hàng rào được lau chùi cẩn thận. Những con người này vượt qua được những rào cản tinh thần bằng tấm lòng ưu ái với cuộc đời. Họ mộ chuộng thiên nhiên như hơi thở, vẫn thưởng hoa, ngắm cảnh, bằng trực giác và tâm hồn. Thiên nhiên đóng góp nhiều cho nghệ thuật và văn hoá Nhật Bản khiếu thẩm mỹ và bản sắc dân tộc, tạo thành niềm vui sống dào dạt. Ông Xoxuke có hẳn *"một lối mòn trồng long não trong bách thảo, ... ông thích đi dạo nơi ấy, nhất là tiết*

*xuân lúc rặng long não đâm chồi"* [ Cố đô; 613]. Đồng thời vẫn giữ thói quen thưởng ngoạn thiên nhiên để tìm thấy sự hoà hợp với môi trường và thảnh thơi tâm hồn.

Theo nếp nhà, và truyền thống dân tộc, Hideo thở bằng nhịp tim của truyền thống nhưng anh tiếp nhận được cái tinh tuý của hiện đại. Bất chấp sự coi thường của Takichiro với loài hoa Tây phương uất kim hương, anh vẫn thấy được cái đẹp từ chúng, vẫn nhận ra giữa khóm hoa tràn căng sắc màu kia là khoảnh khắc phát tiết rạng rỡ nhất của hoa. Tội tình gì ở màu sắc, ở việc chúng tươi sắc quá lâu so với cơn bão anh đào?

Vị trí địa lí của đảo quốc Phù Tang như hạt kê xa tít mù bên rìa vũ trụ đã tách tâm hồn người Nhật hướng vào chính thế giới nội tâm của mình. Hướng nội và coi trọng sự lắng đọng tâm hồn, khiến người Nhật nhạy cảm với cái đẹp, nhất là cái đẹp lắng sâu từ cội nguồn văn hoá dân tộc. Người Nhật yêu thích sắc màu của những bông hoa như yêu chính cuộc đời của họ, đó là một bộ phận không thể tách rời với truyền thống.

Những khuôn vải dệt từ bàn tay và tâm hồn của anh thợ dệt là một biểu hiện của cái đẹp. Tiêu chuẩn của nó, không cố định, thẩm mỹ quan cũng thay đổi theo người, nhưng nó vẫn là một biểu tượng cho quốc hồn quốc tuý của dân tộc Phù Tang.

Đây là *những kẻ lữ hành đi tìm cái đẹp trong bộ quốc phục dân tộc*, lãng du trên những đường diềm, sợi thắt lưng, tà áo. Bằng mọi nỗ lực người Nhật mang tới cho mọi vật dụng vẻ đẹp toàn mỹ vô song.

**<u>Tiểu kết:</u>**

*Kimono* là một biểu tượng rất Nhật Bản. Trước hết, đây là bộ quốc phục dân tộc Phù Tang, kế đến, kiểu mẫu gợi tình của *kimono* chuyển tải được vẻ đẹp nữ tính bằng những đường cong mềm mại cùng những khoảng trống ý nhị. Vì thế mà bước vào văn phẩm của Kawabata, vẻ đẹp tâm hồn cùng dáng vẻ uyển chuyển của thiếu nữ, các cô geisha được tôn vinh.

Biểu tượng *kimono* đã thu gọn tâm hồn cũng như tính cách của dân tộc Phù Tang. Mối quan hệ thâm giao giữa thiên nhiên và con người được Kawabata gói gọn nơi những đường diềm, tà áo sợi thắt lưng. Cùng với những trăn trở rất dân tộc của những người thợ dệt *kimono*, Kawabata đã chạm vào thời đại mà mọi giá trị tinh thần

Nhật Bản đang lung lay, mai một. Ông không hô hào, hay gióng một tiếng chuông cảnh tỉnh, chỉ bằng ngòi bút đầy chất thơ của mình, ông lay động một thế hệ đang nắm trong tay vận mệnh dân tộc.

Nhưng dù thế nào đi nữa, những tà áo mỏng manh ấy mang đời sống vĩnh cửu, mang niềm bi cảm sâu xa của trần thế. Tà áo tượng trưng cho *sự trường cửu khi nó là một tổng hoà điệu thế giới*.

# KẾT LUẬN

1. Trong hành trình đi tìm cái đẹp của chàng lữ khách Kawabata, cái đẹp của thiên nhiên và con người vốn được thăng hoa trong nghệ thuật nghìn năm của đất Phù Tang, thêm lần nữa, thăng hoa trong chiếc gương soi cái đẹp của văn chương Kawabata.

Tôn thờ cái đẹp như tôn giáo, người Nhật Bản chọn các biểu tượng để dẫn dắt tinh thần vào vũ trụ vô biên của mỹ cảm. Vào trang văn của Kawabata, ***tuyết – gương – kimono*** chuyển tải được nhiều hơn những gì mà truyền thống Phù Tang đã khơi gợi. ***Tuyết*** không chỉ là một hiện tượng thiên nhiên có khả năng diễn tả mùa và luân chuyển thời gian. ***Gương*** cũng không chỉ là báu vật hoàng gia tượng trưng cho lí trí và sức mạnh, và cả chiếc áo ***kimono*** cũng không đơn giản chỉ là quốc phục dân tộc.

Bằng tài năng và lòng yêu cuộc sống, yêu nguồn cội, Kawabata khám phá ra những tầng nghĩa sâu nặng mới cho thế giới biểu tượng Nhật Bản. Ông nhân bội phần vũ trụ vi mô của thế giới tưởng tượng này, để ***tuyết, gương, kimono*** chuyển tải thông điệp về tư duy, bản sắc dân tộc Phù Tang và "*mãi mãi gợi cảm đến bất tận*"[32; 26]. Tinh tuý văn hóa của đảo quốc Phù Tang được soi chiếu qua đôi mắt lãng du của Kawabata kết tinh thành những biểu tượng đặc sắc có giá trị nghệ thuật thâm thiết. Chúng không là chiếc thuyền chở vấn đề nhân sinh rộng lớn, hay đưa chúng ta đến những chân lí cuộc sống; đơn giản, biểu tượng của Kawabata Yasunari chỉ như cánh hoa anh đào mỏng manh tung tán bay mang theo hương sắc của tình yêu cuộc sống và cái đẹp vô thường, vĩnh cửu vốn được mộ chuộng ở đất nước này! Từ đó, những triết lý vô ngôn của Thần đạo, tư duy mỹ học Thiền ở đảo quốc Mặt trời vốn ẩn kín trong các con đường thẩm mỹ: hoa đạo, hương đạo, trà đạo, kiếm đạo, … cùng những tác phẩm văn học kinh điển đã được vượt sóng ra ngoài thế giới.

2. Trong các thủ pháp nghệ thuật của Yasunari Kawabata, biểu tượng độc đáo hơn hẳn. Với mỗi biểu tượng, ông dung hoà được tính tương phản, lẫn dòng độc thoại nội tâm… Người đọc tiếp nhận chúng lại mở thêm cánh cửa vào thế giới của chân không, mà dư tình ông gởi gắm, thúc giục ta tìm mọi cách để hoàn chỉnh chúng theo bản chất và kinh nghiệm riêng của ta. Thấu cảm được điều đó, ta sẽ mở rộng vô

cùng giới hạn bản thể trong triết lý về nhân sinh và vũ trụ. Ta sẽ hiểu được tại sao trong giọt sương có chiều sâu của đại dương vĩ đại.

3. Quan niệm về cái đẹp, giá trị thẩm mỹ cao nhất và hoàn thiện nhất được ông tiếp thu từ mạch sữa truyền thống. Tuy nhiên những trang viết của ông vẫn thấm đẫm tinh thần hiện đại, đầy sức sáng tạo. Từ những hình ảnh quen thuộc trong văn hoá dân tộc, Kawabata tìm kiếm tầng nghĩa mới, giãn nở chiều sâu kích rộng. *"Những quy luật đó đã định hình một hệ thống mỹ học thực hành cảu Kawabata Yasunari đặc trưng với quan niệm thẩm mỹ, nguyên tắc phản ánh và đối tượng phản ánh cái đẹp, với những xúc cảm nhân bản khác và phương thức tái hiện nó trong tác phẩm nghệ thuật"*[25; 79].

4. ***Hướng mở rộng của đề tài***:

Trong khuôn khổ Luận văn này, chúng tôi chỉ nghiên cứu ba biểu tượng ***Tuyết – gương – kimono*** được sử dụng trong ba tác phẩm đoạt giải Nobel văn học của Yasunari Kawabata. Đề tài có thể mở rộng theo hướng khai thác ba biểu tượng đó trong toàn bộ tác phẩm của Kawabata. Hay khai thác hầu hết các biểu tượng truyền thống đã được Kawabata sáng tạo trong toàn bộ văn phẩm. Từ đó đi vào nghiên cứu thi pháp của riêng Kawabata, hay trong sự tương chiếu với các nhà văn đương đại.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO


**A. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT:**

1. Anders Sterling (1968), "Giới thiệu giải Nobel văn chương năm 1968 của viện Hàn lâm Thuỵ Điển" - Trần Tiễn Cao Đăng dịch, *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, NXB Lao động, Hà Nội, tr. 812 – 956.
2. Arthur Golden (2002), *Hồi ức của một Geisha,* Thanh Vân dịch, NXB Phụ Nữ, Hà Nội.
3. Hoài Anh, (2001), *Tìm hoa quá bước*, NXB Văn học, Hà Nội.
4. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Trần Bạt (2006), *Văn hóa và con người* , NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Donald Keene (1991), "Về Xứ tuyết", Đào Thị Thu Hằng dịch, , *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, NXB Lao động, Hà Nội, tr. 1053- 1059.
7. Đoản Nhật Chấn (1996), *Truyện cổ nước Nhật và bản sắc dân tộc Nhật Bản,* NXB Văn học.
8. Eiichi Aoki (2006), *Nhật Bản - đất nước và con người*, NXB Văn học, HCM.
9. Eugeb Herrigel, (2001), *Thiền trong nghệ thuật bắn cung*, Nguyễn Tường Bách dịch, NXB Trẻ, Tp. HCM.
10. Đào Ngọc Chương, (6/ 2001), "Đọc Xứ tuyết suy nghĩ vế cái nhìn huyền ảo của Kawabata Yasunari", *Tạp chí Văn*, số 5 , tr. 101 - 104
11. Nhật Chiêu (1991), "Yasunari Kawabata- người cứu rỗi cái đẹp", *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, NXB Lao động, Hà Nội, tr. 1060 – 1076.
12. Nhật Chiêu (1999), *Nhật Bản trong chiếc gương soi*, NXB Giáo Dục.
13. Nhật Chiêu (2000), *Thế giới Kawabata Yasunari (hay là cái đẹp: Hình và bóng),* tạp chí Văn học số 3, tr. 85-92.

14. Nhật Chiêu (2001), *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, NXB Giáo dục, HCM.

15. Nhật Chiêu (2007), *3000 thế giới thơm,* NXB Văn Nghệ.

16. Đoàn Trung Còn, *Lịch sử nhà Phật,* NXB Tôn Giáo.

17. Nguyễn Văn Dân (2004), Phương pháp luận nghiên cứu văn học, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Nguyễn Văn Dân (1999), Nghiên cứu văn học lí luận và ứng dụng, NXB Giáo dục, Hà Nội.

19. Trần Xuân Đề (2000), *Tác giả, tác phẩm văn học phương Đông – Trung Quốc*, NXB Giáo dục.

20. Đỗ Đình Đồng, (2008), *Những câu chuyện về thiền – Góp nhặt cát đá,* NXB Thanh Hoá.

21. Haruki Murasaki (2006), *Rừng Nauy,* Trịnh Lữ dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

22. Haruki Murasaki (2006), *Biên niên kí chiêm vặn dây cót*, NXB Hội Nhà văn.

23. Harold G. Henderson, *Haiku nhập môn*, Lê Thiện Dũng dịch, NXB trẻ

24. Nguyễn Bích Hà (2000), *Tuyển tập truyện Cổ tích Nhật Bản*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

25. Khương Việt Hà, (2006), *Mỹ học Kawabata Yasunari,* tạp chí nghiên cứ văn học số 6, tr. 68-85.

26. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), (2000), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

27. Đào Thị Thu Hằng (2004), "Yasunari Kawabata giữa dòng chảy Đông Tây", *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, NXB Lao động, Hà Nội, tr. 1090 – 1107.

28. Đào Thị Thu Hằng (2007), *Văn hóa Nhật Bản và Yasunary Kawabata (chuyên luận)*, NXB Giáo dục.

29. Lê Từ Hiển, Lưu Đức Trung (biên soạn, tuyển chọn) (2007*), Haiku – hoa thời gian*, NXB Giáo Dục.

30. Trịnh Huy Hoá, (2002), *Đối thoại với các nền văn hoá* - Nhật Bản, NXB Trẻ, Hà Nội.

31. Thích Thông Huệ (2007), *Thiền là gì?,* NXB phương Đông, TP. HCM

32. Jean Chevalier & Alain Gheerharant (1997), *Tự điển biểu tượng văn hóa thế giới,* NXB Đà Nẵng.

33. John Steves – the Essence of Sho, *Thiền và nghệ thuật thư pháp*, Thích Nhuận Châu dịch, NXB TPHCM

34. K. Pauxtopxki (2001), *Bình minh mưa,* NXB Văn hoá – thông tin. trang 148.

35. Kamya, Taeko (2005), *Từ điển Nhật Việt - Việt Nhật,* NXB Tự điển Bách Khoa, TP. HCM.

36. Thuỵ Khê, (2005), "Từ Murasaki đến Kawabata", *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, NXB Lao động, Hà Nội. tr. 976- 1022.

37. Krishnamurti, (2004), *Đối diện với cuộc đời*, Nguyễn Tường Bách dịch, NXB Phụ Nữ.

38. Krishnamurti, (2007, *Đại bàng cất cánh*, NXB Tổng hợp TP. HCM.

39. Krishnamurti, (2008), *Quyển sách của cuộc đời - Thiền định mỗi ngày cùng Krishnamurti,* NXB Tổng Hợp Tp. HCM.

40. Cao Hành Kiện ( 2002), *Linh Sơn*, NXB Phụ Nữ.

41. Luc Benoist (2006), *Dấu hiệu, biểu trưng và thần thoại,* Hoàng Mai Anh dịch, NXB Thế giới.

42. Phương Lựu (1995), *Tìm hiểu lý luận văn học phương Tây hiện đại*, NXB Văn học.

43. Phương Lựu (1996), *Tìm hiểu trực giác và vô thức trong tư duy nghệ thuật của nhà văn,* NXB Giáo Dục.

44. M. Basho (1999), *Lối lên miền Oku*, Vĩnh Sính dịch, NXB Thế giới, Hà Nội.

45. Marcel Proust (1992), *Đi tìm thời gian đã mất,* NXB Văn học, Hà Nội.

46. Maxence Fermine, (2008), *Tuyết*, NXB Văn học.

47. Milan Kundera (1998), *Nghệ thuật tiểu thuyết*, NXB Đà Nẵng.

48. Mộc Nhiên (2006), *Krishnamurti - Nỗi đau thời gian*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

49. Murasaki Shikibu (1991), *Truyện Genji*, NXB Khoa học Xã hội.

50. N. Konrat (1997), *Văn học Nhật Bản từ cổ đến cận đại*, Trịnh Bá Đỉnh dịch, NXB Giáo dục.

51. N. Fedorenko (9/1990), "Kawabata, con mắt nhìn thấu cái đẹp", Thái Hà dịch, *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, NXB Lao động, Hà Nội. tr. 1023 – 1052.

52. Hữu Ngọc (2006), *Hoa anh đào và điện tử*, NXB Văn nghệ.

53. Okakura Kakuzo (2008), *Trà đạo tiểu luận*, NXb Văn nghệ, HCM.

54. Osawa, *Hoa đạo*, bản dịch của Ngô Thành Nhân và Nguyễn Hồng Giao, NXB Văn nghệ TP. HCM.

55. Osho, *Trưởng thành: trách nhiệm là chính mình*, NXB Văn hoá Thông tin Hà Nội

56. R. H. P Mason & J. G. Caiger (2004), *Lịch sử Nhật Bản*, Nguyễn Văn Sỹ dịch, NXB Lao Động.

57. Đỗ Lai Thuý (1999), *Từ cái nhìn văn hoá*, NXB Văn hoá dân tộc.

58. Trần Đình Sử (2001), *Thi pháp thơ Tố Hữu,* NXB Văn hoá Thông tin.

59. Trung tâm văn hóa Đông Tây (2005), *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, NXB Lao động, Hà Nội.

60. Lưu Đức Trung (1998), *Bước vào vườn hoa văn học Châu Á*, NXB Giáo dục.

61. Lưu Đức Trung (1997), *Yasunary Kawabata- cuộc đời, tư tưởng và tác phẩm,* NXB Giáo dục.

62. Lưu Đức Trung (1999), *Thi pháp tiểu thuyết của Yasunary Kawabata – nhà văn lớn Nhật Bản,* Tạp chí Văn học số 9.

63. Lưu Đức Trung chủ biên (2004), *Chân dung các nhà văn thế giới*, NXB Giáo dục.

64. Thích Thông Tuệ (2007), *Thiền là gì?* NXB phương Đông.

65. V.V. Otrinicop (1996), *Những quan niệm thẩm mỹ độc đáo về nghệ thuật của người Nhật,* Phong Vũ dịch, Tạp chí Văn học số 5.

66. V. Ovsinncov, *Cây anh đào và cây sồi*, Bùi Văn Hoà dịch, NXB Hội nhà văn – Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây.

67. Vơxevolot Ovochinnhikhop (1987), *Cành Sakura*, Nguyễn Ngọc Sang dịch, NXB Mũi Cà Mau.

68. Y.Kawabata (1968), "Sinh ra từ vẻ đẹp Nhật Bản (Diễn từ Nobel), Đoàn Tử Huyến dịch, *Yasunari Kawabata - tuyển tập tác phẩm*, tr. 961 – 975.

69. W. Holmes, CH. Horioka (2006), *Nghệ thuật thiền qua hội hoạ,* NXB Tổng hợp Tp. HCM.

**B. TÀI LIỆU TIẾNG ANH:**

70. Anders Uslerling (1999), *The Nobel prize for literature 1968*, the Nobel Foundation.

71. Donald Keene (1984), *Dawn to the West – Janpanse Literature in the modern era,* Fiction Hold, Rinebart anhwinston, New York.

72. Itasaka(edited)(1983), *Encyclopedia of Japan,* Kodansha International, L.T.D, Tokyo, New York, London.

73. J. Thomas Rimer, *A Reader's Guide to Japanses Literature*, Kodansha International, Tokyo anh New York.

74. Toshimitsu Hasumi (1962), *Zen in japanese Art*, RKP Lon don,

75. Y. Kawabata (1968), *Snown Contry*, Tranlated by E.G. Seidensticker Berkley Publishing corporation, New York.

**C. TÀI LIỆU TỪ INTERNET:**

76. http//www.evan.com.vn

77. http//www.vienvanhoc.org.vn

78. http//www.vi.wikipedia.org.

79. http//www.kirjasto.sci.fi//kawabata.htm

80. http//www.nhatban.net

81. http//www.thongtinnhatban.com

82. http//www.vanhoahoc.edu.vn

83. http//www.đaouyen.com

# PHỤ LỤC

**Khỉ chơi trăng** - Tohaku

**Thác nước** - Zeshin Shibata

Chiếc kimono **Furisode** dành cho các cô gái bước sang tuổi 20
(có đặc điểm là màu sắc sặc sỡ và cánh tay áo rộng)

Thắt lưng Obi

Geisha

Hình ảnh *sanbon – ashi* (ba chân) được vẽ sau cổ của mỗi geisha

Trà đạo Nhật Bản

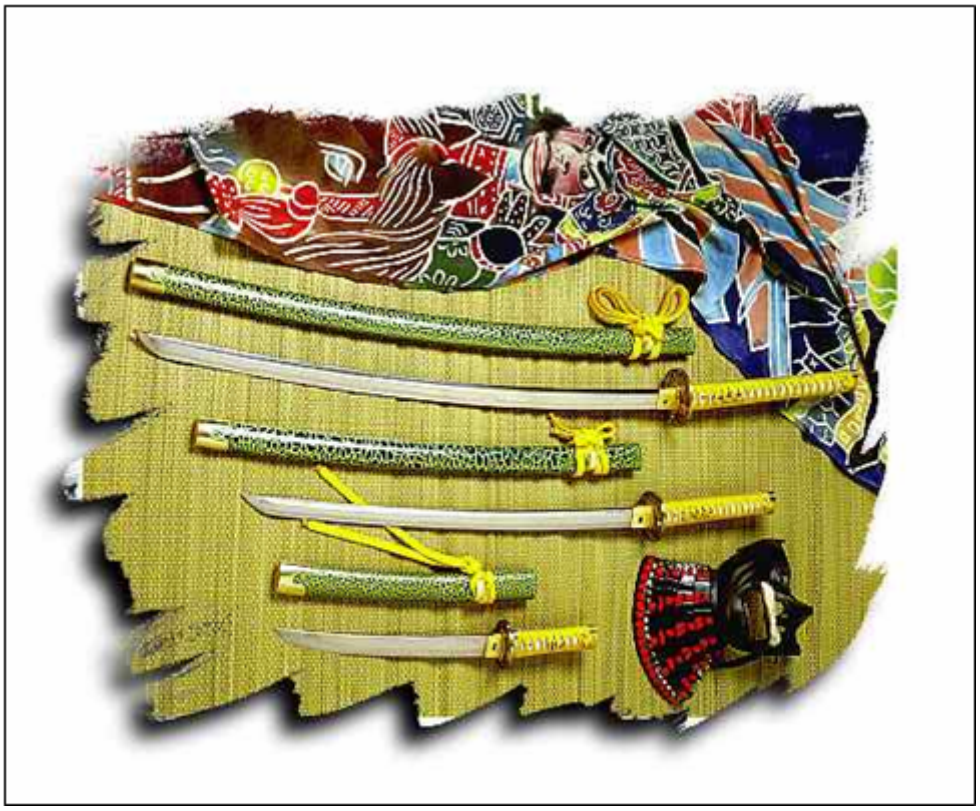

Kiếm đạo Nhật  Bản; *bao gồm*:
Cặp kiếm chiến đấu: **Tachi và Tanto**
Cặp kiếm dân sự : **Katana và Wakazashi** .

Hoa anh đào

Lá phong trên tuyết